

Quỹ ETF VINACAPITAL VN100 (“Quỹ”) đã được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (“UBCKNN”) cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng Chỉ Quỹ ra công chúng (“**Giấy Chứng Nhận**”) theo quy định của Pháp Luật. Giấy Chứng Nhận này chỉ có ý nghĩa xác định việc đăng ký thành lập Quỹ và phát hành Chứng Chỉ Quỹ đã được thực hiện theo quy định của Pháp Luật liên quan mà không hàm ý UBCKNN đưa ra bất kỳ bảo đảm hoặc xác nhận nào về nội dung của Bản Cáo Bạch này cũng như mục tiêu và chiến lược đầu tư của Quỹ.

BẢN CÁO BẠCH

QUỸ ETF VINACAPITAL VN100 (Sửa đổi ngày 27 tháng 07 năm 2020)

Bản Cáo Bạch này Được Cung Cấp Tại:

Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ VinaCapital

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà SunWah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84 – 28) 3821 9930

Fax: (84 – 28) 3821 9931

Email: irwm@vinacapital.com

Website: wm.vinacapital.com

Phụ Trách Công Bố Thông Tin:

Ông Đinh Gia Ninh

Trưởng Bộ Phận Kiểm Soát Nội Bộ Công Ty Cổ phần Quản Lý Quỹ VinaCapital

Quỹ ETF VINACAPITAL VN100 được giới thiệu trong Bản Cáo Bạch này là Quỹ được thành lập theo Luật Chứng Khoán số 70/2006/QH11 do Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006, Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi và bổ sung một số điều của Luật Chứng Khoán do Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Bản Cáo Bạch này đã được đăng ký với UBCKNN vào ngày ____ / ____ / ____.

Bản Cáo Bạch cung cấp thông tin chính xác về Quỹ mà Nhà Đầu Tư tiềm năng nên tìm hiểu trước khi đầu tư. Nhà Đầu Tư nên lưu lại Bản Cáo Bạch này để tham chiếu trong tương lai. Nhà Đầu Tư cũng cần cập nhật bất kỳ thay đổi nào của Bản Cáo Bạch này sau ngày được công bố. Các Nhà Đầu Tư nên đọc các tài liệu bổ sung như Điều Lệ Quỹ và các báo cáo hoạt động của Quỹ (khi Quỹ đã bắt đầu hoạt động) để hiểu rõ về hoạt động của Quỹ trước khi quyết định đầu tư.

THÔNG TIN QUAN TRỌNG

Đây là những thông tin quan trọng dành cho Nhà Đầu Tư trước khi thực hiện việc đăng ký mua Chứng Chỉ Quỹ của Quý. Nhà Đầu Tư cần đọc và nghiên cứu kỹ trước khi quyết định đầu tư vào Quý.

Chứng Chỉ Quỹ được phép phát hành ra công chúng dựa trên những thông tin và cam kết được công bố tại Bản Cáo Bạch của Quý. Bất kỳ thông tin hoặc cam kết nào khác do người môi giới, đại lý phân phối hay những người khác đưa ra sẽ không được xem là đưa ra theo sự ủy quyền của Quý, Công Ty Quản Lý Quỹ hay bất kỳ người đại diện nào của Quý cũng như của Công Ty Quản Lý Quỹ. Không người nào có quyền đưa ra bất kỳ thông tin hay cam kết nào khác với những nội dung trong Bản Cáo Bạch và những văn bản đính kèm. Chứng Chỉ Quỹ được phép phát hành dựa trên những thông tin và cam kết được công bố trong Bản Cáo Bạch và các tài liệu đính kèm. Việc lưu hành Bản Cáo Bạch cũng như phân phối hay phát hành Chứng Chỉ Quỹ trong bất kỳ trường hợp nào cũng không tạo ra bất kỳ sự gợi ý nào hoặc ngụ ý nào rằng sẽ không có bất kỳ sự thay đổi nào về tình hình hoạt động của Quý sau ngày Bản Cáo Bạch được phát hành.

Bản Cáo Bạch không tạo ra việc chào bán hoặc thuyết phục bởi bất kỳ người nào tại bất kỳ quốc gia nào mà việc chào bán hoặc thuyết phục đó không được phép theo quy định của pháp luật nước đó. Việc lưu hành và phân phối Bản Cáo Bạch và phân phối Chứng Chỉ Quỹ ở một số quốc gia có thể bị giới hạn bởi pháp luật nước đó. Nhà Đầu Tư có nhu cầu đăng ký mua Chứng Chỉ Quỹ có trách nhiệm cập nhật, hiểu và tuân thủ bất kỳ hạn chế nào đối với mình theo quy định của pháp luật của nước mà Nhà Đầu Tư đó mang quốc tịch. Ngoài ra, Nhà Đầu Tư cần tự tìm hiểu các quy định pháp luật của Việt Nam và của nước sở tại về quản lý ngoại hối, thuế, cư trú và các quy định khác liên quan đến hoạt động đầu tư của mình vào Quý.

Nhà Đầu Tư (bao gồm cả Nhà Đầu Tư nước ngoài) cần tham khảo ý kiến chuyên môn để biết thêm về các vấn đề về thuế, các quy định pháp luật và các giao dịch ngoại tệ và biện pháp kiểm soát rủi ro tỷ giá hối đoái liên quan đến việc mua, bán và nắm giữ Chứng Chỉ Quỹ.

Nhà Đầu Tư cần hiểu và đồng ý rằng giá trị Chứng Chỉ Quỹ và thu nhập (nếu có) từ việc đầu tư vào Quý có thể tăng lên hoặc giảm xuống. Theo đó, tại thời điểm giải thể Quý, giá trị thu hồi của Chứng Chỉ Quỹ mà Nhà Đầu Tư nắm giữ có thể thấp hơn hoặc cao hơn giá trị ban đầu.

Nhà Đầu Tư cần lưu ý rằng kết quả hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ trong quá khứ không nhất thiết hàm ý rằng hiệu quả hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ hay của Quý trong tương lai cũng như vậy.

Nhà đầu tư cần đọc kỹ Bản Cáo Bạch, Điều Lệ của Quý và các tài liệu có liên quan khác do Công Ty Quản Lý Quỹ và các đại lý phân phối được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền được thể hiện rõ trong Bản Cáo Bạch cung cấp trước khi quyết định đầu tư vào Quý.

Đặc biệt, giá trị Chứng Chỉ Quỹ, khả năng sinh lời và những rủi ro tiềm tàng trình bày trong Bản Cáo Bạch chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy thuộc và tình hình thị trường. Việc đầu tư vào Quý không hàm ý bảo đảm khả năng sinh lời cho Nhà Đầu Tư. Nhà Đầu Tư do vậy cũng nên xem xét kỹ các yếu tố rủi ro trong việc đầu tư vào Chứng Chỉ Quỹ như được trình bày trong Bản Cáo Bạch.

MỤC LỤC

THÔNG TIN QUAN TRỌNG.....	2
I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỀ NỘI DUNG BẢN Cáo BẠCH.....	6
1.1. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....	6
1.2. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.....	6
II. ĐỊNH NGHĨA VÀ DIỄN GIẢI.....	6
III. CƠ HỘI ĐẦU TƯ	
3.1. TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ.....	10
3.2. DIỄN BIẾN VÀ TRIỂN VỌNG ĐẦU TƯ VÀO THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN.....	13
3.3. GIỚI THIỆU VỀ CHỈ SỐ THAM CHIẾU VN100	18
3.4. LỢI ÍCH KHI ĐẦU TƯ VÀO QUỸ ETF.....	21
IV. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....	21
4.1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....	21
4.2. GIỚI THIỆU CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....	22
4.3. GIỚI THIỆU CÁC NHÂN SỰ CHỦ CHỐT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....	22
V. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.....	33
VI. CÔNG TY KIỂM TOÁN.....	33
VII. THÀNH VIÊN LẬP QUỸ	33
VIII. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ.....	33
IX. TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN.....	34
9.1. TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN CUNG CẤP DỊCH VỤ QUẢN TRỊ QUỸ.....	34
9.2. TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN CUNG CẤP DỊCH VỤ ĐẠI LÝ CHUYÊN NHƯỢNG.....	34
9.3. TỔ CHỨC TẠO LẬP THỊ TRƯỜNG.....	34
X. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ.....	34
10.1. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ.....	34
10.2. MỤC TIÊU ĐẦU TƯ, CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ VÀ HẠN MỨC ĐẦU TƯ CỦA QUỸ.....	35
10.3. CÁC RỦI RO KHI ĐẦU TƯ VÀO QUỸ.....	37
10.4. TÓM TẮT ĐIỀU LỆ QUỸ	41
XI. PHÁT HÀNH CHỨNG CHỈ QUỸ LẦN ĐẦU	46
11.1. Căn Cứ Pháp Lý.....	46
11.2. Phương Án Phát Hành Lần Đầu.....	47
11.3. Quy Trình Phát Hành CHỨNG CHỈ QUỸ LẦN ĐẦU	48
XII. QUY TRÌNH GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI ĐỊNH KỲ (GIAO DỊCH SƠ CẤP).....	55
12.1. Đối tượng tham gia giao dịch hoán đổi.....	55
12.2. Chứng khoán thực hiện giao dịch hoán đổi.....	55
12.3. Phương thức thực hiện giao dịch hoán đổi.....	55

12.4	Thời gian giao dịch hoán đổi.....	55
12.5	Thời điểm đóng sổ lệnh.....	55
12.6	Tần suất giao dịch của Quỹ.....	55
12.7	Thời gian nhập các Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi của Nhà Đầu Tư vào hệ thống của VSD	56
12.8	Sửa/Hủy Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi	56
12.9	Phương tiện thanh toán.....	56
12.10	Thời điểm chốt kiểm tra tiền và số lượng chứng khoán thực hiện giao dịch hoán đổi, giao dịch hoán đổi không hợp lệ.....	57
12.11	Quy Trình Thực Hiện Giao Dịch Hoán Đổi Chứng Khoán Cơ Cấu Lấy Lô Chứng Chỉ Quỹ	57
12.12	Quy Trình Thực Hiện Giao Dịch Hoán Đổi Lô Chứng Chỉ Quỹ Lấy Chứng Khoán Cơ Cấu	62
12.13	Xử lý các trường hợp vượt tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư	63
12.14	Tạm ngừng nhận, thực hiện các Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi.....	64
12.15	Thành Viên Lập Quỹ/Đại Lý Phân Phối mua Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu cho Nhà Đầu Tư.....	65
12.16	Thực hiện giao dịch chuyển nhượng phi thương mại.....	65
12.17	Yêu Cầu Đối Với Hồ Sơ Đăng Ký và Tuân Thủ.....	65
XIII.	NIÊM YẾT, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ TRÊN HOSE (GIAO DỊCH THỨ CẤP) VÀ HỦY NIÊM YẾT.....	66
XIV.	NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH GIÁ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ.....	68
14.1	Xác Định Giá Trị Tài Sản Ròng.....	68
14.2	Ngày Định Giá	69
14.3	Nguyên Tắc, Phương Pháp Định Giá Tài Sản Ròng.....	69
XV.	GIÁ DỊCH VỤ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ VÀ CÁC LOẠI GIÁ DỊCH VỤ	73
15.1	Giá Dịch Vụ Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ	73
15.2	Giá Dịch Vụ Phát Hành VÀ GIÁ PHÁT HÀNH.....	73
15.3	Giá Dịch Vụ Mua Lại VÀ GIÁ MUA LẠI.....	74
15.4	các loại giá dịch vụ do quỹ trả.....	74
15.5	Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ	74
15.6	Thưởng Hoạt Động	75
15.7	Giá Dịch Vụ Ngân Hàng Giám Sát.....	75
15.8	Giá Dịch Vụ Lưu Ký.....	75
15.9	Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ	75
15.10	Giá Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng.....	75
15.11	Giá Dịch Vụ Quản Lý Và Vận Hành Chỉ Số Tham Chiếu.....	76
15.12	Giá Dịch Vụ Tính Toán Giá Trị Tài Sản Ròng Tham Chiếu (iNAV) TRÊN MỘT CHỨNG CHỈ QUỸ	76

15.13	Giá Dịch Vụ Kiểm Toán	76
15.14	Thù lao cho Ban Đại Diện Quỹ	76
15.15	Chi Phí Khác	76
15.16	Các Chỉ Tiêu Hoạt Động	77
XVI.	PHÂN CHIA LỢI NHUẬN VÀ CHÍNH SÁCH THUẾ	77
16.1	Phân Chia Lợi Nhuận	77
16.2	Chính Sách Thuế	78
XVII.	KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO	79
XVIII.	GIẢI QUYẾT XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	80
XIX.	CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NHÀ ĐẦU TƯ	80
19.1	Báo Cáo Cho Nhà Đầu Tư	80
19.2	Báo Cáo Quỹ	80
19.3	Báo Cáo Bất Thường	81
19.4	Hình Thức Gửi Báo Cáo	81
XX.	ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC VÀ GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CỦA NHÀ ĐẦU TƯ	81
XXI.	CAM KẾT	81
XXII.	PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM	81
	PHỤ LỤC 1: CÁC MẪU BIỂU	83
	PHỤ LỤC 2 – DANH SÁCH THÀNH VIÊN LẬP QUỸ, ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI VÀ ĐIỂM NHẬN LỆNH	84

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỀ NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I.1. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ VinaCapital

Ông Brook Colin Taylor – Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị và là người đại diện theo pháp luật của Công Ty Quản Lý Quỹ

Bà Nguyễn Thị Thái Thuận – Tổng Giám Đốc của Công Ty Quản Lý Quỹ

Ông Nguyễn Xuân Châu – Kế Toán Trưởng của Công Ty Quản Lý Quỹ

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Cáo Bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, đã thẩm tra hoặc thu thập thông tin một cách hợp lý. Tuy nhiên, ngoại trừ những điểm được thể hiện rõ tại Bản Cáo Bạch này là đã được thẩm định bởi bên thứ ba, toàn bộ thông tin trong Bản Cáo Bạch này chưa được kiểm định hoặc thẩm định bởi bất kỳ bên nào.

I.2. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam – Chi Nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa

Bà Trần Thị Kim – Phó Giám Đốc và là người đại diện của Ngân Hàng Giám Sát.

Theo Giấy ủy quyền số 917/QĐ-BIDV ngày 27/11/2018 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Bản Cáo Bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán Chứng Chỉ Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ lập. Chúng tôi, với tư cách là Ngân Hàng Giám Sát của Quỹ xác nhận các thông tin có liên quan đến Ngân Hàng Giám Sát trong Bản cáo Bạch này và sẽ chịu trách nhiệm theo các quy định trong phạm vi lloại Đồng Giám Sát giữa chúng tôi với Công Ty Quản Lý Quỹ và theo quy định của pháp luật.

II. ĐỊNH NGHĨA VÀ DIỄN GIẢI

Trừ khi ngữ cảnh quy định khác, các thuật ngữ được viết hoa trong Bản Cáo Bạch này sẽ có nghĩa như sau:

“Ban Đại Diện Quỹ”	là những người đại diện cho các Nhà Đầu Tư được Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ bầu ra để thay mặt các Nhà Đầu Tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.
“Bản Cáo Bạch”	là bản cáo bạch này và tài liệu hoặc dữ liệu điện tử khác công khai một cách chính xác, trung thực và khách quan các thông tin về Quỹ và các thông tin liên quan đến việc chào bán và giao dịch Chứng Chỉ Quỹ của Quỹ.
“Công Ty Quản Lý Quỹ” hay “VCFM”	là Công Ty Cổ phần Quản Lý Quỹ VinaCapital được thành lập theo giấy chứng nhận thành lập và hoạt động số 31/UBCK-GP do UBCKNN cấp lần đầu ngày 14 tháng 4 năm 2008 (và được sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm), chi tiết như được thể hiện tại Mục IV của Bản Cáo Bạch này, hoặc bất kỳ đơn vị nào kế thừa quyền và nghĩa vụ của công ty này.
“Chỉ Số Tham Chiếu” hay “Chỉ số VN100”	là chỉ số VN100, một chỉ số thị trường bao gồm cổ phiếu thành phần của VN30 và VNMidcap do HOSE xây dựng và quản lý trong đó (i) VN30 là chỉ số được xây dựng từ rổ cổ phiếu thành phần của VNAIshare (là tất cả các cổ phiếu niêm yết trên HOSE đáp ứng đủ điều kiện tham gia vào bộ chỉ số của HOSE), gồm 30 công ty có giá trị vốn hóa và thanh khoản hàng đầu đáp ứng các điều kiện theo quy định của HOSE và (ii) VNMidcap là

chỉ số được xây dựng từ rổ cổ phiếu thành phần của VNAllshare, gồm 70 công ty có giá trị vốn hóa sau VN30 đáp ứng các điều kiện theo quy định của HOSE. Chỉ Số Tham Chiếu đáp ứng quy định tại Khoản 4 Điều 3 Thông tư 229/2012/TT-BTC ngày 27/12/2012 hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục.

“Chứng Chỉ Quỹ”	là chứng chỉ quỹ ETF, một loại chứng khoán do Công Ty Quản Lý Quỹ đại diện cho Quỹ phát hành, dưới dạng bút toán hoặc ghi sổ, xác nhận quyền sở hữu của Nhà Đầu Tư đối với một phần vốn góp tại Quỹ. Mệnh giá Chứng Chỉ Quỹ là 10.000 đồng. Chứng Chỉ Quỹ được niêm yết và giao dịch trên HOSE.
“Chứng Khoán Cơ Cấu”	là chứng khoán cơ sở cấu thành danh mục chứng khoán của Chỉ Số Tham Chiếu.
“Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu”	là danh mục bao gồm các Chứng Khoán Cơ Cấu được thiết kế nhằm mô phỏng biến động của Chỉ Số Tham Chiếu và được Công Ty Quản Lý Quỹ chấp nhận trong giao dịch hoán đổi lấy Lô Chứng Chỉ Quỹ.
“Đại Hội Nhà Đầu Tư”	là đại hội của các Nhà Đầu Tư được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề liên quan đến Quỹ thuộc thẩm quyết biểu quyết của các Nhà Đầu Tư. Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ.
“Đại Lý Chuyển Nhượng”	là Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc tổ chức được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền để cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng theo quy định tại Điều 1.6 của Quỹ.
“Đại Lý Phân Phối”	là các Thành Viên Lập Quỹ hoặc các công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán và đã có thỏa thuận và/hoặc ký hợp đồng phân phối Chứng Chỉ Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ.
“Điểm Nhận Lệnh”	là trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch hoặc văn phòng đại diện của Đại Lý Phân Phối hoặc Thành Viên Lập Quỹ được ủy quyền để nhận lệnh từ các Nhà Đầu Tư.
“Điều Lệ”	là điều lệ của Quỹ và các bản sửa đổi, bổ sung, tái ban hành hoặc thay thế vào từng thời điểm.
“ETF” hay “quỹ ETF”	là quỹ hoán đổi doanh mục (exchange-traded fund) và là một loại hình quỹ mở, hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ quỹ.
“FATCA”	là Đạo luật Tuân Thủ Thuế đối với tài khoản nước ngoài được thông qua bởi Quốc hội Mỹ ngày 10/3/2010 và có hiệu lực ngày 01/7/2014.
“Giá Trị Tài Sản Ròng” hay “NAV”	là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại Ngày Định Giá.
“Giá Trị Tài Sản Ròng Tham Chiếu (iNAV) Trên Một Chứng Chỉ Quỹ”	là giá trị tài sản ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ được xác định trong phiên giao dịch. Giá Trị Tài Sản Ròng Tham Chiếu (iNAV) Trên Một Chứng Chỉ Quỹ được tính và cung cấp bởi HOSE.
“Hợp Đồng Giám Sát”	là hợp đồng được ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát liên quan đến việc giám sát hoạt động của Quỹ.
“HNX”	là Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
“HOSE”	là Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
“Hoán Đổi Danh Mục”	là việc đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy Lô Chứng Chỉ Quỹ và ngược lại. Giao dịch Hoán Đổi Danh Mục được thực hiện giữa Quỹ và

	Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều Lệ và Bản Cáo Bạch này.
“Giá Dịch Vụ Mua Lại”	là mức giá dịch vụ mà Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ phải trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi các Lô Chứng Chỉ Quỹ lấy Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu.
“Giá Dịch Vụ Phát Hành”	là mức giá dịch vụ mà Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ phải trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ khi mua Chứng Chỉ Quỹ phát hành lần đầu ra công chúng hoặc khi thực hiện giao dịch hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy các Lô Chứng Chỉ Quỹ.
“Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ”	là giá dịch vụ mà Quỹ phải trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định tại Điều Lệ và Bản Cáo Bạch này.
“Giá Mua Lại”	là mức giá mà Công Ty Quản Lý Quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc hoán đổi một Lô Chứng Chỉ Quỹ lấy Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu. Giá Mua Lại bằng Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Lô Chứng Chỉ Quỹ tính tại cuối ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ Giá Dịch Vụ Mua Lại áp dụng cho giao dịch hoán đổi.
“Giá Phát Hành”	là mức giá mà Công Ty Quản Lý Quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy một Lô Chứng Chỉ Quỹ (bao gồm Chứng Chỉ Quỹ phát hành lần đầu ra công chúng). Giá Phát Hành bằng Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Lô Chứng Chỉ Quỹ tính tại cuối ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch hoán đổi cộng Giá Dịch Vụ Phát Hành áp dụng cho giao dịch hoán đổi.
“Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi”	bao gồm lệnh mua, trong đó Thành Viên Lập Quỹ và/hoặc Nhà Đầu Tư yêu cầu Quỹ tiếp nhận Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu và phát hành các Lô Chứng Chỉ Quỹ, và lệnh bán, trong đó Thành Viên Lập Quỹ và/hoặc Nhà Đầu Tư yêu cầu Quỹ tiếp nhận các Lô Chứng Chỉ Quỹ và hoàn trả Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu.
“Lô Chứng Chỉ Quỹ”	là đơn vị giao dịch trong giao dịch theo cơ chế hoán đổi danh mục giữa Quỹ và Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư. Một Lô Chứng Chỉ Quỹ bao gồm tối thiểu một trăm nghìn (100.000) Chứng Chỉ Quỹ hoặc một số lượng Chứng Chỉ Quỹ khác được Công Ty Quản Lý Quỹ điều chỉnh tùy từng thời điểm nhưng vẫn phải đảm bảo một Lô Chứng Chỉ Quỹ có không ít hơn một trăm nghìn (100.000) Chứng Chỉ Quỹ.
“Ngân Hàng Giám Sát”	là ngân hàng thương mại có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán được Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn để thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc quản lý Quỹ. Thông tin chi tiết về Ngân Hàng Giám Sát được thể hiện tại Mục V của Bản Cáo Bạch này.
“Ngày Định Giá”	là ngày mà Công Ty Quản Lý Quỹ xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ theo quy định của Điều Lệ và Bản Cáo Bạch này.
“Ngày Giao Dịch Hoán Đổi”	là Ngày Định Giá mà vào ngày đó Công Ty Quản Lý Quỹ đại diện cho Quỹ thực hiện phát hành hoặc mua lại các Lô Chứng Chỉ Quỹ từ Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư theo cơ chế Hoán Đổi Danh Mục.
“Ngày Làm Việc”	là bất kỳ ngày nào không phải là Thứ Bảy, Chủ Nhật hoặc ngày nghỉ lễ mà vào ngày đó các Sở giao dịch chứng khoán và các ngân hàng tại Việt Nam mở cửa hoạt động kinh doanh bình thường.
“Người Có Liên Quan”	được hiểu và giải thích theo quy định tại Điều 6.34 của Luật Chứng Khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi và bổ sung một số điều của Luật Chứng Khoán được Quốc hội

	Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 24 tháng 11 năm 2010, hoặc quy định khác thay thế quy định tại Điều 6.34 này.
“Nhà Đầu Tư”	là nhà đầu tư đăng ký mua Chứng Chỉ Quỹ hoặc được ghi nhận là chủ sở hữu của một hoặc một số Chứng Chỉ Quỹ trong Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư.
“Pháp Luật”	là pháp luật của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
“Quỹ” hay “Quỹ ETF VinaCapital VN100”	là một quỹ ETF, hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy Chứng Chỉ Quỹ hoặc bất kỳ quỹ nào khác kế thừa quyền và nghĩa vụ của quỹ này.
“Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư”	là tập dữ liệu điện tử ghi nhận các thông tin về Nhà Đầu Tư và tình trạng sở hữu Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư do Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc VSD lập và quản lý.
“Sự Kiện Bất Khả Kháng”	là một sự kiện ngoài tầm kiểm soát của một người mà làm cho người đó không thể thực hiện được bất kỳ nghĩa vụ nào của mình theo quy định tại Điều 1.6, Bản Cáo Bạch này hoặc Pháp Luật liên quan, bao gồm nhưng không giới hạn: (a) Thiên tai (như là, nhưng không giới hạn, cháy, nổ, động đất, hạn hán, sóng thần và lũ lụt); (b) Chiến tranh, hành vi thù địch (cho dù có tuyên bố chiến tranh hay không), xâm lược, hành động của các thế lực thù địch nước ngoài, động viên, lệnh hoặc cấm vận; (c) Nổi loạn, cách mạng, khởi nghĩa, thế lực quân đội hoặc lật đổ hoặc nội chiến; (d) Nhiễm phóng xạ từ bất kỳ nguồn nhiên liệu hạt nhân nào hoặc từ chất thải hạt nhân do cháy nhiên liệu hạt nhân, vụ nổ chất phóng xạ hoặc các chất nguy hiểm khác từ vụ nổ các hợp chất hạt nhân hoặc các thành phần hạt nhân của những hợp chất đó; (e) Bạo động, đình công, lãn công, đóng cửa nhà máy hoặc nổi loạn; (f) Hành động hoặc đe dọa khủng bố; hoặc (g) Đạo luật, lệnh, quyết định hoặc cưỡng chế của cơ quan nhà nước; bất kỳ sự thay đổi, điều chỉnh hoặc sửa đổi nào của Pháp Luật; hoặc khủng hoảng tài chính mà có ảnh hưởng nghiêm trọng đến thị trường tài chính của Việt Nam.
“Thành Viên Lập Quỹ”	là công ty chứng khoán có đăng ký hoạt động môi giới và tự doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán và đã ký hợp đồng thành viên lập quỹ ETF với Công Ty Quản Lý Quỹ.
“Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh”	là thời điểm cuối cùng mà Công Ty Quản Lý Quỹ, Thành Viên Lập Quỹ hoặc Đại Lý Phân Phối nhận Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi để thực hiện vào Ngày Giao Dịch Hoán Đổi tương ứng. Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh được quy định tại Điều Lệ của Quỹ, công bố công khai tại Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt và không được muộn quá thời điểm đóng cửa thị trường trong Ngày Giao Dịch Hoán Đổi của HOSE.
“Tổ Chức Tạo Lập Thị Trường”	là Thành Viên Lập Quỹ được Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn để ký hợp đồng cung cấp dịch vụ tạo lập thị trường cho Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ có thể chỉ định một hoặc một số Thành Viên Lập Quỹ làm Tổ Chức Tạo Lập Thị Trường.
“VSD”	là Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam hoặc bất kỳ cơ quan nào khác thay thế hoặc kế thừa quyền hạn và nghĩa vụ của cơ quan này.

“UBCKNN”	là Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam hoặc bất kỳ cơ quan nào khác thay thế hoặc kế thừa quyền hạn và nghĩa vụ của cơ quan này.
“UPCoM”	là thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết được quản lý bởi HNX.
“Việt Nam”	là nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
“VinaCapital” hay “Tập Đoàn VinaCapital”	bao gồm Công Ty Quản Lý Quỹ, các cổ đông và các công ty liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ.
“Vốn Điều Lệ”	là giá trị tài sản ròng của Quỹ xác định tại thời điểm kết thúc đợt chào bán Chứng Chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều Lệ.
“VNĐ” hay “Đồng Việt Nam”	là đồng tiền đang lưu hành hợp pháp của Việt Nam.

III. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

3.1 TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ

3.1.1 Tăng Trưởng Kinh Tế

Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Việt Nam đạt mức tăng trưởng trung bình 6,23%/năm trong giai đoạn 2010-2018, là mức tăng trưởng cao trong khu vực Châu Á. Đến năm 2018, quy mô nền kinh tế đã đạt gần 240 tỷ USD. GDP bình quân trên đầu người đạt mức 2.470 USD. Cơ cấu kinh tế cũng chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa. Nông nghiệp đến nay chỉ còn chiếm 15% trong tổng sản phẩm quốc nội, trong khi dịch vụ vươn lên trở thành ngành chiếm tỷ trọng cao nhất với tỷ trọng trên 40%. Cơ cấu ngành công nghiệp cũng có thay đổi theo hướng giảm tỷ trọng ngành khai khoáng và tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp chế biến, điện tử, viễn thông và dệt may. Ngành công nghiệp những năm gần đây đều đạt mức tăng trưởng hai con số, đạt mức tăng trưởng trung bình 10% trong giai đoạn 2010-2018. Đóng góp trọng yếu vào tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế phải kể đến dòng vốn đầu tư nước ngoài (FDI) chủ yếu vào lĩnh vực sản xuất, nhờ vào lợi thế nguồn lao động dồi dào với tay nghề và năng suất ngày càng nâng cao, và chính sách điều hành tỷ giá linh hoạt cũng như các ưu đãi mở cửa thu hút đầu tư.

Riêng năm 2018, tăng trưởng GDP Việt Nam đạt 7,08%, là mức cao nhất kể từ năm 2007. Công nghiệp và xây dựng vẫn là khu vực đóng góp tỷ trọng lớn nhất trong GDP (48,6%) với tăng trưởng công nghiệp đạt 12,98% và xây dựng đạt 9,16%, cao hơn mức trung bình 9,8% và 6,8% của giai đoạn 2010-2017. Trong khi đó, khu vực nông nghiệp có sự phục hồi đáng kể với mức tăng trưởng 3,8%, so với mức 2,9% của năm 2017.

GDP năm 2019 được dự báo tiếp tục tăng trưởng ở mức cao 6,8% - 7%, với sự đóng góp lớn của khu vực FDI trong lĩnh vực công nghiệp chế tạo. Kinh tế Việt Nam được đánh giá sẽ hưởng lợi trong xung đột thương mại Mỹ - Trung, với sự chuyển dịch sản xuất của các tập đoàn lớn từ Trung Quốc đến Việt Nam.



Tăng trưởng GDP theo cơ cấu ngành

Tăng trưởng GDP (%)	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019F
Tăng trưởng GDP	6.42	6.24	5.25	5.42	5.98	6.68	6.21	6.81	7.08	6.80
Nông nghiệp	3.29	4.02	2.68	2.67	3.49	2.41	1.36	2.9	3.76	3.00
Công nghiệp và Xây dựng	7.17	6.68	5.75	5.43	7.14	9.64	7.57	8.00	8.85	8.57
- Xây dựng	10.06	-0.62	3.25	5.40	7.07	10.82	10.00	8.7	9.16	8.40
- Sản xuất	8.38	11.00	5.80	7.44	8.45	10.60	11.90	14.4	12.98	12.10
Dịch vụ	7.19	6.83	5.90	6.56	5.96	6.33	6.98	7.44	7.03	6.83

Nguồn: Tổng cục Thống kê

3.1.2 Chỉ số PMI

Chỉ số PMI (Purchasing Managers Index) đo lường tăng trưởng của ngành sản xuất, được xác định dựa trên các chỉ số thành phần gồm đơn đặt hàng mới, sản xuất, tồn kho và việc làm. PMI trên 50 chứng tỏ ngành sản xuất đang tăng trưởng. Chỉ số PMI của Việt Nam trên đà lặn và đạt mức cao nhất vào tháng 11 năm 2018, chứng tỏ lĩnh vực sản xuất của Việt Nam tiếp tục cải thiện mạnh mẽ trong bối cảnh nhiều nước có tốc độ lặn trưởng nhu cầu chậm lại. Chỉ số này đạt mức cao nhất trong khu vực Đông Nam Á.



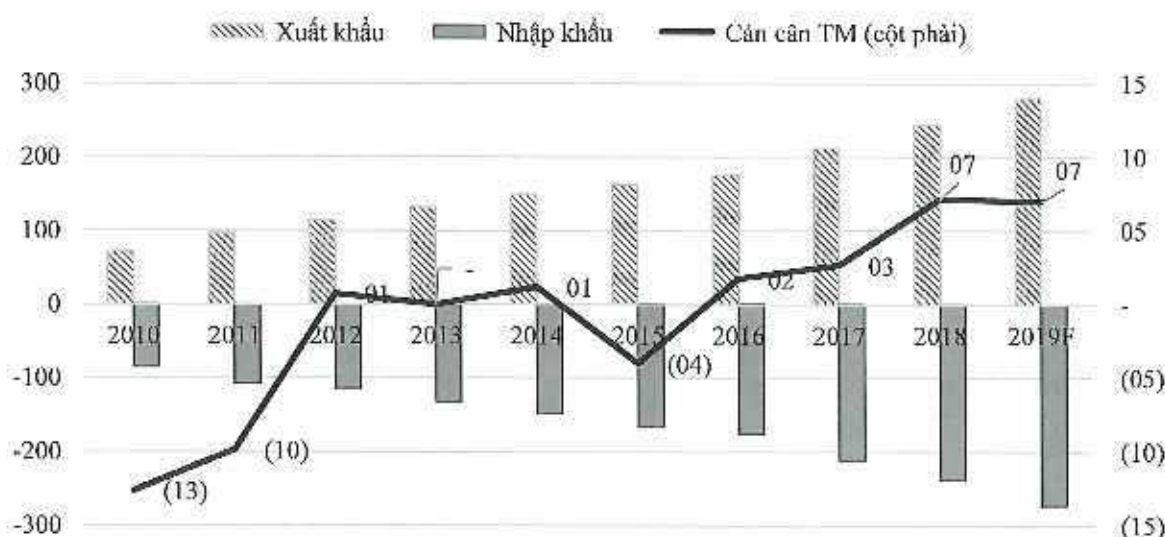
3.1.3 Xuất nhập khẩu và cán cân thương mại

Cùng với việc thu hút FDI, xuất khẩu của Việt Nam đã có những bước tăng trưởng vượt bậc. Kim ngạch xuất khẩu đạt mức 245 tỷ USD trong năm 2018, với mức tăng trưởng kép 14,3% trong giai đoạn 2011-2018, trong khi tổng nhập khẩu tăng chậm hơn, ở mức 12,3% so với cùng kỳ. Trong năm 2018, Việt Nam đạt mức thặng dư thương mại lên đến 7,2 tỷ USD, so với mức thâm hụt lớn trung bình 14 tỷ USD trong giai đoạn 2007-2011 và cao hơn rất nhiều so với mức thặng dư 2,7 tỷ USD trong năm 2017, góp phần lớn cho việc ổn định tỷ giá trong bối cảnh xu hướng tiền USD tăng giá theo mức tăng lãi suất tại Mỹ.

Đứng đầu danh sách các mặt hàng xuất khẩu hiện nay gồm có điện thoại và linh kiện (50 tỷ USD), hàng điện tử (30 tỷ USD), dệt may và da giày (46 tỷ USD), máy móc thiết bị (17 tỷ USD). Đây cũng là những mặt hàng có mức tăng trưởng kép cao nhất trong giai đoạn 2011-2018, với sự đóng góp của các tập đoàn FDI trong lĩnh vực sản xuất. Bên cạnh đó, những mặt hàng nông nghiệp có lợi thế của Việt Nam như thủy sản, rau quả, đồ gỗ cũng có mức tăng trưởng ấn tượng. Mỹ, Châu Âu và Trung Quốc là các quốc gia chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu hàng xuất khẩu của Việt Nam, với việc xuất khẩu hàng dệt may và da giày chủ yếu đến thị trường Mỹ, trong khi Trung Quốc chiếm tỷ trọng cao trong xuất khẩu rau quả và hàng điện tử của Việt Nam.

Dự báo năm 2019 cán cân thương mại của Việt Nam tiếp tục duy trì ở mức cao như năm 2018. Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung cũng như việc tham gia vào các hiệp định thương mại quốc tế CPTPP và EVFTA với Châu Âu sẽ tiếp tục thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam trong những năm tới.

Xuất nhập khẩu và cán cân thương mại (tỷ USD)



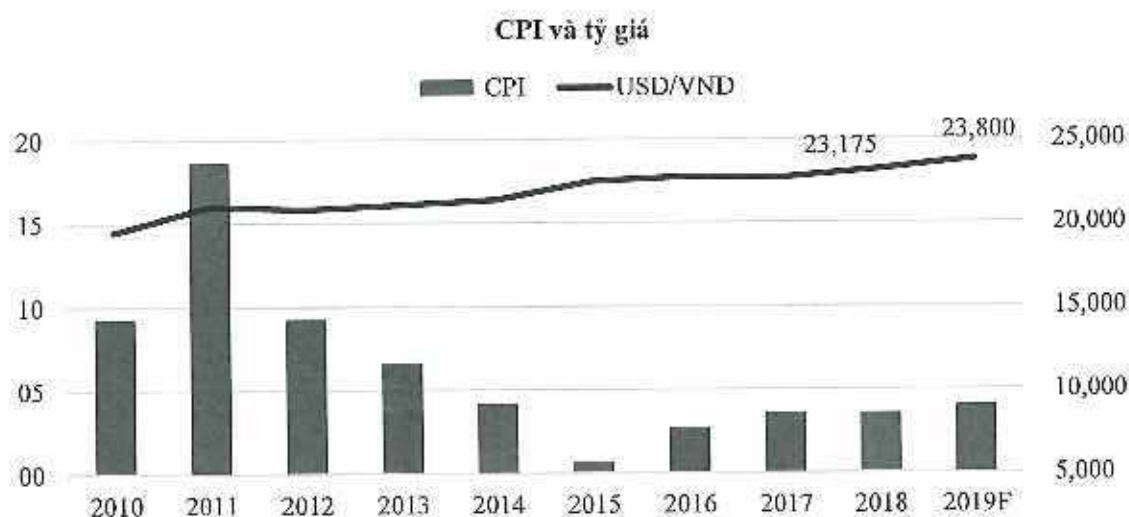
Nguồn: Tổng cục Thống kê

3.1.4 Lạm phát và tỷ giá

Chính phủ Việt Nam có chính sách linh hoạt trong điều hành tỷ giá trong những năm gần đây. Từ đầu năm 2016, ngân hàng nhà nước áp dụng cơ chế điều hành tỷ giá trung tâm, cho phép tỷ giá biến động linh hoạt hàng ngày dựa vào diễn biến của cung cầu ngoại tệ trong nước và thị trường thế giới, hạn chế các đợt điều chỉnh mạnh. Chênh lệch tỷ giá giữa thị trường tự do và thị trường chính thức được thu hẹp.

Năm 2018, mặc dù các đồng tiền trong khu vực Châu Á có mức mất giá cao so với đồng USD, đồng Việt Nam chỉ bị sụt giảm 2,1%. Việc thu hút dòng tiền FDI giải ngân cao (19,1 tỷ USD), thặng dư xuất khẩu lớn (7,2 tỷ) và dòng vốn đầu tư gián tiếp của nước ngoài (FII) vào thị trường chứng khoán, thoái vốn Nhà nước cũng như cổ phần hóa giúp tăng nguồn ngoại tệ dự trữ đáng kể, góp phần tăng thanh khoản hệ thống ngân hàng và giữ giá đồng nội tệ. Tỷ giá dự báo biến động không quá 3% cho năm 2019.

Chỉ số CPI của Việt Nam khá ổn định và nằm trong mức kiểm soát 2,7% - 3,5% trong giai đoạn 2016-2018. Trong năm 2018, các yếu tố tác động chủ yếu lên CPI bao gồm giá lương thực với giá thị trường phục hồi từ tháng 4 và nhóm giao thông vận tải do giá xăng dầu tăng theo giá dầu thế giới. Lạm phát cơ bản duy trì xu hướng tăng dưới 2%, với động thái chủ động điều tiết lộ trình tăng giá điện, y tế và giáo dục. Lạm phát được dự báo không biến động quá mức 4% trong năm 2019.



Nguồn: Tổng cục Thống kê, Bloomberg

3.2 DIỄN BIẾN VÀ TRIỂN VỌNG ĐẦU TƯ VÀO THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

3.2.1 Diễn biến thị trường chứng khoán năm 2018

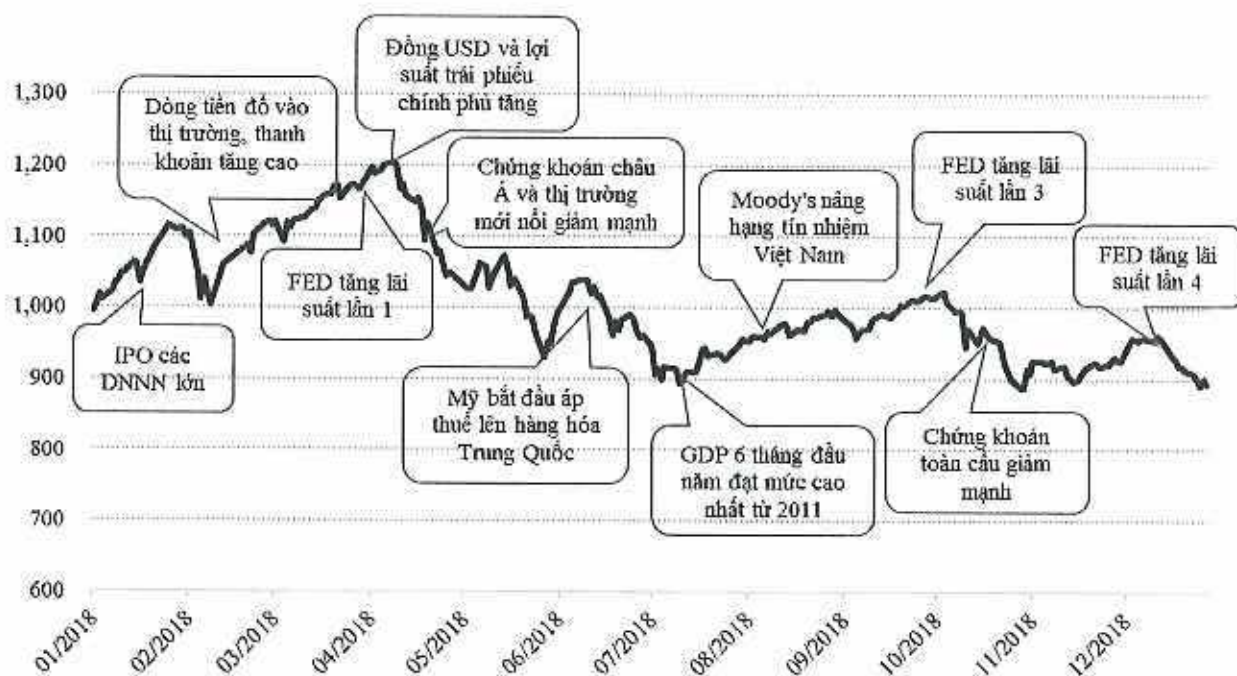
2018 là năm đầy biến động của thị trường chứng khoán Việt Nam. Sau khi tăng 48% trong năm 2017, chỉ số VN Index tiếp tục tăng 19,3% trong Quý 1/2018 và phá đỉnh lịch sử từ năm 2007. Tuy nhiên, thị trường bắt đầu tuột dốc từ tháng 4/2018. Chỉ số VN Index đóng cửa năm 2018 ở 893 điểm, giảm 9,3% so với đầu năm.

Sự sụt giảm của thị trường đến từ một số nguyên nhân sau:

- Cục dự trữ liên bang Mỹ (FED) tăng lãi suất, đồng USD tăng giá: Trong năm 2018, FED đã tăng lãi suất 4 lần, mỗi lần 0,25%, rải đều trong 4 quý. Với việc FED tăng lãi suất, đồng USD cũng tăng giá. Chỉ số DXY, đo lường sự biến động của đồng USD với một số đồng tiền chủ chốt khác trên thế giới, đã tăng từ 90 vào cuối tháng 3/2018 lên 96,2 vào cuối năm 2018.
- Do lo ngại về đồng USD tăng giá và lãi suất ở Mỹ tăng, các nhà đầu tư đã bán chứng khoán tại các thị trường mới nổi và thị trường cận biên. Trong năm 2018, chỉ số MSCI Emerging Market của thị trường mới nổi giảm 16,9%, chỉ số MSCI Frontier Market của thị trường cận biên giảm 19,4%. Thị trường Việt Nam cũng không phải là ngoại lệ.

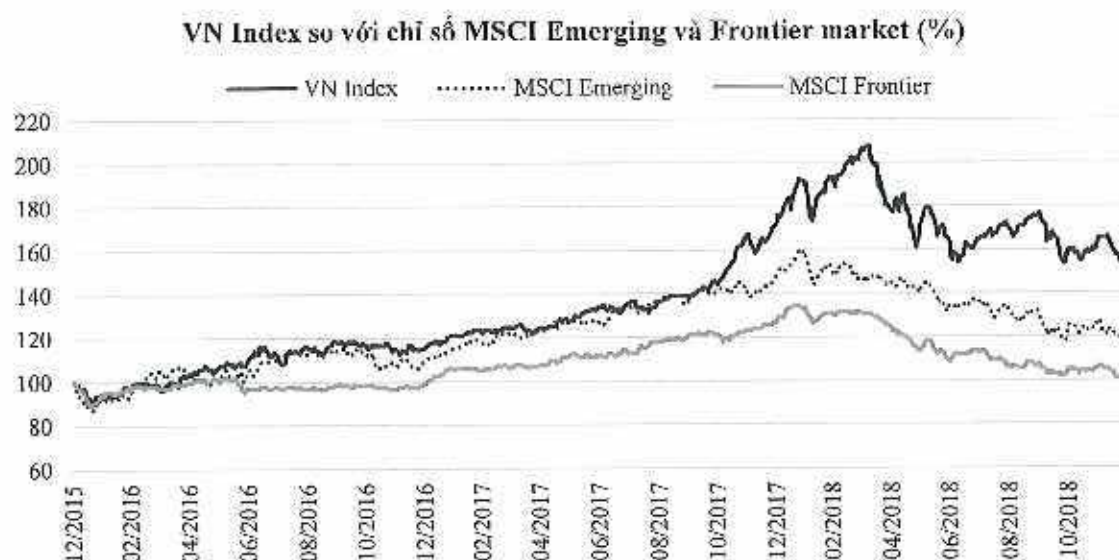
- Cuộc chiến thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc: Từ đầu năm 2018, Tổng thống Mỹ Donald Trump đã liên tục có những cảnh báo về việc áp thuế nhập khẩu lên hàng hóa Trung Quốc. Vào tháng 9/2018, Mỹ đã chính thức áp thuế 10% lên 200 tỷ USD hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc và có thể tăng lên 25% trong năm 2019 nếu đàm phán giữa hai bên thất bại. Để đáp trả, Trung Quốc cũng tăng thuế 5-10% đối với 60 tỷ USD hàng hóa của Mỹ. Cuộc chiến thương mại gây ra lo ngại về việc suy giảm kinh tế toàn cầu.

VN Index theo dòng sự kiện



Tuy nhiên, thị trường Việt Nam vẫn có diễn biến tích cực hơn hầu hết các thị trường khác.

Nhờ triển vọng về tăng trưởng kinh tế cao và đồng VND tương đối ổn định, chỉ số VN Index của thị trường chứng khoán Việt Nam đã có diễn biến tích cực hơn chỉ số MSCI Emerging Market Index (các thị trường mới nổi) và MSCI Frontier Market Index (các thị trường cận biên). Trong giai đoạn 3 năm đến cuối 2018, chỉ số MSCI Emerging Market Index tăng 21,2%, chỉ số MSCI Frontier Market Index tăng 1,6%, trong khi VN Index tăng đến 54,1%. Nếu tính riêng năm 2018, hai chỉ số trên bị giảm 16,9% và 19,4%, trong khi VN Index chỉ giảm 9,3%.



Nguồn: Bloomberg

3.2.2 Triển vọng đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam

Thị trường Việt Nam đã tăng trưởng vượt bậc cả về lượng và về chất. Từ năm 2010 đến năm 2018, số lượng công ty niêm yết trên ba sàn giao dịch HOSE, HNX và UPCoM tăng từ 507 lên 1.564 công ty. Tổng vốn hóa tăng với tốc độ bình quân 26%/năm. Cuối năm 2018, vốn hóa toàn thị trường chứng khoán đạt 172 tỷ USD, tương đương 72% GDP của Việt Nam.

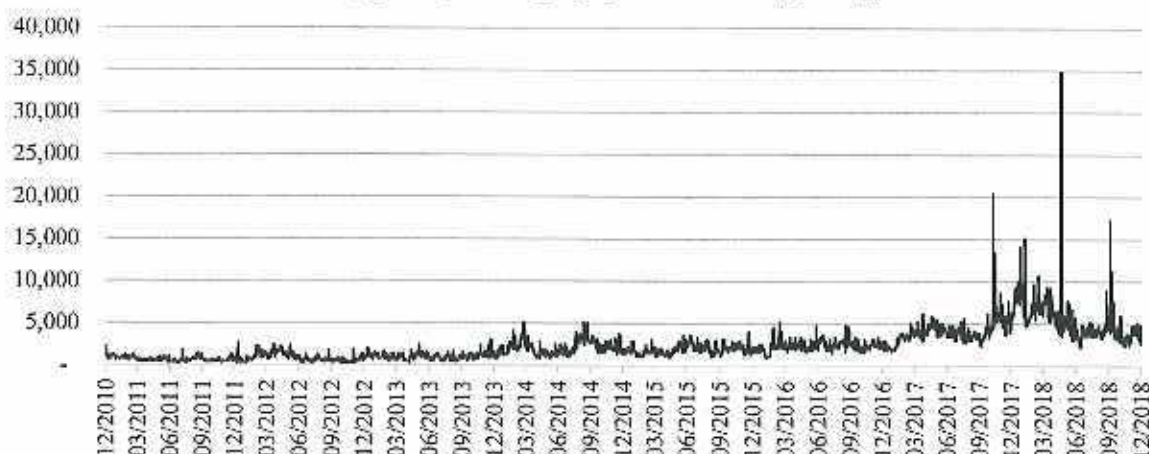


Nguồn: Bloomberg

Trong năm 2017 và 2018, nhiều cổ phiếu vốn hóa lớn, có chất lượng như Vinhomes, Vincom Retail, Techcombank, Petrolimex, VietjetAir, VPBank đã được niêm yết trên thị trường. Đặc biệt, quy định về việc bắt buộc niêm yết cổ phiếu ngay sau khi cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước đã tạo niềm tin cho các nhà đầu tư, đặc biệt là nhà đầu tư nước ngoài. Diễn hình là các thương vụ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước lớn đều đã thành công như Công ty Lọc hóa dầu Bình Sơn, Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower), Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOIL).

Thanh khoản của thị trường chứng khoán ngày càng tăng với giá trị giao dịch hàng ngày tăng dần theo từng năm. Trong năm 2018, giá trị giao dịch trung bình trên sàn HOSE đạt 5,426 tỷ đồng/phần, tăng 30% so với năm 2017.

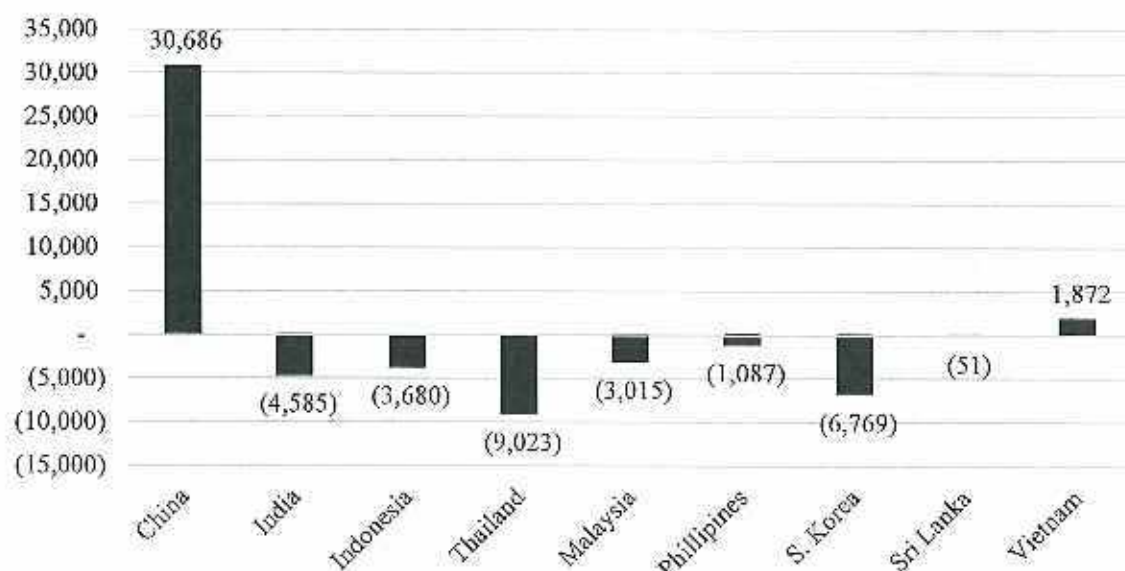
Giá trị giao dịch hàng ngày trên HOSE (tỷ đồng)



Nguồn: FimPro

Thị trường Việt Nam thu hút dòng tiền từ nhà đầu tư nước ngoài. Trong năm 2017, tổng giá trị mua ròng của nhà đầu tư nước ngoài đạt hơn 1,2 tỷ USD, mức kỷ lục kể từ năm 2007. Trong năm 2018, nếu tính riêng giao dịch khớp lệnh, nhà đầu tư nước ngoài bán ròng khoảng 690 triệu USD trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Tuy nhiên, nếu tính cả những giao dịch thỏa thuận, khối ngoại đã mua ròng gần 1,9 tỷ USD, trong đó có những giao dịch rất lớn như Vinhomes (1,4 tỷ USD), Masan (730 triệu USD), Novaland (163 triệu USD). Trong năm 2018, Việt Nam là một trong số rất ít các thị trường châu Á vẫn thu hút được dòng vốn nước ngoài.

Giá trị nước ngoài mua ròng năm 2018 của Việt Nam và TTCK châu Á (triệu USD)



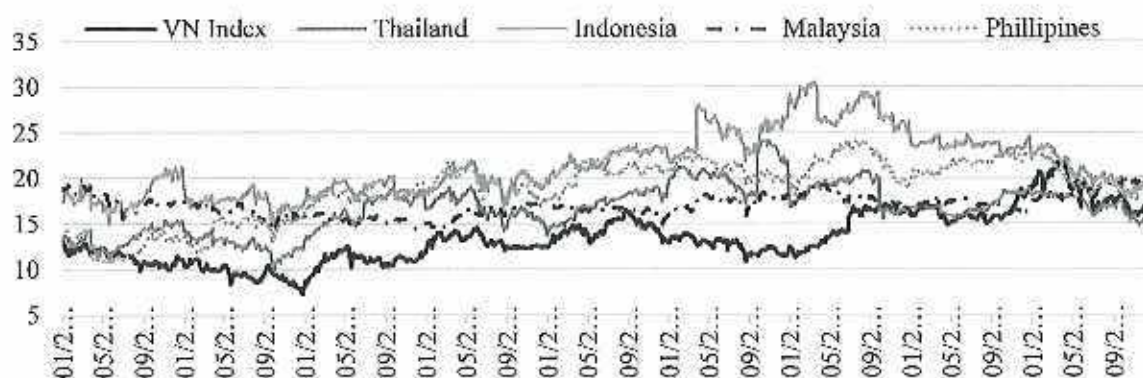
Nguồn: Bloomberg

Các giao dịch thỏa thuận ngoại sản chứng khoán, các thương vụ thoái vốn, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước có quy mô còn lớn hơn nữa. Vào cuối năm 2017 và đầu 2018, các nhà đầu tư nước ngoài đã dần giá mua hết cổ phần của Nhà nước tại các doanh nghiệp Vinamilk, Sabeco, Lạc hóa đầu Bình

Son, PVPower với tổng giá trị khoảng 6 tỷ USD. Ngân hàng Techcombank cũng bán thành công số cổ phần trị giá 922 triệu USD cho các nhà đầu tư nước ngoài.

Định giá hợp lý so với thị trường các nước trong khu vực. Vào cuối năm 2018, chỉ số VN Index giao dịch ở mức P/E 15,6 lần, cao hơn một chút so với Thailand, nhưng thấp hơn Indonesia, Malaysia và Philippines, trong khi GDP của Việt Nam tăng trưởng cao hơn các nước trong khu vực. Lợi nhuận của các doanh nghiệp niêm yết cũng được dự báo đạt mức tăng trưởng trung bình 12% trong năm 2018.

P/E của VN Index và các thị trường ASEAN



Nguồn: Bloomberg

Các chính sách của Nhà nước hỗ trợ sự phát triển của thị trường chứng khoán. Hiện tại, luật chứng khoán đang được dự thảo sửa đổi theo hướng tăng sự minh bạch của thị trường, bảo vệ tốt hơn quyền lợi của nhà đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài. Việt Nam cũng đặt mục tiêu nâng hạng Việt Nam từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi. Vào tháng 9/2018, FTSE Russell đã đưa Việt Nam vào danh sách theo dõi nâng hạng từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi. Nhà nước cũng ưu tiên mục tiêu đẩy mạnh cổ phần hóa, thoái vốn tại các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước và các doanh nghiệp mà Nhà nước còn nắm giữ cổ phần chi phối. Tất cả các yếu tố này sẽ tạo thêm nhiều hàng hóa trên thị trường, thu hút dòng tiền nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam.

Cơ hội đầu tư từ việc cổ phần hóa, thoái vốn doanh nghiệp nhà nước. Năm 2018, tiến độ cổ phần hóa, thoái vốn các doanh nghiệp nhà nước diễn ra khá chậm. Việc này sẽ được đẩy mạnh trong năm 2019-2020 với nhiều doanh nghiệp lớn, trụ cột của nền kinh tế sẽ được cổ phần hóa và niêm yết. Đây là những thương vụ đã được các nhà đầu tư chờ đợi từ lâu và sẽ thu hút dòng tiền lớn vào thị trường. Có nhiều doanh nghiệp vốn hóa lớn đã và nhiều khả năng sẽ nằm trong rổ Chỉ Số VN100.

Một số doanh nghiệp lớn nằm trong kế hoạch cổ phần hóa và giảm vốn nhà nước

Công ty	Vốn hóa (tỷ đ)	Vốn điều lệ (tỷ đ)	Sở hữu nhà nước hiện tại (%)	Sở hữu nhà nước sau bán vốn (%)
VNM	233.000	17.417	36%	0%
GAS	175.000	19.140	96%	65%
ACV	194.000	21.772	95%	75%
SAB	154.000	6.413	36%	0%
PLX	64.000	12.939	76%	51%
VEA	55.000	13.288	88%	35%
HVN	52.000	12.275	86%	51%
Mobifone (*)	105.000	-	100%	70%
VNPT (*)	70.000	-	100%	70%
SATRA (*)	45.000	-	100%	70%

GENCO 1 (*)	28.000	-	100%	87%
GENCO 2 (*)	40.000	-	100%	87%
Saigon Tourist (*)	23.000	-	100%	70%
VICEM (*)	23.000	-	100%	60%
RESCO (*)	26.000	-	100%	70%
Vinataba (*)	19.000	-	100%	51%

(*): Doanh nghiệp nhà nước chưa cổ phần hóa, giá trị vốn hóa được ước tính

Nguồn: VinaCapital tổng hợp

Trong trung và dài hạn, thị trường chứng khoán Việt Nam được kỳ vọng sẽ tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng hấp dẫn, hỗ trợ bởi điều kiện kinh tế vĩ mô thuận lợi và những cải cách tích cực về hành lang pháp lý. Bên cạnh đó, tiến trình cổ phần hóa và thoái vốn đầu tư của nhà nước tại các doanh nghiệp đầu ngành tiếp tục được đẩy mạnh trong thời gian tới sẽ gia tăng sức hấp dẫn, thanh khoản của thị trường và kỳ vọng sẽ thu hút dòng vốn lớn từ nhà đầu tư cả trong và ngoài nước. Ngoài ra, việc thị trường chứng khoán Việt Nam có thể được xem xét nâng hạng từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi trong thời gian tới và khi điều này được hiện thực hóa sẽ là động lực thúc đẩy tăng trưởng mạnh mẽ của thị trường chứng khoán Việt Nam trong các năm tới.

3.3 GIỚI THIỆU VỀ CHỈ SỐ THAM CHIẾU VN100

Chỉ Số VN100 là chỉ số thị trường được HOSE xây dựng từ cổ phiếu thành phần của VN30 và VNMiCap, trong đó bao gồm 100 cổ phiếu có giá trị vốn hóa và thanh khoản hàng đầu niêm yết trên HOSE đáp ứng điều kiện tham gia vào bộ chỉ số và các điều kiện sàng lọc như được trình bày chi tiết dưới đây. Chỉ số VN100 được tính toán dựa trên phương pháp giá trị vốn hóa điều chỉnh free-float.

3.3.1 Các định nghĩa và khái niệm

- Giá trị vốn hóa: là bình quân của giá trị vốn hóa hàng ngày trong 12 tháng gần nhất tính tới ngày chốt dữ liệu xem xét. Đối với cổ phiếu có thời gian niêm yết dưới 12 tháng, giá trị vốn hóa là bình quân của giá trị vốn hóa hàng ngày từ thời điểm niêm yết tới ngày chốt dữ liệu xem xét.
- Giá trị vốn hóa điều chỉnh tỷ lệ tự do chuyển nhượng (free-float): là giá trị vốn hóa x tỷ lệ free-float.
- Tỷ lệ free-float làm tròn: là tỷ lệ free-float làm tròn lên đến số gần nhất là bội số của 5% (5%, 10%, 15%... 100%).
- Giá trị giao dịch: là bình quân của trung vị giá trị giao dịch hàng ngày, tính cả giao dịch khớp lệnh và giao dịch thỏa thuận, trong tháng của 12 tháng gần nhất tính tới ngày chốt dữ liệu xem xét. Đối với cổ phiếu có thời gian niêm yết dưới 12 tháng, giá trị giao dịch được tính là bình quân của trung vị giá trị giao dịch hàng ngày trong tháng từ thời điểm niêm yết tới ngày chốt dữ liệu xem xét.
- Cổ phiếu không tự do chuyển nhượng bao gồm một trong các trường hợp sau: thuộc sở hữu của cổ đông nội bộ và Người Có Liên Quan; của cổ đông chiến lược; của cổ đông nhà nước; thuộc sở hữu chéo trực tiếp giữa các công ty; thuộc sở hữu của các đối tượng còn trong thời gian hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật; thuộc sở hữu của cổ đông lớn (ngoại trừ nắm giữ của các tổ chức kinh doanh bảo hiểm, tổ chức kinh doanh chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán).

3.3.2 Ngày chốt dữ liệu và hiệu lực

- Ngày chốt dữ liệu là ngày giao dịch cuối cùng của tháng 6 và 12 đối với việc xem xét thay đổi định kỳ thành phần chỉ số, tháng 3 và 9 đối với việc cập nhật thông tin khối lượng lưu hành và free-float cổ phiếu.

- (b) Các thay đổi và cập nhật có hiệu lực áp dụng từ ngày thứ hai lần thứ tư của tháng 1, 4, 7 và 10.

3.3.3 Tư cách tham gia vào Chỉ Số VN100

Cổ phiếu đủ tư cách tham gia vào Chỉ số VN100 khi không thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- (a) Cổ phiếu thuộc diện bị cảnh báo do vi phạm công bố thông tin, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt, tạm ngừng giao dịch trong vòng 3 tháng tính đến ngày chốt dữ liệu xem xét.
- (b) Cổ phiếu có thời gian niêm yết trên HOSE dưới 6 tháng tính đến ngày chốt dữ liệu xem xét. Đối với cổ phiếu mới niêm yết có giá trị vốn hóa thị trường thuộc Top-5 tính tại ngày chốt dữ liệu xem xét thì thời gian niêm yết dưới 3 tháng.

3.3.4 Tỷ lệ free-float (f)

Tỷ lệ free-float là tỷ lệ khối lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng so với khối lượng cổ phiếu đang lưu hành trên thị trường.

$$f = \frac{\text{Khối lượng CP đang lưu hành} - \text{Khối lượng CP không tự do chuyển nhượng}}{\text{Khối lượng CP đang lưu hành}}$$

Điều kiện sàng lọc về tỷ lệ free-float:

- $f > 10\%$: đáp ứng điều kiện tham gia vào Chỉ Số VN100.
- $f \leq 10\%$: loại khỏi Chỉ Số VN100, ngoại trừ cổ phiếu có giá trị vốn hóa điều chỉnh free-float lớn hơn trung vị của tập hợp 90% giá trị vốn hóa điều chỉnh free-float của rổ cổ phiếu đủ tư cách tham gia vào Chỉ Số VN100 trong Mục 3.3.3.

3.3.5 Thanh khoản

Các cổ phiếu được sàng lọc thanh khoản bằng cách tính tỷ suất quay vòng chứng khoán

$$\text{Tỷ suất quay vòng} = \frac{\text{Giá trị giao dịch}}{\text{Giá trị vốn hóa điều chỉnh free float}}$$

Cổ phiếu không thuộc thành phần của chỉ số kỳ trước có tỷ suất quay vòng nhỏ hơn 0,05% sẽ bị loại khỏi bộ chỉ số.

Cổ phiếu thuộc thành phần của chỉ số kỳ trước có tỷ suất quay vòng nhỏ hơn 0,04% sẽ bị loại.

3.3.6 Phương pháp chọn cổ phiếu tại kỳ xem xét

Cổ phiếu thành phần của các chỉ số sẽ được xem xét bán niên vào tháng 1 và tháng 7 hàng năm.

Tập hợp các cổ phiếu đáp ứng các điều kiện nêu tại mục 3.3.3, 3.3.4, 3.3.5 là thành phần của chỉ số VNAllshares. Các cổ phiếu thuộc tập hợp 90% giá trị giao dịch tích lũy của rổ VNAllshare sẽ được sắp xếp theo thứ tự giảm dần về giá trị vốn hóa.

Cổ phiếu đứng ở vị trí 70 trở lên: luôn được chọn vào rổ Chỉ Số VN100.

Cổ phiếu đứng ở vị trí 71 đến 110: ưu tiên cổ phiếu đã có trong danh mục cổ phiếu thành phần của rổ Chỉ Số VN100 kỳ trước, sau đó mới xem xét đến cổ phiếu mới sao cho số lượng trong rổ bằng 100 cổ phiếu.

3.3.7 Phương pháp tính toán chỉ số giá

Công thức tính chỉ số:

$$\text{Chỉ số} = \frac{CMV}{\text{Hệ số chia}}$$

Trong đó:

- CMV: Giá trị vốn hóa của thị trường hiện tại

$$CMV = \sum_{i=1}^n (p_i \times s_i \times f_i \times c_i)$$

- + n : số cổ phiếu trong chỉ số, $i = 1, 2, 3 \dots n$.
- + p_i : giá của cổ phiếu i trong rổ chỉ số tại thời điểm tính toán.
- + s_i : khối lượng đang lưu hành của cổ phiếu i trong rổ chỉ số tại thời điểm tính toán.
- + f_i : tỷ lệ free-float làm tròn của cổ phiếu i trong rổ chỉ số tại thời điểm tính toán.
- + c_i : hệ số giới hạn tỷ trọng vốn hóa của cổ phiếu i trong rổ chỉ số tại thời điểm tính toán.
- Hệ số chia: Tại ngày cơ sở, hệ số chia bằng giá trị vốn hóa thị trường vào thời điểm đóng cửa chia cho giá trị cơ sở của chỉ số. Trong trường hợp tăng/giảm CMV do những nguyên nhân khác với biến động giá trên thị trường, hệ số chia sẽ được điều chỉnh nhằm đảm bảo tính liên tục của Chỉ Số VN100.

3.3.8 Giới hạn tỷ trọng vốn hóa của cổ phiếu thành phần

Để tránh tình trạng một hay một vài cổ phiếu trong chỉ số chiếm tỷ trọng vốn hóa quá lớn, tỷ trọng vốn hóa của các cổ phiếu thành phần trong rổ Chỉ Số VN100 được giới hạn ở 10%.

Công thức tính giới hạn tỷ trọng vốn hóa:

$$c_i = \frac{10\%}{I \times GTVH_f_i} \sum_{j=1}^J GTVH_f_j$$

Trong đó:

- c_i : hệ số giới hạn tỷ trọng vốn hóa của cổ phiếu.
- I : tổng tỷ trọng vốn hóa của các cổ phiếu không bị giới hạn tỷ trọng.
- $GTVH_f_i$: giá trị vốn hóa điều chỉnh free-float làm tròn của cổ phiếu bị giới hạn tỷ trọng vốn hóa.
- $GTVH_f_j$: giá trị vốn hóa điều chỉnh free-float làm tròn của cổ phiếu không bị giới hạn tỷ trọng vốn hóa.
- J : tập hợp các cổ phiếu không bị giới hạn tỷ trọng vốn hóa.

3.4 LỢI ÍCH KHI ĐẦU TƯ VÀO QUỸ ETF

Quỹ ETF VinaCapital VN100 mô phỏng Chỉ Số VN100 gồm 30 cổ phiếu vốn hóa lớn và 70 cổ phiếu vốn hóa vừa niêm yết trên HOSE. Do đó, Quỹ ETF VinaCapital VN100 mang lại cho Nhà Đầu Tư cơ hội đầu tư phủ rộng thị trường chứng khoán Việt Nam. Nhà Đầu Tư vừa mua cổ phiếu của những công ty vốn hóa lớn, những doanh nghiệp đầu ngành, lại vừa có cơ hội đầu tư vào những cổ phiếu vốn hóa vừa (mid-cap), có định giá rẻ hơn những cổ phiếu vốn hóa lớn.

Mang đặc điểm của cả quỹ đóng và quỹ mở, Quỹ ETF VinaCapital VN100 có một số ưu điểm như: đa dạng hóa danh mục đầu tư với chi phí hoạt động thấp, thanh khoản vượt trội khi có thể giao dịch ở cả thị trường thứ cấp và sơ cấp, được quản lý chuyên nghiệp với tính minh bạch cao. Cụ thể:

3.4.1 Quản Lý Chuyên Nghiệp Với Tính Minh Bạch Cao

Quỹ ETF VinaCapital VN100 được quản lý đầu tư bởi đội ngũ người điều hành quỹ chuyên nghiệp, có chuyên môn, kinh nghiệm đầu tư và nguồn lực để quản lý tài sản hiệu quả. Danh mục đầu tư và Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ ETF VinaCapital VN100 được công bố cho Nhà Đầu Tư một cách minh bạch và thường xuyên. Nhà Đầu Tư biết rõ danh mục đầu tư của Quỹ trước khi quyết định đầu tư, đồng thời biết được thay đổi của giá trị khoản đầu tư của mình qua thời gian thực nhờ hệ thống định giá tài sản ròng được cập nhật từng phút của HOSE.

3.4.2 Đầu Tư Vào Danh Mục Đa Dạng, Giảm Thiểu Rủi Ro Phi Hệ Thống Với Chi Phí Hợp Lý

Quỹ ETF VinaCapital VN100 là quỹ quản lý đầu tư thụ động, mô phỏng Chỉ Số VN100. Lợi nhuận và rủi ro của Quỹ tương đương với mức lợi nhuận và rủi ro của chỉ số được mô phỏng. Việc mô phỏng chỉ số giúp giảm thiểu rủi ro phi hệ thống khi đầu tư vào những cổ phiếu riêng lẻ. Ngoài ra, do Quỹ mô phỏng Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu là 100 cổ phiếu có tỷ lệ vốn hóa lớn và vừa niêm yết trên HOSE, Quỹ có triển vọng đảm bảo tỷ suất sinh lời kỳ vọng cho Nhà Đầu Tư. Thông thường, để sở hữu một danh mục đa dạng tương tự nếu tự đầu tư thì Nhà Đầu Tư phải có vốn lớn, tuy nhiên khi Chứng Chỉ Quỹ được niêm yết trên HOSE, Nhà Đầu Tư có thể thực hiện giao dịch Chứng Chỉ Quỹ với số vốn khá nhỏ.

Ngoài ra, Quỹ ETF VinaCapital VN100 có chi phí quản lý và chi phí nghiên cứu phân tích đầu tư thấp so với các quỹ đầu tư chủ động. Do đặc điểm trên, Quỹ mang lại cơ hội đầu tư nhanh chóng, thuận tiện vào một chỉ số tham chiếu trên thị trường với chi phí thấp, thay vì tự đầu tư vào nhiều chứng khoán khác nhau với chi phí lớn hơn và rủi ro cao hơn.

3.4.3 Quỹ Có Thanh Khoản Cao

Chứng Chỉ Quỹ được niêm yết và giao dịch trên HOSE. Chứng Chỉ Quỹ đã phát hành có thể giao dịch trực tiếp với Công Ty Quản Lý Quỹ thông qua giao dịch hoán đổi với các Thành Viên Lập Quỹ hoặc giao dịch trên HOSE với mức giá được đảm bảo gần với mức Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ. Vì thế, đầu tư vào Quỹ ETF VinaCapital VN100 thừa hưởng những ưu điểm của cả loại hình quỹ đóng và quỹ mở. Tùy thuộc vào nhu cầu, Nhà Đầu Tư có thể dễ dàng mua bán trên thị trường như một cổ phiếu thông thường với giá tiệm cận với Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, hoặc có thể giao dịch lô lớn với Công Ty Quản Lý Quỹ nếu xét thấy thị trường giao dịch không đảm bảo thanh khoản.

IV. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

4.1 THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Tên tiếng Việt	Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ VinaCapital
Tên bằng tiếng Anh	VinaCapital Fund Management Joint Stock Company

Tên viết tắt	VinaCapital
Giấy phép thành lập và hoạt động số	31/UBCK-GP do UBCKNN cấp lần đầu ngày 14/04/2008
Trụ sở chính	Lầu 17, Tòa Nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại	(84-28) 3821 9930
Fax	(84-28) 28 3821 9931
Vốn điều lệ	100.000.000.000 VNĐ (một trăm tỷ đồng)

4.2 GIỚI THIỆU CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ nắm giữ/ tổng số cổ phần (%)
1	VinaCapital Investment Management Limited (thành lập tại Cayman Islands)	938.000	9,38%
2	Asia Investment & Finance Limited	4.766.000	47,66%
3	VinaCapital Investment Management Limited (thành lập tại BVI)	4.296.000	42,96%
Tổng cộng		10.000.000	100%

VinaCapital là một tổ chức quản lý tài sản, quản lý đầu tư và phát triển bất động sản hàng đầu trên thị trường Việt Nam với danh mục đầu tư đa dạng. Tập Đoàn VinaCapital được thành lập năm 2003. Trải qua mười lăm năm hoạt động và phát triển, VinaCapital luôn tự hào về đội ngũ điều hành có kinh nghiệm sâu rộng trong lĩnh vực đầu tư và tài chính quốc tế. Ngay từ khi thành lập, Tập Đoàn VinaCapital đã đi tiên phong trong việc phát triển các sản phẩm và dịch vụ đầu tư cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Hiện tại, Tập Đoàn VinaCapital là một trong số các công ty quản lý tài sản, quản lý đầu tư lớn nhất trên thị trường Việt Nam, với tổng giá trị tài sản quản lý đạt khoảng 1,8 tỷ USD (tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2018). Phần lớn tài sản do VinaCapital quản lý thuộc các quỹ đóng, niêm yết ở thị trường chứng khoán London, Anh Quốc và huy động vốn từ nhà đầu tư nước ngoài.

Từ năm 2011, Tập Đoàn VinaCapital đã đầu tư vào VCFM với mục đích phát triển và phân phối các quỹ và sản phẩm đầu tư cho nhà đầu tư Việt Nam. Trong các năm vừa qua, VCFM đã liên tục phát triển các quỹ mở và dịch vụ ủy thác đầu tư. Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, VCFM đang quản lý tổng cộng 1.390,2 tỷ đồng giá trị tài sản ròng của các quỹ mở trong nước; 346,8 tỷ đồng giá trị danh mục đầu tư của dịch vụ ủy thác đầu tư cho nhà đầu tư ủy thác trong nước và 18.256,9 tỷ đồng giá trị danh mục đầu tư của dịch vụ ủy thác đầu tư cho nhà đầu tư ủy thác nước ngoài.

4.3 GIỚI THIỆU CÁC NHÂN SỰ CHỦ CHỐT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

4.3.1 Hội Đồng Quản Trị

- Ông Brook Colin Taylor – Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị
- Ông Ho An T (Andy Ho) – Thành viên Hội Đồng Quản Trị
- Bà Nguyễn Thị Thái Thuận – Thành viên Hội Đồng Quản Trị

4.3.2 Ban Điều Hành Quỹ

- Bà Nguyễn Thị Thái Thuận – Tổng Giám Đốc
- Ông Đinh Đức Minh – Người điều hành Quỹ

- Bà Trần Thảo Nguyên – Người điều hành Quỹ

4.3.3 Giới Thiệu Về Nhân Sự Chủ chốt Của Công Ty Quản Lý Quỹ

Ông Brook Colin Taylor – Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Ông Brook Colin Taylor có trên 22 năm kinh nghiệm về quản lý, tài chính, kiểm toán, thuế và quản trị rủi ro trong lĩnh vực công nghệ thông tin, trong đó có 20 năm ở Việt Nam. Trước đây, ông Brook Colin Taylor là phó giám đốc điều hành của Deloitte Việt Nam và là trưởng bộ phận kiểm toán của hãng này. Trước khi gia nhập Deloitte, ông là thành viên hợp danh điều hành của Arthur Andersen Vietnam và thành viên hợp danh cao cấp của KPMG.

Ông Brook Colin Taylor có bằng MBA thực hành từ trường INSEAD và bằng cử nhân thương mại và quản trị của đại học Victoria of Wellington, New Zealand. Ông là thành viên của Viện Kế Toán Australia and New Zealand và Hiệp Hội Kế Toán Anh Quốc.

Bà Nguyễn Thị Thái Thuận – Tổng Giám Đốc và Thành viên Hội Đồng Quản Trị

Bà Thái Thuận hiện là Tổng Giám Đốc của VCFM. Bà Thái Thuận có hơn 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư, dịch vụ tài chính và quản trị doanh nghiệp. Bà Thái Thuận khởi nghiệp tại Hoa Kỳ, với bảy năm kinh nghiệm làm cho các tổ chức tư vấn chiến lược và quản lý đa quốc gia, bao gồm Hay Management và Monitor Group. Năm 2008, bà Thái Thuận về Việt Nam và gia nhập Tập Đoàn VinaCapital, phụ trách các vấn đề chiến lược, huy động vốn và quản lý danh mục của Tập Đoàn VinaCapital. Sau đó, vào tháng 1 năm 2012, bà gia nhập tập đoàn chuyên đầu tư vào các công ty chưa niêm yết tại Việt Nam là Vietnam Investments Group (VIG), với cương vị là giám đốc phụ trách các vấn đề về đầu tư, quan hệ nhà đầu tư và chiến lược nhân sự của VIG. Bà Thái Thuận trở thành Tổng Giám Đốc của VCFM từ tháng 1 năm 2014.

Bà Thái Thuận có bằng thạc sĩ quản trị kinh doanh của Trường Wharton trực thuộc Đại học Pennsylvania và bằng cử nhân của trường Đại học Harvard. Bà Thái Thuận đồng thời có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ và tài sản do UBCKNN cấp.

Ông Ho An T (Andy Ho) – Thành viên Hội Đồng Quản Trị

Ông Andy Ho hiện là Tổng Giám Đốc Đầu Tư và là người đứng đầu bộ phận đầu tư của Tập Đoàn VinaCapital với hơn 14 năm kinh nghiệm về quản lý và đầu tư tại Việt Nam. Ông Andy Ho chịu trách nhiệm quản lý đội ngũ đầu tư trên thị trường vốn, trái phiếu, vốn tư nhân và đầu tư mạo hiểm của Tập Đoàn VinaCapital. Trước khi gia nhập VinaCapital, ông Andy Ho là Giám Đốc Đầu Tư của công ty quản lý quỹ đầu tư Prudential Việt Nam. Ở đó, ông quản lý danh mục đầu tư thị trường vốn và chiến lược đầu tư của công ty. Ông Andy Ho cũng từng nắm giữ các vị trí quản lý tại Dell Ventures (tập đoàn đầu tư của Dell Computer Corporation) và tại Ernst & Young.

Ông Andy Ho có bằng MBA của Viện Công nghệ Massachusetts (MIT) và bằng Cử Nhân Tài Chính, Kế Toán và Khoa Học Máy Tính của Trường Đại Học Colorado. Ông Andy Ho còn có chứng chỉ Kế Toán Công (CPA) Hoa Kỳ và chứng chỉ hành nghề tư vấn chứng khoán ở Việt Nam.

Ông Đinh Đức Minh – Người Điều Hành Quỹ

Ông Minh có 12 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư. Trước khi gia nhập VinaCapital vào năm 2016, ông có 5 năm làm việc tại Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI với vị trí Trưởng phòng Phân tích và Tư vấn đầu tư khách hàng tổ chức. Từ năm 2008 đến năm 2010, ông là Chuyên viên đầu tư tại Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà Nước (SCIC).

Ông Minh tốt nghiệp Thạc sĩ quản lý đầu tư tại Đại học Coventry, Vương Quốc Anh và đã đạt chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Bà Trần Thảo Nguyên – Người Điều Hành Quỹ

Bà Nguyên đã có 7 năm công tác tại CTCP quản lý quỹ VinaCapital. Trước khi gia nhập VinaCapital, bà có gần 1 năm làm việc tại Ngân hàng ANZ Việt Nam. Bà Nguyên tốt nghiệp xuất sắc cao học chuyên ngành Phân tích Đầu tư và có bằng Cử nhân từ trường đại học Aston, Vương Quốc Anh. Bà đạt chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và bằng Chuyên viên Phân tích Tài chính chuyên nghiệp (CFA).

4.3.4 Tình Hình Hoạt Động Của Công Ty Quản Lý Quỹ

4.3.4.1 Khái Quát Hoạt Động Của Công Ty Quản Lý Quỹ

Tiền thân của VCFM là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thép Việt, được thành lập vào ngày 14 tháng 04 năm 2008 theo giấy phép hoạt động số 31/UBCK-GP do UBCKNN cấp, với tổng vốn điều lệ ban đầu là 25 tỷ đồng. Công ty chính thức đổi tên thành Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ VinaWealth theo giấy phép điều chỉnh số 33/GPĐC-UBCKNN do UBCKNN cấp ngày 20 tháng 04 năm 2012. Sau đó, công ty đổi tên một lần nữa theo giấy phép điều chỉnh số 06/GPĐC-UBCK ngày 10 tháng 07 năm 2017 thành Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ VinaCapital. Ngày 02 tháng 5 năm 2018, VCFM chính thức tăng vốn điều lệ lên 100 tỷ đồng theo giấy phép điều chỉnh số 33/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp.

VCFM là công ty tiên phong trong lĩnh vực quỹ mở và các sản phẩm đầu tư cho nhà đầu tư trong và ngoài nước. VCFM đang quản lý các sản phẩm và dịch vụ đầu tư sau:

- (i) **Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Bảo Thịnh VinaWeath (“VFF”)** – Quỹ mở được thành lập ngày 01 tháng 4 năm 2013 theo giấy phép số 02/GCN-UBCK, tập trung đầu tư vào trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp và các công cụ với lợi nhuận cố định. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, giá trị tài sản ròng của VFF là 382 tỷ đồng.
- (ii) **Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Hưng Thịnh VinaWeath (“VEOF”)** – Quỹ mở được thành lập ngày 01 tháng 7 năm 2014 theo giấy phép số 12/GCN-UBCK, tập trung đầu tư vào cổ phiếu giá trị và cổ phiếu có khả năng tăng trưởng trong ngắn và trung hạn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, giá trị tài sản ròng của VEOF là 824,6 tỷ đồng.
- (iii) **Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tiếp Cận Thị Trường Việt Nam (“VESAF”)** – Quỹ mở được thành lập ngày 18 tháng 4 năm 2017 theo giấy phép số 25/GCN-UBCK, tập trung đầu tư vào cổ phiếu với vốn hóa vừa và nhỏ với khả năng tăng trưởng trong trung và dài hạn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, giá trị tài sản ròng của VESAF là 183,6 tỷ đồng.
- (iv) **Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Tuệ Sáng VinaCapital (“VIBF”)** - Quỹ mở được thành lập ngày 02/07/2019 theo giấy phép 37/GCN-UBCK, tập trung vào các cổ phiếu của các công ty có lợi thế cạnh tranh bền vững, các loại tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các tài sản có thu nhập cố định khác. Quỹ huy động thành công 80,5 tỷ đồng trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng.
- (v) **Dịch Vụ Ủy Thác Đầu Tư** – Ngoài các quỹ mở, VCFM cũng đã phát triển dịch vụ ủy thác đầu tư trong các năm vừa qua nhằm phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức và nhà đầu tư cá nhân trong nước và nước ngoài có vốn lớn và/hoặc có nhu cầu đầu tư các cổ phiếu mà quỹ mở không đáp ứng được. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tổng giá trị danh mục đầu tư cho nhà đầu tư ủy thác trong nước là 346,8 tỷ đồng, cho nhà đầu tư ủy thác nước ngoài là 18.256,9 tỷ đồng.

Với tầm nhìn trở thành công ty quản lý quỹ dẫn đầu trên thị trường Việt Nam, VCFM sẽ tiếp tục tập trung phát triển các sản phẩm và dịch vụ đầu tư để phục vụ nhà đầu tư trong và ngoài nước. Công ty phấn đấu mang lại giá trị cho nhà đầu tư thông qua việc đạt hiệu quả đầu tư tốt và phục vụ khách hàng với các tiêu chuẩn cao nhất.

4.3.4.2 Tình Hình Hoạt Động Kinh Doanh Của Công Ty Quản Lý Quỹ Trong Năm (5) Năm Gần Nhất

Chỉ tiêu	Mã số	Bán niên ngày 30/06/2019	Năm kết thúc ngày 31/12/2018	Năm kết thúc ngày 31/12/2017	Năm kết thúc ngày 31/12/2016	Năm kết thúc ngày 31/12/2015	Năm kết thúc ngày 31/12/2014
							Đơn vị: VND
1. Doanh thu	01	106,561,714,807	254,686,697,739	148,441,692,892	38,352,348,604	15,501,591,007	1,691,887,200
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10	106,561,714,807	-	-	-	-	-
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11	(74,744,571,342)	(174,034,586,964)	(88,420,083,887)	(27,335,275,270)	(12,773,927,478)	(788,162,404)
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20	31,817,143,465	80,652,110,775	60,021,609,005	11,017,073,334	2,727,663,529	903,724,796
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	2,840,242,629	4,192,411,287	1,098,819,109	1,225,569,289	1,488,854,659	1,424,133,503
7. Chi phí tài chính	22	(71,331,521)	(151,460,824)	(170,022,245)	(17,940,522)	(63,700,776)	(5,682,006)

Chỉ tiêu	Mã số	Bán niên ngày 30/06/2019	Năm kết thúc ngày 31/12/2018	Năm kết thúc ngày 31/12/2017	Năm kết thúc ngày 31/12/2016	Năm kết thúc ngày 31/12/2015	Năm kết thúc ngày 31/12/2014
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(24,771,400,716)	(44,829,483,001)	(24,595,064,836)	(7,862,873,341)	(8,538,044,438)	(16,032,877,137)
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25))	30	9,814,653,857	39,863,578,237	36,355,341,033	4,361,828,760	(4,385,227,026)	(13,710,700,844)
10. Thu nhập khác	31	-	-	15,000,000	1,250,000	172,083,829	1,355,585,730
11. Chi phí khác	32	-	-	(324,070,000)	(16,992,500)	-	-
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	-	-	(309,070,000)	(15,742,500)	172,083,829	1,355,585,730
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	9,814,653,857	39,863,578,237	36,046,271,033	4,346,086,260	(4,213,143,197)	(12,355,115,114)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(1,995,924,594)	(8,632,607,201)	(2,980,718,446)	-	-	-
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(51,511,920)	491,597,750	75,741,600	-	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế	60	7,767,217,343	31,722,568,786	33,141,294,187	-	-	-

Chỉ tiêu	Mã số	Bán niên ngày 30/06/2019	Năm kết thúc ngày 31/12/2018	Năm kết thúc ngày 31/12/2017	Năm kết thúc ngày 31/12/2016	Năm kết thúc ngày 31/12/2015	Năm kết thúc ngày 31/12/2014
TNDN (60=50-51-52)							
17. Lãi trên cổ phiếu (*)	70	-	-	-	-	-	-

4.3.4.3 Báo Cáo Tình Hình Tài Chính Của Công Ty Quản Lý Quỹ Trong Năm (5) Năm Gần Nhất
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 31/12/2015	Tại ngày 31/12/2014
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100	149,244,359,413	157,206,068,383	92,436,847,042	36,673,251,621	31,191,134,656	33,325,201,291
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	94,541,474,530	43,334,991,923	27,130,989,685	7,618,229,423	22,253,290,044	12,702,158,783
1. Tiền	111	44,541,474,530	43,334,991,923	17,130,989,685	7,615,229,423	10,753,290,044	1,264,988,783
2. Các khoản tương đương tiền	112	50,000,000,000	-	10,000,000,000	3,000,000	11,500,000,000	11,437,170,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	2,000,000	65,002,000,000	16,004,000,000	19,890,937,769	3,739,163,240	19,700,000,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	2,000,000	65,002,000,000	16,004,000,000	19,890,937,769	3,739,163,240	19,700,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	49,325,816,433	41,377,555,461	46,614,566,632	8,945,622,382	8,525,033,285	744,599,548
1. Phải thu của khách hàng	131	6,900,500	79,900,500	10,900,500	18,067,094	-	225,805,803
2. Trả trước cho người bán	132	1,216,632,973	12,266,674,256	143,566,117	285,693,004	46,517,866	-
4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	46,117,117,276	21,739,849,660	44,855,913,852	7,505,491,859	4,686,837,409	-
5. Các khoản phải thu khác	135	1,985,165,684	7,291,131,045	1,604,186,163	1,136,370,425	98,678,010	518,793,745

Chỉ tiêu	Mã số	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 31/12/2015	Tại ngày 31/12/2014
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	5,375,068,450	7,491,520,999	2,687,290,725	218,462,047	366,648,087	178,442,960
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5,375,068,450	7,491,520,999	2,687,290,725	218,462,047	366,648,087	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	-	-	-	-	-	178,442,960
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200	20,485,743,455	3,729,838,447	697,679,567	316,008,973	515,205,533	804,854,601
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	-	-	-	155,580,000	155,580,000	155,580,000
4. Phải thu dài hạn khác	218	-	-	-	155,580,000	155,580,000	155,580,000
II. Tài sản cố định	220	19,674,841,905	2,870,424,977	466,357,967	160,428,973	359,625,533	581,984,942
1. Tài sản cố định hữu hình	221	17,544,126,994	1,961,972,110	226,812,604	139,026,215	308,883,441	487,575,139
- Nguyên giá	222	20,383,952,150	3,128,272,113	1,122,676,713	906,824,168	906,824,168	906,824,168
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(2,839,825,156)	(1,166,300,003)	(895,864,109)	(767,797,953)	(597,940,727)	(419,249,029)
3. Tài sản cố định vô hình	227	2,130,714,911	908,452,867	239,545,363	21,402,758	50,742,092	94,409,803
- Nguyên giá	228	2,844,745,364	1,298,214,994	466,013,464	156,735,376	156,735,376	156,735,376
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	(714,030,453)	(389,762,127)	(226,468,101)	(135,332,618)	(105,993,284)	(62,325,573)

Chỉ tiêu	Mã số	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 31/12/2015	Tại ngày 31/12/2014
IV. Tài sản dài hạn khác	260	810,901,550	859,413,470	-	-	-	67,289,659
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	-	-	-	-	-	67,289,659
3. Tài sản dài hạn khác	268	-	-	-	-	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 - 200)	270	169,730,102,868	160,935,906,830	93,134,526,609	36,989,260,594	31,706,340,189	34,130,055,892
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300	26,548,511,964	25,521,533,269	27,442,721,834	4,438,750,006	3,501,915,861	1,712,488,367
I. Nợ ngắn hạn	310	23,969,374,814	22,684,836,519	27,064,013,834	4,158,726,256	3,366,920,162	1,712,488,367
3. Người mua trả tiền trước	313	-	1,338,300,947	1,072,419,397	1,600,000,000	43,752,500	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	2,699,673,375	9,174,528,026	11,006,612,563	599,970,379	327,586,905	289,072,258
6. Chi phí phải trả	316	16,968,102,984	11,494,603,948	6,147,414,010	1,747,011,790	2,862,322,243	979,800,000
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	1,020,956,949	455,136,904	7,722,220,579	163,910,754	44,133,514	443,616,109
12. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328	385,937,511	222,266,694	1,006,740,285	47,833,333	89,125,000	-

Chi tiêu	Mã số	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 31/12/2015	Tại ngày 31/12/2014
II. Nợ dài hạn	330	2,579,137,150	2,836,696,750	378,708,000	280,023,750	134,995,699	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	2,579,137,150	2,836,696,750	378,708,000	280,023,750	134,995,699	-
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	143,181,590,904	135,414,373,561	65,691,804,775	32,550,510,588	28,204,424,328	32,417,567,525
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	100,000,000,000	100,000,000,000	62,000,000,000	62,000,000,000	62,000,000,000	62,000,000,000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	37,873,898,506	30,883,402,897	2,499,517,397	(29,449,489,412)	(33,795,575,672)	(29,582,432,475)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	169,730,102,868	160,935,906,830	93,134,526,609	36,989,260,594	31,706,340,189	34,130,055,892

V. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam - Chi Nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619079, đăng ký lần đầu ngày 29/11/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 04/01/2017 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.
Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số: 106/QĐ-UBCK ngày 14/05/2003 do UBCKNN cấp.
Địa chỉ: 66 Phố Đức Chính, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: (84-28) 38218812 Fax: (84-28) 39144714

VI. CÔNG TY KIỂM TOÁN

Hàng năm Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đề xuất ít nhất hai (02) công ty kiểm toán có uy tín và kinh nghiệm nằm trong danh sách các công ty kiểm toán được UBCKNN chấp thuận để Ban Đại Diện Quỹ xem xét và lựa chọn theo ủy quyền của Đại Hội Nhà Đầu Tư.

VII. THÀNH VIÊN LẬP QUỸ

Các Thành Viên Lập Quỹ của Quỹ bao gồm:

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Bảo Việt

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 01/GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 26/11/1999
Địa chỉ: Tầng 2 và 3, Tòa nhà số 72 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: (84-24) 3928 8080 Fax: (84-24) 3928 9888

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán VNDirect

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 22/UBCK-GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 16/11/2006
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 26/GCNTVLK do Trung tâm lưu ký chứng khoán cấp ngày 05/12/2006
Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: (84-24) 3941 0622 Fax: (84-24) 3972 4600

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Ngân Hàng Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 111/GP-UBCK do UBCKNN cấp lần đầu ngày 31/12/2010
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 78/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 31/12/2010
Địa chỉ: Tầng 10-11, Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (84-24) 3935 2722 Fax: (84-24) 2220 0669

Công Ty Quản Lý Quỹ có thể lựa chọn và ký hợp đồng với Thành Viên Lập Quỹ mới theo các quy định về Thành Viên Lập Quỹ tại Chương 9 của Điều Lệ của Quỹ. Trong trường hợp có Thành Viên Lập Quỹ mới, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thông báo tới Nhà Đầu Tư và cập nhật thông tin trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ. Nội dung thay đổi này cũng sẽ được cập nhật tại Bản Cáo Bạch vào lần cập nhật gần nhất.

VIII. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ

Công Ty Quản Lý Quỹ có thể lựa chọn và ký hợp đồng với Đại Lý Phân Phối để phân phối Chứng Chỉ Quỹ theo các quy định về Đại Lý Phân Phối tại Chương 10 của Điều Lệ của Quỹ. Các Thành Viên Lập Quỹ được chỉ định làm Đại Lý Phân Phối của Quỹ. Trong trường hợp có Đại Lý Phân Phối mới, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thông báo tới Nhà Đầu Tư và cập nhật thông tin trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ. Nội dung thay đổi này cũng sẽ được cập nhật tại Bản Cáo Bạch vào lần cập nhật gần nhất.

IX. TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN

9.1 TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN CUNG CẤP DỊCH VỤ QUẢN TRỊ QUỸ

Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam - Chi Nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619079, đăng ký lần đầu ngày 29/11/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 04/01/2017 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số: 106/QĐ-UBCK ngày 14/05/2003 do UBCKNN cấp

Địa chỉ: 66 Phó Đức Chính, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028 38218812 Fax: 028 391447149

9.2 TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN CUNG CẤP DỊCH VỤ ĐẠI LÝ CHUYÊN NIỆM

Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam

Quyết định thành lập số 171/2008/QĐ-TTg của Thủ Tướng Chính Phủ ngày 18 tháng 12 năm 2008

Địa chỉ: 112 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3974 7113

9.3 TỔ CHỨC TẠO LẬP THỊ TRƯỜNG

Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ lựa chọn và chỉ định một hoặc một số Thành Viên Lập Quỹ làm Tổ Chức Tạo Lập Thị Trường. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thông báo tới Nhà Đầu Tư và cập nhật thông tin trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ khi chỉ định Tổ Chức Tạo Lập Thị Trường. Nội dung thay đổi này cũng sẽ được cập nhật tại Bản Cáo Bạch vào lần cập nhật gần nhất.

X. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ

10.1 THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

10.1.1 Tên Và Địa Chỉ Liên Hệ:

Tên Quỹ Bằng Tiếng Việt: QUỸ ETF VINACAPITAL VN100

Tên Quỹ bằng Tiếng Anh: VINACAPITAL VN100 ETF

Tên viết tắt: VINACAPITAL VN100 ETF

Địa chỉ: Lầu 17, Tòa Nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

10.1.2 Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán:

Số 25/GCN-UBCK cấp ngày 21 tháng 01 năm 2020

10.1.3 Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Thành Lập:

Số 44/GCN-UBCK cấp ngày 16 tháng 06 năm 2020

10.1.4 Tính Chất Và Thời Gian Hoạt Động Của Quỹ:

Loại hình Quỹ: Quỹ hoán đổi danh mục, là một loại hình quỹ đại chúng dạng mở, hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy Lô Chứng Chỉ Quỹ, được tổ chức và hoạt động theo Pháp Luật. Chứng Chỉ Quỹ được niêm yết và giao dịch trên HOSE.

Thời hạn hoạt động: Không giới hạn

10.1.5 Tình Hình Và Kết Quả Hoạt Động:

Trước đợt phát hành lần đầu ra công chúng (IPO), Quỹ sẽ không có kết quả hoạt động trong quá khứ. Thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ sẽ được công bố đến Nhà Đầu Tư trong các báo cáo định kỳ và trong các báo cáo đầy đủ theo quy định về công bố thông tin tại Điều Lệ của Quỹ và theo quy định của Pháp Luật.

10.2 MỤC TIÊU ĐẦU TƯ, CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ VÀ HẠN MỨC ĐẦU TƯ CỦA QUỸ

10.2.1 Mục Tiêu Đầu Tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng biến động của Chỉ Số Tham Chiếu sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ Số Tham Chiếu là chỉ số do HOSE xây dựng và quản lý như được trình bày chi tiết tại Mục 3.3 của Bản Cáo Bạch này.

Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm đảm bảo mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu không vượt quá mức sai lệch tối đa theo quy định của HOSE là 10%.

10.2.2 Chiến Lược Đầu Tư, Chính Sách Đầu Tư Và Phân Bỏ Tài Sản

10.2.2.1 Quỹ sẽ áp dụng chiến lược đầu tư thụ động với mục tiêu lợi nhuận bám sát tỷ lệ lợi nhuận của Chỉ Số Tham Chiếu bằng cách đầu tư vào danh mục Chứng Khoán Cơ Cấu thuộc Chỉ Số Tham Chiếu. Danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với danh mục của Chỉ Số Tham Chiếu về cơ cấu, tỷ trọng tài sản quy định tại Khoản 5 Điều 3 Thông tư 229/2012/TT-BTC, cụ thể bao gồm tối thiểu 50% số chứng khoán cơ sở hình thành Chỉ Số VN100 và Giá trị Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu của Quỹ thông thường không thấp hơn 95% giá trị của danh mục chứng khoán tương ứng của Chỉ Số VN100.

10.2.2.2 Quỹ cũng sẽ đầu tư vào các loại tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các tài sản có thu nhập cố định khác có chất lượng tín dụng tốt, đảm bảo thu hồi vốn và mang về các khoản thu nhập cố định cho Quỹ. Các tài sản này bao gồm các tài sản được liệt kê tại Mục 10.2.2.4 của Bản Cáo Bạch này.

10.2.2.3 Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản đầu tư tùy thuộc vào tình hình thị trường và cơ hội đầu tư tại từng thời điểm khác nhau dựa trên nhận định của Công Ty Quản Lý Quỹ với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của Nhà Đầu Tư. Tuy nhiên, việc phân bổ tài sản đầu tư không được vượt quá những hạn chế đầu tư quy định tại Điều Lệ, Bản Cáo Bạch và quy định của Pháp Luật.

10.2.2.4 Danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm các Chứng Khoán Cơ Cấu trong danh mục của Chỉ Số Tham Chiếu và các tài sản chính sau đây tại Việt Nam:

(a) Tài sản có thu nhập cố định:

- (i) Gửi tiền tại các ngân hàng thương mại theo quy định của Pháp Luật về ngân hàng;
- (ii) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá và công cụ chuyển nhượng theo quy định trong lĩnh vực ngân hàng;
- (iii) Trái phiếu Chính Phủ, trái phiếu được Chính Phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương và tín phiếu Kho bạc nhà nước; và
- (iv) Trái phiếu niêm yết của tổ chức phát hành được thành lập và hoạt động theo Pháp Luật.

(b) Cổ phiếu:

Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đăng ký giao dịch.

(c) Công cụ phái sinh:

Quỹ có thể đầu tư vào chứng khoán phái sinh được niêm yết, giao dịch tại các Sở giao dịch Chứng khoán của Việt Nam. Tuy nhiên, việc đầu tư này chỉ phục vụ cho mục tiêu phòng ngừa rủi ro và giảm thiểu mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu.

(d) Các tài sản khác phát sinh từ việc sở hữu các chứng khoán có trong danh mục của Quỹ.

10.2.3 Hạn Chế Đầu Tư

10.2.3.1 Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều Lệ và quy định của Pháp Luật. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc sau:

- (a) Không được đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
- (b) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán phát hành bởi cùng một tổ chức phát hành, ngoại trừ trái phiếu Chính Phủ;
- (c) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau, trừ trường hợp đó là Chứng Khoán Cơ Cấu nằm trong danh mục của Chỉ Số Tham Chiếu;
- (d) Không được đầu tư vào chứng chỉ của chính Quỹ, hoặc của các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
- (e) Không được đầu tư vào bất động sản, cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của công ty đại chúng, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn, trái phiếu phát hành riêng lẻ, trừ trường hợp đó là các tài sản Quỹ được hưởng lợi từ các quyền của chủ sở hữu;
- (f) Không được đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi Công Ty Quản Lý Quỹ, Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, Thành Viên Lập Quỹ, trừ trường hợp đó là Chứng Khoán Cơ Cấu nằm trong danh mục của Chỉ Số Tham Chiếu; và
- (g) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các hợp đồng/giao dịch chứng khoán phái sinh và dư nợ các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ.

10.2.3.2 Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ quy định tại điểm (a), (b) và (c) của Mục 10.2.3.1 bên trên được phép sai lệch nhưng không quá mười lăm phần trăm (15%) so với các hạn chế đầu tư quy định tại Mục 10.2.3.1 nếu sự sai lệch đó xuất phát từ các nguyên nhân sau:

- (a) Do biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- (b) Do phải thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ;
- (c) Do thực hiện các hoạt động Hoán Đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu;
- (d) Do hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản, thu tóm, chào mua công khai của các tổ chức phát hành;
- (e) Cơ cấu danh mục chứng khoán của Chỉ Số Tham Chiếu thay đổi; hoặc
- (f) Quỹ đang trong thời gian thanh lý, giải thể hoặc thời gian hoạt động của Quỹ tính từ thời điểm được cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực chưa quá chín mươi (90) ngày.

10.2.3.3 Công Ty Quản Lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư đáp ứng các hạn mức đầu tư theo quy định tại Mục 10.2.3.1 trong thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tại các điểm (a), (b), (c), (d) và (e) của Mục 10.2.3.2.

10.2.3.4 Trường hợp do lỗi của Công Ty Quản Lý Quỹ dẫn đến danh mục đầu tư của Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của Pháp Luật hoặc của Điều Lệ, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày sai lệch phát sinh. Đồng thời, Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và bồi thường cho Quỹ các tổn thất (nếu phát sinh). Tuy nhiên, nếu phát sinh lợi nhuận, Công Ty Quản Lý Quỹ phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.

10.2.3.5 Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi và công cụ thị trường tiền tệ theo quy định tại các Mục 10.2.2.4(a)(i) và (ii) của Bản Cáo Bạch này được phát hành bởi các ngân hàng thương mại trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.

10.2.3.6 Công Ty Quản Lý Quỹ không được phép vay để tài trợ cho các hoạt động của Quỹ, trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ, không được quá năm phần trăm (5%) Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn của một khoản vay tối đa không quá ba mươi (30) ngày.

10.2.4 Phương Pháp Lựa Chọn Cổ Phiếu Đầu Tư Của Quỹ

Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ lựa chọn cổ phiếu đầu tư của Quỹ căn cứ trên các nguyên tắc sau đây:

- (a) Các Chứng Khoán Cơ Cấu cấu thành Chỉ Số VN100.
- (b) Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu bao gồm tối thiểu 50% số chứng khoán cơ sở hình thành Chỉ Số VN100 (danh mục chứng khoán của Chỉ Số Tham Chiếu).
- (c) Giá trị Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu của Quỹ thông thường không thấp hơn 95% giá trị của danh mục chứng khoán tương ứng của Chỉ Số VN100.

10.3 CÁC RỦI RO KHI ĐẦU TƯ VÀO QUỸ

Giống như các hình thức đầu tư khác, việc đầu tư vào Quỹ cũng hàm chứa những rủi ro nhất định. Nhà Đầu Tư cần nhận thức rõ những rủi ro này và hiểu được mức độ chấp nhận rủi ro của mình để cân nhắc thật kỹ trước khi đưa ra quyết định đầu tư vào Quỹ. Mặc dù Công Ty Quản Lý Quỹ đã áp dụng các phương pháp quản trị rủi ro, nhưng vẫn có các rủi ro tiềm tàng khi đầu tư vào Quỹ. Vì vậy, Nhà Đầu Tư cần lưu ý những điểm quan trọng sau đây:

- (i) Việc đầu tư vào Quỹ không được bảo lãnh hay cam kết bởi bất kỳ một ngân hàng nào, kể cả Ngân Hàng Giám Sát, hay bất kỳ tổ chức nào về việc Quỹ sẽ đạt được những mục tiêu đầu tư đề ra. Nhà Đầu Tư có thể không thu được lợi nhuận hoặc đạt mức lợi nhuận thấp hơn dự kiến hoặc thấp hơn lợi nhuận của các hình thức đầu tư khác cùng thời điểm và cùng thời gian nắm giữ hoặc có thể bị lỗ một phần hoặc toàn bộ vốn đầu tư ban đầu. Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ, Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, người đại diện theo pháp luật, Ban Điều Hành và nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ không đưa ra bất cứ sự đảm bảo nào đối với vốn đầu tư ban đầu của Nhà Đầu Tư cũng như mức lợi nhuận từ đầu tư mà Quỹ mong muốn đạt được.
- (ii) Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tạo thu nhập ổn định và tăng trưởng tài sản ròng trong trung và dài hạn cho Nhà Đầu Tư. Nhà Đầu Tư không nên kỳ vọng có được ngay các khoản thu nhập và có được tăng trưởng giá trị tài sản ngay trong ngắn hạn từ hoạt động đầu tư này.
- (iii) Quỹ không có bất kỳ sự bảo đảm nào về số lần chi trả và giá trị của cổ tức sẽ được thanh toán trong tương lai. Việc thanh toán cổ tức phụ thuộc vào nguồn phân phối lợi nhuận, chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ và cần có sự chấp thuận của Đại Hội Nhà Đầu Tư và/hoặc của Ban Đại Diện Quỹ. Tùy thuộc vào nguồn lợi nhuận có thể phân phối, Nhà Đầu Tư có thể sẽ không nhận được khoản cổ tức như kỳ vọng hoặc trong thời gian kỳ vọng. Tên gọi của Quỹ không hàm ý về chất lượng hoạt động cũng như triển vọng và lợi nhuận của Quỹ trong tương lai.
- (iv) Kết quả hoạt động trong quá khứ của các quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý hoặc kết quả hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ không hàm ý hay đảm bảo kết quả hoạt động của Quỹ.
- (v) Công Ty Quản Lý Quỹ không chịu trách nhiệm pháp lý về những rủi ro đầu tư của Quỹ và Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, người đại diện theo pháp luật, Ban Điều Hành và nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ không có trách nhiệm pháp lý về các rủi ro hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ trong quá trình quản lý Quỹ này.
- (vi) Quỹ hoạt động theo cơ chế quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở nên Nhà Đầu Tư có thể linh hoạt sử dụng các công cụ thị trường để đưa ra các quyết định đầu tư hay hoán đổi các I.ô Chứng Chỉ Quỹ cho Quỹ hoặc bán lại các Chứng Chỉ Quỹ trên HOSE, Nhà Đầu Tư trong quá trình mua/bán/hoán đổi Chứng Chỉ Quỹ có thể phát sinh các nghĩa vụ thuế hoặc nghĩa vụ tài chính khác phải trả theo quy định của Pháp Luật. Các nghĩa vụ thuế và tài chính đó liên quan trực tiếp đến Nhà Đầu Tư liên

quan mà không phản ánh trong kết quả hoạt động chung của Quỹ.

Dưới đây là những rủi ro chủ yếu trong đầu tư chứng khoán, nhưng không phải toàn bộ những rủi ro liên quan đến việc đầu tư vào Quỹ. Nhà Đầu Tư cần tự tìm hiểu và phân tích hoặc hỏi ý kiến các nhà tư vấn chuyên nghiệp về những rủi ro tiềm tàng có thể xảy ra đối với mình trước khi quyết định đầu tư vào Quỹ.

10.3.1 Rủi Ro Thị Trường

Rủi ro thị trường phát sinh khi các thị trường tài sản mà Quỹ đang nắm giữ có sự suy giảm từng phần hay toàn bộ trong một khoảng thời gian nhất định. Loại rủi ro này dẫn tới sự suy giảm giá trị của toàn bộ thị trường. Rủi ro này thường trên diện rộng, mang tính hệ thống và nằm ngoài khả năng kiểm soát của Công Ty Quản Lý Quỹ cũng như Ban Đại Diện Quỹ.

10.3.2 Rủi Ro Lạm Phát

Rủi ro lạm phát là rủi ro mà giá trị các khoản đầu tư của Quỹ suy giảm do ảnh hưởng của lạm phát. Rủi ro lạm phát có ảnh hưởng khác nhau đối với cổ phiếu và trái phiếu. Đối với cổ phiếu, lạm phát tăng sẽ làm chi phí vốn của doanh nghiệp tăng và nhu cầu tiêu thụ sản phẩm giảm, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Thông thường, lạm phát tăng luôn đi kèm với lãi suất tăng, làm tăng tỷ suất chiết khấu khi định giá doanh nghiệp khiến giá cổ phiếu giảm.

Đối với trái phiếu, giá trái phiếu thường tỷ lệ nghịch với lạm phát do lạm phát tăng cao sẽ làm tăng lợi suất trái phiếu dẫn đến giá trái phiếu giảm. Bên cạnh đó, lạm phát tiếp tục tăng cao sẽ làm giảm giá trị thực của mệnh giá và lãi trái phiếu nhận được hàng kỳ.

10.3.3 Rủi Ro Lãi Suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của các công cụ tài chính mà Quỹ đầu tư sẽ biến động do những thay đổi của lãi suất thị trường hoặc do sự thay đổi về cung cầu tiền tệ và các yếu tố kinh tế vĩ mô khác. Rủi ro lãi suất ảnh hưởng trực tiếp tới giá trị của cổ phiếu và trái phiếu. Lãi suất tăng sẽ làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp, nhất là đối với những doanh nghiệp có tỷ lệ nợ vay lớn. Đồng thời, giá trị doanh nghiệp sẽ giảm do các nhà đầu tư yêu cầu một tỷ suất chiết khấu cao hơn khi định giá doanh nghiệp. Đối với trái phiếu, lãi suất tăng sẽ làm giá trái phiếu giảm trên thị trường thứ cấp để lợi suất thực tế của trái phiếu tăng bằng với lãi suất thị trường.

10.3.4 Rủi Ro Biến Động Giá Thị Trường

Rủi ro biến động giá thị trường là rủi ro giá trị của các công cụ tài chính sụt giảm khi các chỉ số thị trường thay đổi và giá trị của từng loại chứng khoán thay đổi. Giá thị trường sụt giảm sẽ làm giảm giá trị của các khoản đầu tư của Quỹ. Do Quỹ cơ cấu danh mục đầu tư tương tự như Chỉ Số Tham Chiếu, khi thị trường có biến động tăng hoặc giảm, Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ cũng sẽ có những biến động tương tự như Chỉ Số Tham Chiếu.

10.3.5 Rủi Ro Tỷ Giá

Rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị của khoản đầu tư của Quỹ và các công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi biến động của tỷ giá. Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ gặp rủi ro tỷ giá khi các công ty mà Quỹ đang đầu tư có các hoạt động kinh doanh liên quan đến xuất nhập khẩu và/hoặc có tài sản hoặc nợ phải trả bằng ngoại tệ.

Rủi ro tỷ giá cũng có thể ảnh hưởng đến Nhà Đầu Tư nước ngoài khi chuyển đổi ngoại tệ sang tiền đồng Việt Nam để mua Chứng Chỉ Quỹ, hoặc ngược lại, khi các Nhà Đầu Tư này chuyển đổi tiền bán Chứng Chỉ Quỹ sang ngoại tệ để chuyển về nước, Quỹ sẽ không chịu trách nhiệm về rủi ro tỷ giá đối với các Nhà Đầu Tư nước ngoài trong các trường hợp này vì đơn vị tiền tệ sử dụng duy nhất của Quỹ là Đồng Việt Nam. Các Nhà Đầu Tư nước ngoài vì vậy sẽ tự tìm kiếm các công cụ để phòng ngừa rủi ro tỷ giá đối với các khoản đầu tư của mình.

10.3.6 Rủi Ro Thanh Khoản Của Các Tài Sản Đầu Tư

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà thanh khoản của bên mua và bên bán chứng khoán quá thấp khiến cho Quỹ và các Thành Viên Lập Quỹ không thể mua hoặc bán chứng khoán tại các mức giá nhất định khi cần thiết, và có thể ảnh hưởng đến giá trị của Quỹ và mức thanh khoản của Quỹ khi Nhà Đầu Tư yêu cầu hoán đổi Chứng Chỉ Quỹ. Rủi ro thanh khoản của cổ phiếu thường tập trung ở các công ty vốn hóa nhỏ và cũng có thể có ở các công ty có vốn hóa lớn nếu số lượng cổ phiếu được giao dịch trên thị trường thấp, hoặc cổ phiếu được nắm giữ bởi Nhà Đầu Tư tổ chức và không được giao dịch thường xuyên.

Rủi ro này được hạn chế do Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ tập trung đầu tư vào các Chứng Khoán Cơ Cấu của Chỉ Số VN100, hầu hết là các cổ phiếu có tỷ lệ vốn hóa lớn và vừa với mức thanh khoản cao.

10.3.7 Rủi Ro Thanh Khoản Của Quỹ

Trong giai đoạn Quỹ đang tái cơ cấu danh mục khi có sự thay đổi thành phần Chứng Khoán Cơ Cấu trong Chỉ Số Tham Chiếu hoặc sự kiện khiến cho chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ bị tạm ngừng giao dịch, Nhà Đầu Tư có thể không thể thực hiện được Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi trong thời gian Quỹ thông báo tạm ngừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ.

Khi việc thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư bị kéo dài hơn so với quy định do các lý do trên, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ công bố thông tin về lý do và thời gian dự kiến để thực hiện Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi của Nhà Đầu Tư.

10.3.8 Rủi Ro Pháp Lý

Thị trường chứng khoán cũng như khung pháp lý liên quan của Việt Nam còn tương đối non trẻ nên còn tồn tại những rủi ro về pháp lý trong bối cảnh chính phủ vẫn đang trong quá trình hoàn thiện và điều chỉnh khung pháp lý cho các hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán. Những điều chỉnh này có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ hoặc giá trị tài sản của Quỹ trong tương lai. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đánh giá mức độ ảnh hưởng của những thay đổi này đối với Quỹ và các công ty trong danh mục đầu tư của Quỹ để chủ động điều chỉnh cho phù hợp.

10.3.9 Rủi Ro Xung Đột Lợi Ích

Công Ty Quản Lý Quỹ có thể sẽ gặp phải những xung đột nhất định về lợi ích giữa các quỹ đầu tư và sản phẩm đầu tư tài chính khác do Công Ty Quản Lý Quỹ điều hành. Tuy nhiên, do mỗi quỹ đầu tư đều được quản lý bởi người điều hành quỹ riêng biệt, nên Công Ty Quản Lý Quỹ có thể kiểm soát được rủi ro này.

10.3.10 Rủi Ro Định Giá

Đây là rủi ro khi lãi suất chiết khấu dùng để định giá khác với lãi suất thực tế khiến cho giá trị của tài sản được mua/bán khác với giá trị sổ sách. Lãi suất chiết khấu được dùng để định giá căn cứ trên lãi suất niêm yết trên LINX, VBMA, Bloomberg hoặc Reuters. Đây là lãi suất tham khảo chính thức được sử dụng phổ biến tại các tổ chức định giá, đầu tư tài chính chuyên nghiệp theo phương pháp định giá thống nhất tại Việt Nam và cũng mô phỏng thông lệ định giá được sử dụng phổ biến tại các tổ chức định giá, tổ chức đầu tư tài chính chuyên nghiệp trên thế giới. Tuy từng thời điểm và chất lượng của thông tin đầu vào, lãi suất này có thể không sát với lãi suất thực tế giao dịch.

10.3.11 Rủi Ro Liên Quan Đến Giải Thể Bắt Buộc

Quỹ phải đối mặt với nguy cơ bị giải thể bắt buộc nếu Giá Trị Tài Sản Ròng thấp hơn mười tỷ Đồng Việt Nam (10.000.000.000 VND) trong sáu (6) tháng liên tục. Trong trường hợp này Đại Hội Nhà Đầu Tư sẽ được triệu tập để quyết định việc thanh lý Quỹ hoặc sáp nhập Quỹ với quỹ khác, tùy thuộc vào phương án nào có lợi nhất cho Nhà Đầu Tư.

10.3.12 Rủi Ro Hoạt Động Quản Lý Quỹ

Đây là rủi ro khi không phải tất cả các quyết định đầu tư của Công Ty Quản Lý Quỹ đều mang lại lợi nhuận hoặc đáp ứng được kỳ vọng tại thời điểm tiến hành các khoản đầu tư này hoặc khi nhân viên đầu tư chủ chốt của Công Ty Quản Lý Quỹ thôi việc đột ngột và Công Ty Quản Lý Quỹ chưa tìm được nhân sự thay thế ngay lập tức do có một số yêu cầu cụ thể đối với người điều hành Quỹ theo quy định của UBCKNN và cần có thời gian để Công Ty Quản Lý Quỹ bổ nhiệm nhân sự thay thế đáp ứng được các yêu cầu này. Cụ thể, UBCKNN quy định người điều hành Quỹ phải đáp ứng đủ số năm kinh nghiệm yêu cầu đối với nghiệp vụ quản lý quỹ chuyên nghiệp, đủ kiến thức chuyên môn và được cấp chứng nhận hành nghề quản lý quỹ bởi UBCKNN. Việc này có thể ảnh hưởng tạm thời đến kết quả hoạt động của Quỹ. Tuy nhiên, hoạt động đầu tư của Quỹ luôn được giám sát và định hướng bởi Hội Đồng Đầu Tư gồm những chuyên gia giàu kinh nghiệm trong điều hành quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ. Do đó, Quỹ hoàn toàn có thể hạn chế các ảnh hưởng tạm thời này. Thêm vào đó, Công Ty Quản Lý Quỹ luôn có đội ngũ kế thừa đủ năng lực có thể đảm nhận vai trò điều hành Quỹ ngay khi cần thiết và hạn chế tối đa các tác động nếu có đối với Quỹ trong trường hợp này.

10.3.13 Rủi Ro Do Sự Kiện Bất Khả Kháng

Đây là các rủi ro có thể ảnh hưởng lớn và đột ngột lên giá trị của tất cả hoặc một số tài sản của Quỹ khi các Sự Kiện Bất Khả Kháng gây ảnh hưởng xảy ra một cách khách quan, không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép. Có rất ít biện pháp để giảm thiểu rủi ro do Sự Kiện Bất Khả Kháng. Rủi ro này có thể được hạn chế do danh mục đầu tư của Quỹ đa dạng và các rủi ro này thường không tác động đến tất cả chứng khoán cùng một lúc, hoặc tác động ở các mức độ khác nhau. Ở cấp độ công ty trong danh mục, chính sách bảo hiểm và các kế hoạch khắc phục tồn thất có thể giúp giới hạn tác động của một số Sự Kiện Bất Khả Kháng.

10.3.14 Rủi Ro Thiếu Các Công Cụ Phòng Ngừa Rủi Ro

Theo quy định của Pháp Luật, Quỹ được sử dụng các chứng khoán phái sinh nhằm yết cho mục đích phòng ngừa rủi ro. Tuy nhiên, các công cụ phái sinh hiện tại chưa phát triển nên khả năng sẽ không có sẵn các công cụ phù hợp để sử dụng phòng ngừa rủi ro. Vì vậy, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ áp dụng đồng thời nhiều phương pháp quản trị rủi ro khác đã đề cập bên trên để giảm thiểu rủi ro cho Quỹ và Nhà Đầu Tư.

10.3.15 Rủi Ro Liên Quan Đến Chiến Lược Đầu Tư Thụ Động

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng biến động của của Chỉ Số Tham Chiếu. Do đó, Quỹ không chủ động lựa chọn các Chứng Khoán Cơ Cấu của Chỉ Số Tham Chiếu mà sẽ đầu tư toàn bộ hoặc phần lớn tài sản của Quỹ vào các Chứng Khoán Cơ Cấu cấu thành Chỉ Số Tham Chiếu. Do đầu tư thụ động, Quỹ không thực hiện bán các Chứng Khoán Cơ Cấu trong danh mục của Quỹ do cổ phiếu đó gặp bất lợi về tài chính hay một sự kiện doanh nghiệp nào đó. Tuy nhiên, khi một Chứng Khoán Cơ Cấu bất kỳ nào bị đưa ra khỏi danh mục chứng khoán cơ cấu của Chỉ Số Tham Chiếu, Quỹ sẽ thực hiện bán Chứng Khoán Cơ Cấu đó bất kể Chứng Khoán Cơ Cấu đó đang có xu hướng tăng hay giảm giá trên thị trường. Ngoài ra, danh mục đầu tư của Quỹ có thể tập trung vào những ngành hoặc nhóm ngành cụ thể tương ứng với những ngành nằm trong Chỉ Số Tham Chiếu. Do đó, khi các công ty trong nhóm ngành này chịu rủi ro về kinh tế, chính trị hay các điều kiện khác có thể ảnh hưởng tiêu cực đến giá cổ phiếu thì kết quả hoạt động của Quỹ có thể bị ảnh hưởng tương ứng.

10.3.16 Rủi Ro Sai Lệch Của Giá Trị Tài Sản Ròng So Với Chỉ Số Tham Chiếu

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng biến động của Chỉ Số Tham Chiếu. Do đó, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đảm bảo duy trì mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu ở mức thấp nhất có thể. Tuy nhiên, trong các kỳ thay đổi định kỳ danh mục và tỷ trọng chứng khoán của Chỉ Số Tham Chiếu hoặc khi xảy ra các sự kiện doanh nghiệp như chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp, hay chia cổ tức, phát hành cổ phiếu thưởng, mức sai lệch giữa Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ so với Chỉ Số Tham Chiếu sẽ bị ảnh hưởng. Ngoài ra, trong quá trình hoạt động, Quỹ sẽ phát sinh các chi phí hoạt động hoặc các chi phí liên quan đến việc mua bán chứng khoán trong các đợt thay đổi danh mục định kỳ, việc này cũng có thể làm ảnh hưởng đến mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu.

Để hạn chế tối đa mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu, trong các đợt xem xét định kỳ hoặc bất thường của Chỉ Số Tham Chiếu, Quỹ sẽ điều chỉnh lại Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu tương ứng để phản ánh thành phần và tỷ trọng của các Chứng Khoán Cơ Cấu của Chỉ Số Tham Chiếu. Việc điều chỉnh này sẽ bao gồm tăng giảm tỷ trọng các cổ phiếu, loại hoặc bổ sung cổ phiếu mới vào Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu.

10.3.17 Rủi Ro Khi Thực Hiện Hoán Đổi Chứng Chỉ Quỹ Lấy Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu

Trong trường hợp Nhà Đầu Tư yêu cầu hoán đổi Lô Chứng Chỉ Quỹ để lấy Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu, mà dẫn tới tỷ lệ sở hữu tối đa của Nhà Đầu Tư nước ngoài vượt quá tỷ lệ quy định hoặc rơi vào các trường hợp hạn chế đầu tư thì khi đó Công Ty Quản Lý Quỹ phải bán số Chứng Khoán Cơ Cấu vượt tỷ lệ sở hữu tối đa và thanh toán bằng tiền cho Nhà Đầu Tư. Việc thanh toán tiền cho Nhà Đầu Tư trong trường hợp này phụ thuộc vào tiến độ bán các Chứng Khoán Cơ Cấu này và có rủi ro nếu thanh khoản thị trường thấp hoặc thị giá của Chứng Khoán Cơ Cấu đó giảm, dẫn đến số tiền mà Nhà Đầu Tư nhận được thấp hơn giá trị tài sản tại Ngày Giao Dịch Hoán Đổi.

10.3.18 Rủi Ro Chênh Lệch Giá Chứng Chỉ Quỹ Với Giá Trị Tài Sản Ròng/Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Chứng Chỉ Quỹ (Giao Dịch Thứ Cấp)

Khi niêm yết và giao dịch trên HOSE, Chứng Chỉ Quỹ sẽ chịu ảnh hưởng của cung và cầu giao dịch của thị trường. Khi khối lượng đặt mua Chứng Chỉ Quỹ tăng hoặc giảm đột biến sẽ tạo ra chênh lệch giữa giá giao dịch và Giá Trị Tài Sản Ròng/Giá Trị Tài Sản Ròng tham chiếu trên một Chứng Chỉ Quỹ. Chênh lệch này có thể được giảm thiểu khi Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư thực hiện giao dịch Hoán Đổi Danh Mục với Quỹ trên thị trường sơ cấp.

10.3.19 Rủi Ro Ngừng Công Bố Hoặc Hủy Bỏ Chỉ Số Tham Chiếu

Chỉ Số Tham Chiếu do HOSE xây dựng và quản lý. HOSE có toàn quyền ngừng cung cấp, công bố hoặc hủy bỏ Chỉ Số Tham Chiếu. Trong trường hợp HOSE ngừng cung cấp hoặc hủy bỏ Chỉ Số Tham Chiếu, Quỹ sẽ phải thay đổi Chỉ Số Tham Chiếu và sử dụng chỉ số tham chiếu thay thế sau khi được UBCKNN chấp thuận. Trong thời gian chuyển đổi chỉ số tham chiếu, Quỹ có thể phải tạm ngừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ. Trong trường hợp không có chỉ số tham chiếu thay thế, Quỹ có rủi ro bị hủy niêm yết và giải thể Quỹ. Trong những trường hợp này, Nhà Đầu Tư sẽ không thể thực hiện được các giao dịch đối với Chứng Chỉ Quỹ và do đó có thể bị thiệt hại khi sở hữu Chứng Chỉ Quỹ.

10.3.20 Rủi Ro Hủy Niêm Yết

Theo quy định của HOSE, Chứng Chỉ Quỹ niêm yết sẽ bị hủy niêm yết nếu rơi vào các trường hợp như mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu (tracking error) liên tục trong 3 tháng gần nhất vượt quá mức sai lệch tối đa theo quy định của HOSE, không thể xác định được Chỉ Số Tham Chiếu vì các nguyên nhân bất khả kháng đã được quy định tại quy tắc quản lý và vận hành bộ chỉ số, số lượng Thành Viên Lập Quỹ không đáp ứng được điều kiện niêm yết, và các trường hợp khác theo quy định của HOSE. Trong trường hợp này, Nhà Đầu Tư sẽ không thể thực hiện giao dịch đối với Chứng Chỉ Quỹ và do đó có thể bị thiệt hại khi sở hữu Chứng Chỉ Quỹ.

10.4 TÓM TẮT ĐIỀU LỆ QUỸ

Nhà Đầu Tư cần lưu ý rằng những nội dung tại Mục 10.4 này là nội dung tóm tắt của Điều Lệ của Quỹ. Để có đầy đủ thông tin, Nhà Đầu Tư cần tham khảo Điều Lệ của Quỹ. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa nội dung của Bản Cáo Bạch này và Điều Lệ của Quỹ, các quy định của Điều Lệ của Quỹ sẽ được áp dụng. Trường hợp Nhà Đầu Tư nghi ngờ về quyết định đầu tư của mình, Nhà Đầu Tư nên tìm hiểu thông tin hoặc tham vấn chuyên gia tư vấn để có quyết định phù hợp.

10.4.1 Các Điều Khoản Chung

Các điều khoản chung được quy định tại Chương 1 của Điều Lệ của Quỹ, bao gồm bảy (7) điều, từ điều 1 đến điều 7, cung cấp các thông tin chung liên quan đến tên, địa chỉ liên hệ, thời hạn hoạt động của Quỹ,

tổng số vốn huy động và số lượng Chứng Chỉ Quỹ chào bán, các thông tin cơ bản về Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát. Cụ thể, Vốn Điều Lệ huy động trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Quỹ tối thiểu là năm mươi tỷ Đồng Việt Nam (50.000.000.000 VND) và mệnh giá của mỗi Chứng Chỉ Quỹ là mười nghìn Đồng Việt Nam (10.000 VND).

10.4.2 Các Quy Định về Mục Tiêu, Chính Sách và Hạn Mức Đầu Tư

Quy định về mục tiêu đầu tư, chính sách đầu tư và hạn mức đầu tư của Quỹ được quy định tại Chương 2 của Điều Lệ của Quỹ, bao gồm bốn (4) điều, từ điều 8 đến điều 11, quy định về mục tiêu đầu tư, chiến lược đầu tư, chính sách đầu tư và phân bổ tài sản, hạn chế đầu tư và phương pháp lựa chọn đầu tư của Quỹ. Những nội dung này đã được trình bày tại Mục 10.2 của Bản Cáo Bạch này.

10.4.3 Đặc Trưng Của Quỹ

Những đặc trưng của Quỹ được quy định tại Chương 3 của Điều Lệ, bao gồm tám (8) điều, từ điều 12 đến điều 19, quy định chung về Nhà Đầu Tư, quyền nghĩa vụ của Nhà Đầu Tư, tiêu chí và điều kiện tham gia giao dịch hoán đổi, Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư, giao dịch hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy Chứng Chỉ Quỹ (giao dịch sơ cấp), giao dịch Chứng Chỉ Quỹ trên Sổ giao dịch chứng khoán (giao dịch thứ cấp), giá dịch vụ phát hành, giá dịch vụ mua lại, giá phát hành, giá mua lại và chuyển nhượng phi thương mại Chứng Chỉ Quỹ.

Theo quy định tại điều 12 của Điều Lệ, Nhà Đầu Tư có thể là các cá nhân hoặc tổ chức trong và ngoài nước. Nhà Đầu Tư sẽ không phải chịu trách nhiệm hoặc có bất kỳ nghĩa vụ nào khác đối với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi sở Chứng Chỉ Quỹ mà họ nắm giữ. Nhà Đầu Tư có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 13 của Điều Lệ, cụ thể như sau:

Nhà Đầu Tư có các quyền sau đây:

- (a) nhận thanh toán và được hưởng các khoản phân chia (nếu có) do Quỹ thực hiện vào từng thời điểm tương ứng với số Chứng Chỉ Quỹ đang sở hữu;
- (b) được hưởng các lợi ích và phân chia tài sản hợp pháp tương ứng với số Chứng Chỉ Quỹ đang sở hữu nếu Quỹ bị thanh lý;
- (c) yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ thay mặt Quỹ thực hiện việc hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy các Lô Chứng Chỉ Quỹ và ngược lại, theo các quy định của Điều Lệ này và của Pháp Luật;
- (d) thực hiện các quyền của mình thông qua Đại Hội Nhà Đầu Tư;
- (e) được chuyển nhượng Chứng Chỉ Quỹ thông qua hệ thống giao dịch của HOSE theo các quy định hiện hành về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- (f) nhận đầy đủ các thông tin thường xuyên định kỳ hoặc bất thường về tình hình hoạt động của Quỹ và báo cáo định kỳ về Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ; và
- (g) các quyền khác theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ của Quỹ.

Nhà Đầu Tư có nghĩa vụ:

- (a) với tư cách là Nhà Đầu Tư, gánh chịu các tổn thất hoặc nợ của Quỹ (nếu có), được giới hạn trong và không vượt quá số Chứng Chỉ Quỹ mà họ nắm giữ đồng thời thanh toán đủ Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu, và/hoặc liên mua Chứng Chỉ Quỹ đã đăng ký trong thời gian quy định;
- (b) tuân thủ các quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư, Ban Đại Diện Quỹ hoặc của Công Ty Quản Lý Quỹ;

- (c) chấp nhận rằng các thông tin của Nhà Đầu Tư có thể được tiết lộ cho cơ quan nhà nước Việt Nam hoặc nước ngoài theo quy định của Pháp Luật hoặc pháp luật nước ngoài; và
- (d) các nghĩa vụ khác theo quy định Pháp Luật và Điều Lệ của Quỹ.

Các tiêu chí, điều kiện tham gia giao dịch hoán đổi đối với Nhà Đầu Tư được quy định tại điều 14 của Điều Lệ. Trong đó, yêu cầu Nhà Đầu Tư sở hữu Chứng Khoán Cơ Cấu và đáp ứng yêu cầu về tỷ trọng, số lượng chứng khoán trong Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu theo thông báo của Công Ty Quản Lý Quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng Khoán Cơ Cấu lấy Lô Chứng Chỉ Quỹ, ngoại trừ trường hợp Nhà Đầu Tư thực hiện giao dịch hoán đổi lấy Lô Chứng Chỉ Quỹ bằng tiền và/hoặc Thành Viên Lập Quỹ/Đại Lý Phân Phối thực hiện mua Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu cho Nhà Đầu Tư.

Ngoài ra, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ lập hoặc ủy quyền cho Đại Lý Chuyển Nhượng lập Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư để chứng nhận quyền sở hữu của Nhà Đầu Tư đối với Chứng Chỉ Quỹ. Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư phải bao gồm những nội dung theo quy định tại điều 15 của Điều Lệ.

Quy trình giao dịch hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy Chứng Chỉ Quỹ (giao dịch sơ cấp), và giao dịch Chứng Chỉ Quỹ trên Sở giao dịch chứng khoán (giao dịch thứ cấp) được quy định chi tiết tại điều 16 và điều 17 của Điều Lệ và Phần XII và Phần XIII tương ứng của Bản Cáo Bạch này.

Mức giá dịch vụ phát hành, giá dịch vụ mua lại, giá phát hành, giá mua lại được quy định chi tiết tại điều 18 của Điều Lệ và Mục 15.2 và 15.3 tương ứng của Bản Cáo Bạch này.

Các quy định về chuyển nhượng phí thương mại Chứng Chỉ Quỹ áp dụng theo quy định tại điều 19 của Điều Lệ và Mục 12.16 của Bản Cáo Bạch này.

10.4.4 Thông Tin Về Các Mức Phí, Giá Dịch Vụ Mà Quỹ Phải Trả

Quy định về các loại chi phí và mức chi phí mà Quỹ phải chi trả được quy định tại điều 62 của Điều Lệ. Các vấn đề này được quy định chi tiết tại Phần XV (giá dịch vụ giao dịch Chứng Chỉ Quỹ và giá dịch vụ điều hành và quản lý Quỹ) của Bản Cáo Bạch này.

10.4.5 Phân Chia Lợi Nhuận Và Chính Sách Thuế

Các vấn đề về phân chia lợi nhuận của Quỹ được quy định tại điều 61 của Điều Lệ và được quy định chi tiết tại Phần XVI (phân chia lợi nhuận và chính sách thuế) của Bản Cáo Bạch này.

10.4.6 Đại Hội Nhà Đầu Tư

Các vấn đề về Đại Hội Nhà Đầu Tư được quy định tại Chương 4 của Điều Lệ, bao gồm bốn (4) điều, từ điều 20 đến điều 23, quy định về những nội dung liên quan đến Đại Hội Nhà Đầu Tư, quyền và nghĩa vụ của Đại Hội Nhà Đầu Tư, điều kiện và thể thức tiến hành họp Đại Hội Nhà Đầu Tư và lấy ý kiến Đại Hội Nhà Đầu Tư bằng văn bản và thông qua quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư.

Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và tất cả những Nhà Đầu Tư có tên trong Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư trước thời điểm chốt danh sách để triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư. Đại Hội Nhà Đầu Tư hàng năm hoặc bất thường sẽ được tổ chức bởi Công Ty Quản Lý Quỹ phù hợp với quy định của Điều Lệ và của Pháp Luật. Việc tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư được thực hiện theo quy định tại điều 20 và điều 22 của Điều Lệ.

Đại Hội Nhà Đầu Tư có các quyền và nghĩa vụ như sau:

- (a) Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Điều Lệ của Quỹ, Hợp Đồng Giám Sát (trừ trường hợp sửa đổi bổ sung các nội dung do có sự thay đổi quy định pháp luật hoặc do lỗi ngữ pháp, lỗi chính tả, văn phạm) và phương án phân phối lợi nhuận của Quỹ;
- (b) Phê duyệt các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư hoặc mục tiêu đầu tư của Quỹ; tăng mức phí trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát; thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc

- Ngân Hàng Giám Sát;
- (c) Quyết định việc sáp nhập Quỹ, hợp nhất Quỹ;
- (d) Quyết định việc tạm dừng giao dịch Chứng Chi Quỹ hoặc chia tách Quỹ;
- (e) Quyết định việc giải thể Quỹ;
- (f) Quyết định tổng số Lô Chứng Chi Quỹ được phép chào bán, phương án điều chỉnh vốn điều lệ của Quỹ;
- (g) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và thành viên Ban Đại Diện Quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ; thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, tài sản và hoạt động hàng năm của Quỹ;
- (h) Xem xét và xử lý vi phạm của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát và Ban Đại Diện Quỹ gây tổn thất cho Quỹ; và
- (i) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại Điều Lệ và theo quy định của Pháp Luật.

Quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư được thông qua khi có số Nhà Đầu Tư đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số Chứng Chi Quỹ của những Nhà Đầu Tư dự họp thông qua, ngoại trừ quyết định liên quan đến các vấn đề thể hiện tại điểm (b) và điểm (c) bên trên chỉ được thông qua khi có Nhà Đầu Tư đại diện cho ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) của tổng số Chứng Chi Quỹ của những Nhà Đầu Tư dự họp thông qua.

10.4.7 Ban Đại Diện Quỹ

Các quy định về Ban Đại Diện Quỹ được thể hiện tại Chương 5 của Điều Lệ, bao gồm tám (8) điều, từ điều 24 đến điều 31, quy định những nội dung cơ bản về Ban Đại Diện Quỹ, bao gồm số lượng và tiêu chuẩn đối với thành viên, quyền và nghĩa vụ cũng như cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ.

Ban Đại Diện Quỹ có từ ba (03) thành viên đến năm (05) thành viên, trong đó có ít nhất hai phần ba số thành viên Ban Đại Diện Quỹ là các thành viên không phải là Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát. Nhiệm kỳ của Ban Đại Diện Quỹ là ba (03) năm, các thành viên Ban Đại Diện Quỹ có thể được tái bổ nhiệm mà không có giới hạn số nhiệm kỳ.

Trong Ban Đại Diện Quỹ phải có thành viên có trình độ, chuyên môn về pháp luật và thành viên độc lập có trình độ, chuyên môn và kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán.

Ban Đại Diện Quỹ có các quyền và nghĩa vụ như sau:

- (a) Đại diện cho quyền lợi của Nhà Đầu Tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định của Pháp Luật để bảo vệ quyền lợi của Quỹ và Nhà Đầu Tư;
- (b) Phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá, nguyên tắc và phương pháp xác định Giá Trị Tài Sản Ròng;
- (c) Phê duyệt danh sách các ngân hàng nhận tiền gửi của Quỹ, công cụ thị trường tiền tệ mà Quỹ được phép đầu tư theo quy định tại Điều Lệ và Pháp Luật;
- (d) Kiến nghị mức lợi nhuận phân phối; phê duyệt thời hạn và thủ tục phân phối lợi nhuận, hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát trên cơ sở quy định của Điều Lệ này và Pháp Luật;
- (e) Trường hợp được Đại Hội Nhà Đầu Tư ủy quyền, quyết định các vấn đề quy định tại các Điều từ 21.2 đến 21.7 của Điều Lệ;
- (f) Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát Quỹ; và
- (g) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều Lệ và của Pháp Luật.

Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ do Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu trong số các thành viên Ban Đại Diện Quỹ. Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- (a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ;

- (b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp của Ban Đại Diện Quỹ; triệu tập và chủ tọa cuộc họp của Ban Đại Diện Quỹ;
- (c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban Đại Diện Quỹ; và
- (d) Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều Lệ và của Pháp Luật.

Thủ tục điều hành Ban Đại Diện Quỹ, cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ và việc thông qua các quyết định của Ban Đại Diện Quỹ được thực hiện theo quy định tại các điều 28 và 31 của Điều Lệ. Một thành viên của Ban Đại Diện Quỹ có thể bị đình chỉ và bãi miễn theo quy định tại điều 29 của Điều Lệ.

10.4.8 Tiêu Chí Lựa Chọn, Quyền Hạn Và Trách Nhiệm Của Công Ty Quản Lý Quỹ

Chương 6 của Điều Lệ, gồm bốn (4) điều, từ điều 32 đến điều 35, quy định về tiêu chuẩn lựa chọn Công Ty Quản Lý Quỹ, quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ, chấm dứt quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ cũng như những hạn chế trong hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ.

Những thông tin chung về Công Ty Quản Lý Quỹ được thể hiện tại Phần IV của Bản Cáo Bạch này. Nhà Đầu Tư tham khảo thêm các điều từ 32 đến 35 của Điều Lệ của Quỹ để biết thêm thông tin về tiêu chuẩn lựa chọn Công Ty Quản Lý Quỹ, quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ, chấm dứt quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ cũng như những hạn chế trong hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ.

Nhà Đầu Tư cần lưu ý trong trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định chấm dứt quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ mà không thuộc các trường hợp được phép theo quy định của Điều Lệ và Pháp Luật, Quỹ sẽ bồi thường cho Công Ty Quản Lý Quỹ một khoản phí như sau:

- (a) Nếu việc thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ diễn ra trong vòng ba (03) năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động, chi phí bồi thường sẽ bằng ba phần trăm (3%) Giá Trị Tài Sản Ròng trung bình của Quỹ trong vòng năm mươi hai (52) tuần liền trước thời điểm Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ; hoặc
- (b) Nếu việc thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ diễn ra sau ba (03) năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động, chi phí bồi thường sẽ bằng một phẩy năm phần trăm (1,5%) Giá Trị Tài Sản Ròng trung bình của Quỹ trong vòng năm mươi hai (52) tuần liền trước thời điểm Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ.

10.4.9 Tiêu Chí Lựa Chọn, Quyền Hạn Và Trách Nhiệm Của Ngân Hàng Giám Sát và Các Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Khác

Các vấn đề liên quan đến Ngân Hàng Giám Sát được quy định tại Chương 7 của Điều Lệ, bao gồm bốn (4) điều, từ điều 36 đến điều 39, quy định tiêu chuẩn lựa chọn Ngân Hàng Giám Sát, quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát, hoạt động của Ngân Hàng Giám Sát và chấm dứt quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát.

Những thông tin chung về Ngân Hàng Giám Sát thể hiện tại Phần V của Bản Cáo Bạch này. Nhà Đầu Tư tham khảo thêm các điều từ 36 đến 39 của Điều Lệ của Quỹ để biết thêm thông tin về tiêu chuẩn lựa chọn Ngân Hàng Giám Sát, quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát, hoạt động của Ngân Hàng Giám Sát và chấm dứt quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát.

Chương 8 của Điều Lệ, bao gồm năm (5) điều, từ điều 40 đến điều 44, quy định về các hoạt động được ủy quyền của Quỹ, tiêu chuẩn lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan, trách nhiệm của các tổ chức này cũng như trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với các hoạt động đã ủy quyền và chấm dứt hoạt động ủy quyền. Các tổ chức được ủy quyền cung cấp các dịch vụ liên quan cho Quỹ được thể hiện tại Phần IX của Bản Cáo Bạch này. Nhà Đầu Tư tham khảo thêm các điều từ 40 đến 44 của Điều Lệ để biết thêm thông tin về hoạt động được ủy quyền của Quỹ, tiêu chuẩn lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ

liên quan, trách nhiệm của các tổ chức này cũng như trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với các hoạt động đã ủy quyền và chấm dứt hoạt động ủy quyền.

Chương 9 của Điều Lệ, bao gồm ba (3) điều, từ điều 45 đến điều 47, quy định về điều kiện lựa chọn Thành Viên Lập Quỹ, quyền và trách nhiệm của Thành Viên Lập Quỹ và quy định về Tổ Chức Tạo Lập Thị Trường. Thông tin về Thành Viên Lập Quỹ được quy định tại Phần VII và thông tin về Tổ Chức Tạo Lập Thị Trường được quy định tại Mục 9.3, của Bản Cáo Bạch này.

Ngoài ra, Chương 10 của Điều Lệ, bao gồm ba (3) điều, từ điều 48 đến điều 50, quy định về điều kiện lựa chọn Đại Lý Phân Phối Chứng Chỉ Quỹ, hoạt động của Đại Lý Phân Phối và nghiệp vụ phân phối Chứng Chỉ Quỹ. Thông tin về Đại Lý Phân Phối được thể hiện tại Phần VIII của Bản Cáo Bạch này. Nhà Đầu Tư tham khảo thêm các điều từ 48 đến 50 của Điều Lệ để biết thêm thông tin về các quy định liên quan đến việc phân phối Chứng Chỉ Quỹ, hoạt động của Đại Lý Phân Phối và nghiệp vụ phân phối Chứng Chỉ Quỹ.

10.4.10 Kiểm Toán, Kế Toán Và Chế Độ Báo Cáo

Vấn đề về kiểm toán, kế toán và chế độ báo cáo của Quỹ được quy định tại Chương 11 của Điều Lệ, bao gồm năm (5) điều, từ điều 51 đến điều 55, quy định về tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi công ty kiểm toán của Quỹ, năm tài chính, chế độ kế toán, báo cáo tài chính và báo cáo khác.

Các vấn đề nêu trên đã được trình bày tại Phần XVII và Phần XIX của Bản Cáo Bạch này.

10.4.11 Nguyên Tắc, Phương Thức Xác Định Giá Trị Tài Sản Ròng

Việc xác định Giá Trị Tài Sản Ròng, phương pháp xác định Giá Trị Tài Sản Ròng, quy trình định giá tài sản của Quỹ, và nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá được quy định chi tiết tại Chương 12 của Điều Lệ, bao gồm bốn (4) điều, từ điều 56 đến điều 59. Nội dung tương tự về xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ và Ngày Định Giá được trình bày tại Phần XIV của Bản Cáo Bạch này.

XI. PHÁT HÀNH CHỨNG CHỈ QUỸ LẦN ĐẦU

11.1 CĂN CỨ PHÁP LÝ

- (1) Luật Chứng Khoán 70/2006/QH11 do Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29 tháng 06 năm 2006, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2007; Luật số 62/2010/QH12 ban hành ngày 24 tháng 11 năm 2010 sửa đổi một số điều của Luật chứng khoán số 70/2006/QH11;
- (2) Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ban hành ngày 20 tháng 07 năm 2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán;
- (3) Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ban hành ngày 26 tháng 06 năm 2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- (4) Nghị định 108/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- (5) Thông tư số 217/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 2014;
- (6) Thông tư số 212/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ;
- (7) Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- (8) Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở;
- (9) Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài Chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở;

- (10) Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng với quỹ hoán đổi danh mục;
- (11) Thông tư số 229/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục;
- (12) Thông tư số 197/2015/TT-BTC ngày 03 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài Chính ban hành quy định về hành nghề chứng khoán;
- (13) Thông tư số 128/2018/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam; và
- (14) Các văn bản pháp lý có liên quan khác.

11.2 PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU

11.2.1 Thông Tin Cơ Bản Về Phương Án Phát Hành Lần Đầu

Tên Quỹ	Quỹ ETF VinaCapital VN100
Loại hình	Quỹ hoán đổi danh mục
Thời hạn của Quỹ	Không xác định thời hạn
Công Ty Quản Lý Quỹ	Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ VinaCapital
Ngân Hàng Giám Sát	Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa
Đại Lý Chuyển Nhượng	Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam
Mục Tiêu Và Chiến Lược Đầu Tư	Vui lòng tham khảo các mục 10.2.1 và 10.2.2
Cơ Cấu Đầu Tư	Danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm các Chứng Khoán Cơ Cấu trong danh mục của Chỉ Số Tham Chiếu và các tài sản chính sau đây tại Việt Nam: (i) Gửi tiền tại các ngân hàng thương mại theo quy định của Pháp Luật về ngân hàng; công cụ thị trường tiền tệ, bao gồm giấy tờ có giá và công cụ chuyển nhượng theo quy định trong lĩnh vực ngân hàng; (ii) Trái phiếu Chính Phủ, trái phiếu được Chính Phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương và tín phiếu Kho bạc nhà nước; (iii) Trái phiếu niêm yết của tổ chức phát hành được thành lập và hoạt động theo Pháp Luật; (iv) Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đăng ký giao dịch; (v) Chứng khoán phái sinh được niêm yết, giao dịch tại các Sở giao dịch Chứng khoán của Việt Nam. Tuy nhiên, việc đầu tư này chỉ phục vụ cho mục tiêu phòng ngừa rủi ro và giảm thiểu mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu; và (vi) Các tài sản khác phát sinh từ việc sở hữu các chứng khoán có trong danh mục của Quỹ.
Quy Trình Kiểm Soát Rủi Ro Đầu Tư	Quỹ chỉ được phép đầu tư vào những tài sản được phép đầu tư và trong giới hạn cho phép theo quy định tại Điều Lệ của Quỹ và công bố tại Bản Cáo Bạch này. Ngân Hàng Giám Sát và bộ phận kiểm soát nội bộ của Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm giám sát và kiểm tra hoạt động đầu tư của Quỹ nhằm đảm bảo hoạt động này tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định tại Điều Lệ của Quỹ và công bố tại Bản Cáo Bạch này.
Số Lô Chứng Chỉ Quỹ Dự Kiến Chào Bán	50 Lô Chứng Chỉ Quỹ
Số Lượng Lô Chứng Chỉ Quỹ Tối Đa Và Tối Thiểu Dự Kiến Chào Bán	Số lượng Lô Chứng Chỉ Quỹ tối đa chào bán: Không áp dụng Số lượng Lô Chứng Chỉ Quỹ tối thiểu chào bán: 01 Lô Chứng Chỉ Quỹ tương ứng 100.000 Chứng Chỉ Quỹ
Thời Hạn Phát Hành Trong Lần Phát Hành Lần Đầu	Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng có hiệu lực. Thời gian phát hành Chứng Chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng có thể kết thúc sớm hơn thời gian dự kiến nếu thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) tổng số Lô

	Chứng Chỉ Quỹ chào bán thành công từ 10 lô trở lên và giá trị đăng ký mua không thấp hơn 50.000.000.000 VNĐ (Năm Mươi Tỷ Đồng Việt Nam); và (ii) thời hạn phân phối Lô Chứng Chỉ Quỹ trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng có hiệu lực.
Mệnh Giá	10.000 VNĐ/Chứng Chỉ Quỹ
Giá Phát Hành	10.000 VNĐ/Chứng Chỉ Quỹ
Đơn Vị Tiền Tệ	VND
Số Lượng Đăng Ký Tối Thiểu	10 Lô Chứng Chỉ Quỹ đối với Thành Viên Lập Quỹ 01 Lô Chứng Chỉ Quỹ đối với Nhà Đầu Tư
Phương Thức Phân Bố Lô Chứng Chỉ Quỹ Lần Đầu	Lô Chứng Chỉ Quỹ được phân bổ cho từng Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư tham gia bằng cách lấy tổng số tiền đầu tư ban đầu chia cho giá phát hành.
Giá Dịch Vụ Phát Hành Lần Đầu	0%/giá trị giao dịch
Phương Thức, Hình Thức Góp Vốn Lập Quỹ Và Thanh Toán	Việc góp vốn lập quỹ phải được thực hiện bằng hình thức hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu và chỉ thanh toán bổ sung bằng tiền bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản phong tỏa của Quỹ đối với các trường hợp góp vốn bằng tiền như được quy định cụ thể tại mục 11.3.3(b) của Bản Cáo Bạch. Các thanh toán cho giao dịch Chứng Chỉ Quỹ sẽ thực hiện bằng hình thức chuyển khoản. Quỹ sẽ không chấp nhận thanh toán bằng tiền mặt.
Thời Gian Để Xác Nhận Giao Dịch Của Nhà Đầu Tư	Trong thời hạn ba (03) Ngày Làm Việc kể từ ngày cuối cùng trong thời gian góp vốn.
Ngày Giao Dịch Gần Nhất Dự Kiến Sau Khi Kết Thúc Phát Hành Lần Đầu	Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ có hiệu lực, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ hoàn tất các thủ tục niêm yết Chứng Chỉ Quỹ tại HOSE. Nhà Đầu Tư/Thành Viên Lập Quỹ thực hiện giao dịch Chứng Chỉ Quỹ đã niêm yết thông qua hệ thống giao dịch của HOSE. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ công bố ngày giao dịch chính thức trên HOSE trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ và/hoặc của Thành Viên Lập Quỹ/Dại Lý Phân Phối.

11.2.2 Danh Sách Điểm Nhận Lệnh Cho Dợt Phát Hành Chứng Chỉ Quỹ Lần Đầu

Thành Viên Lập Quỹ đăng ký tham gia góp vốn thành lập Quỹ trực tiếp với Công Ty Quản Lý Quỹ tại địa chỉ sau đây:

Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ VinaCapital

Lầu 17, Tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84-28) 3821 9930

Fax: (84-28) 3821 9931

Email: irwm@vinacapital.com

Website: wm.vinacapital.com

Nhà Đầu Tư đăng ký góp vốn thành lập Quỹ thông qua Thành Viên Lập Quỹ hoặc Đại Lý Phân Phối nơi Nhà Đầu Tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán. Danh sách Thành Viên Lập Quỹ/Đại Lý Phân Phối và điểm nhận lệnh được liệt kê tại Phụ lục 2 của Bản Cáo Bạch này.

11.3 QUY TRÌNH PHÁT HÀNH CHỨNG CHỈ QUỸ LẦN ĐẦU

11.3.1 Đối tượng tham gia giao dịch hoán đổi lần đầu

Thành Viên Lập Quỹ và Nhà Đầu Tư sở hữu Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu đáp ứng đúng các điều kiện về mã chứng khoán, tỷ trọng, số lượng của từng mã chứng khoán trong danh mục theo thông báo của Công Ty Quản Lý Quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng Khoán Cơ Cấu lấy Lô Chứng Chỉ Quỹ.

Thành Viên Lập Quỹ đăng ký tham gia góp vốn thành lập Quỹ trực tiếp với Công Ty Quản Lý Quỹ. Nhà Đầu Tư đăng ký góp vốn thành lập Quỹ thông qua Thành Viên Lập Quỹ hoặc Đại Lý Phân Phối nơi Nhà Đầu Tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán.

11.3.2 Chứng Khoán Cơ Cấu thực hiện giao dịch góp vốn thành lập Quỹ

(a) Chứng Khoán Cơ Cấu thực hiện góp vốn thành lập Quỹ lần đầu:

Chứng Khoán Cơ Cấu thực hiện góp vốn thành lập Quỹ lần đầu là các chứng khoán nằm trong Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu hoán đổi theo thông báo phát hành Chứng Chỉ Quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ, thuộc loại chứng khoán tự do chuyển nhượng và đang được lưu ký trên tài khoản lưu ký của Nhà Đầu Tư và Thành Viên Lập Quỹ.

(b) Chứng Khoán Cơ Cấu thực hiện giao dịch góp vốn thành lập Quỹ có thể lấy từ các nguồn sau:

(i) Đối với Thành Viên Lập Quỹ:

- Các chứng khoán đang sẵn có trên tài khoản lưu ký của Thành Viên Lập Quỹ.
- Các chứng khoán đi vay qua hệ thống vay và cho vay của VSD với mục đích thực hiện giao dịch hoán đổi đang nằm trên tài khoản phong tỏa tạm giữ chứng khoán của Thành Viên Lập Quỹ.

(ii) Đối với Nhà Đầu Tư: Các chứng khoán đang sẵn có trên tài khoản lưu ký của Nhà Đầu Tư.

11.3.3 Giao dịch góp vốn thành lập Quỹ lần đầu (IPO)

(a) Số lượng Lô Chứng Chỉ Quỹ đăng ký góp vốn lần đầu: Tối thiểu 10 Lô Chứng Chỉ Quỹ đối với Thành Viên Lập Quỹ và 01 Lô Chứng Chỉ Quỹ đối với Nhà Đầu Tư.

(b) Góp vốn bằng tiền

(i) Thành Viên Lập Quỹ và Nhà Đầu Tư sẽ được góp vốn bằng tiền trong các trường hợp sau:

- Phát sinh chênh lệch giữa giá trị Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu và giá trị tài sản ròng của các Lô Chứng Chỉ Quỹ.
- Mã chứng khoán nằm trong danh mục Chứng Khoán Cơ Cấu mà Thành Viên Lập Quỹ bị hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật và Bản Cáo Bạch này hoặc mã chứng khoán đó là cổ phiếu quỹ và Thành Viên Lập Quỹ chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định của pháp luật.
- Chứng khoán trong Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu hoán đổi có sự kiện doanh nghiệp phát sinh như chia cổ tức bằng tiền, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm mà Quỹ không được ghi nhận do chưa thực hiện chuyển quyền sở hữu chứng khoán cho Quỹ trong khoảng thời gian thực hiện góp vốn.

(ii) Thành Viên Lập Quỹ có trách nhiệm thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ các mã chứng khoán thuộc trường hợp hạn chế nêu trên để Công Ty Quản Lý Quỹ tính toán số tiền nộp thay thế và thông báo cho Thành Viên Lập Quỹ và VSD.

(iii) Đối với các trường hợp góp vốn thay thế bằng tiền nêu trên, Nhà Đầu Tư và Thành Viên Lập Quỹ phải đảm bảo tiền được chuyển đến tài khoản phong tỏa của Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát chặt nhất vào ngày góp vốn cuối cùng trong thời gian thực hiện góp vốn.

- (c) Chứng Chỉ Quỹ phát hành lần đầu dưới hình thức chứng khoán ghi sổ và Công Ty Quản Lý Quỹ không phát hành Sổ/Giấy chứng nhận sở hữu Chứng Chỉ Quỹ đối với số lượng Chứng Chỉ Quỹ phát hành lần đầu này. Số lượng Chứng Chỉ Quỹ mà Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư được nhận sẽ được VSD phân bổ vào tài khoản lưu ký của Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư ngay sau khi Công Ty Quản Lý Quỹ hoàn tất việc đăng ký Chứng Chỉ Quỹ này với VSD.

11.3.4 Quy Trình Thực Hiện Phát Hành Chứng Chỉ Quỹ Lần Đầu

11.3.4.1 Thông báo về việc chào bán Chứng Chỉ Quỹ lần đầu

- (a) Trong vòng 05 (năm) ngày kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ có hiệu lực, Công Ty Quản Lý Quỹ gửi cho VSD các tài liệu theo yêu cầu của VSD, bao gồm văn bản thông báo về việc chào bán Chứng Chỉ Quỹ và văn bản thông báo thông tin về Thành Viên Lập Quỹ, Đại Lý Phân Phối, Ngân Hàng Giám Sát kèm theo danh sách cán bộ tham gia công giao tiếp điện tử của các tổ chức này.
- (b) Trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ có hiệu lực, Công Ty Quản Lý Quỹ công bố thông báo về việc chào bán Chứng Chỉ Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ công bố cho các Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư về Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu dự kiến để hoán đổi lấy 01 Lô Chứng Chỉ Quỹ cho đợt chào bán lần đầu.

11.3.4.2 Đăng ký đặt mua Chứng Chỉ Quỹ phát hành lần đầu

- (a) Phương thức và thời gian thực hiện

Thành Viên Lập Quỹ gửi yêu cầu đăng ký góp vốn lập quỹ trực tiếp cho Công Ty Quản Lý Quỹ. Nhà Đầu Tư gửi yêu cầu đăng ký góp vốn lập quỹ đến Thành Viên Lập Quỹ hoặc Đại Lý Phân Phối nơi Nhà Đầu Tư mở tài khoản giao dịch trong thời gian thực hiện đăng ký góp vốn theo thông báo của Công Ty Quản Lý Quỹ.

- (b) Thời gian thực hiện đăng ký góp vốn

Là khoảng thời gian theo thông báo phát hành Chứng Chỉ Quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ mà Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ gửi cho VSD các đề nghị đăng ký góp vốn thành lập Quỹ trong đó nêu rõ số lượng Lô Chứng Chỉ Quỹ phát hành lần đầu đặt mua.

- (c) Thời điểm kết thúc đăng ký góp vốn

Là 15h00 của Ngày Làm Việc kết thúc thời gian thực hiện đăng ký góp vốn lần đầu. Đây là thời điểm cuối cùng mà các Thành Viên Lập Quỹ, Đại Lý Phân Phối nhận hồ sơ đề nghị đăng ký góp vốn của Nhà Đầu Tư.

- (d) Tại các Ngày Làm Việc trong thời gian IPO:

- (i) Nhận giao dịch đăng ký góp vốn của Nhà Đầu Tư/Thành Viên Lập Quỹ

- Nhà Đầu Tư gửi Giấy đề nghị đăng ký góp vốn lập quỹ (theo mẫu của Công Ty Quản Lý Quỹ) cho Thành Viên Lập Quỹ, Đại Lý Phân Phối nơi mở tài khoản giao dịch, trong đó ghi rõ số lượng Lô Chứng Chỉ Quỹ phát hành lần đầu đặt mua.
- Thành Viên Lập Quỹ/Đại Lý Phân Phối kiểm tra các thông tin của Nhà Đầu Tư trên Giấy đề nghị đăng ký góp vốn lập quỹ và nhập giao dịch đăng ký góp vốn của Nhà Đầu Tư vào hệ thống của VSD từ 8h00 đến 17h00.
- Thành Viên Lập Quỹ gửi Giấy đề nghị đăng ký góp vốn lập quỹ (theo mẫu của Công Ty Quản Lý Quỹ) của chính Thành Viên Lập Quỹ cho VSD và nhập giao dịch đăng ký góp vốn của Thành Viên Lập Quỹ vào hệ thống của VSD từ 8h00 đến 17h00.

- (ii) Sửa/hủy giao dịch đăng ký góp vốn lần đầu

- Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ chỉ được sửa/hủy các giao dịch đăng ký góp vốn mà mình đã đặt trước thời điểm kết thúc đăng ký góp vốn. Việc sửa/hủy các giao dịch đăng ký góp vốn của Nhà Đầu Tư được thực hiện tại các Thành Viên Lập Quỹ, Đại Lý Phân Phối nơi Nhà Đầu Tư gửi yêu cầu đăng ký góp vốn.
- Trường hợp hủy/sửa giao dịch đăng ký góp vốn, Nhà Đầu Tư gửi Giấy đề nghị hủy/sửa giao dịch đăng ký góp vốn (theo mẫu của Công Ty Quản Lý Quỹ) cho Thành Viên Lập Quỹ/Đại Lý Phân Phối.
- Thành Viên Lập Quỹ/Đại Lý Phân Phối kiểm tra các thông tin của Nhà Đầu Tư trên Giấy đề nghị hủy/sửa giao dịch và nhập giao dịch sửa/hủy giao dịch góp vốn vào hệ thống của VSD từ 8h00 đến 17h00.
- Việc thực hiện sửa/hủy các giao dịch đăng ký góp vốn sau thời điểm kết thúc nhận hồ sơ đăng ký góp vốn chỉ được xem xét xử lý trong trường hợp do lỗi của Thành Viên Lập Quỹ, Đại Lý Phân Phối nhập sai số lượng Lô Chứng Chỉ Quỹ đăng ký mua của Nhà Đầu Tư trong quá trình nhập giao dịch đăng ký góp vốn vào hệ thống của VSD.

(e) Tại ngày giao dịch cuối cùng trong thời gian IPO

Chậm nhất vào 15h00, Thành Viên Lập Quỹ/Đại Lý Phân Phối phải hoàn tất việc nhập các giao dịch đăng ký góp vốn của Nhà Đầu Tư hoặc của chính Thành Viên Lập Quỹ vào hệ thống của VSD thông qua cổng giao tiếp điện tử.

11.3.4.3 Đối chiếu và xác nhận danh sách Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư thực hiện giao dịch đăng ký góp vốn

- (a) Chậm nhất vào 8h30 Ngày Làm Việc liền sau ngày giao dịch cuối cùng trong thời gian IPO, VSD gửi cho Công Ty Quản Lý Quỹ, Thành Viên Lập Quỹ, Đại Lý Phân Phối danh sách Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư đăng ký góp vốn lập quỹ (theo mẫu của VSD) dưới dạng chứng từ điện tử qua cổng giao tiếp điện tử.
- (b) Thành Viên Lập Quỹ, Đại Lý Phân Phối có trách nhiệm kiểm tra thông tin về việc đặt lệnh đăng ký góp vốn của Nhà Đầu Tư tại danh sách Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư đăng ký góp vốn lập quỹ chi tiết do VSD lập trên hệ thống và phải xác nhận chấp thuận hoặc không chấp thuận các thông tin trong danh sách nêu trên:
- (i) Trường hợp danh sách VSD cung cấp đã đúng với thông tin Thành Viên Lập Quỹ, Đại Lý Phân Phối nhập vào hệ thống: Chậm nhất vào 16h00 Ngày Làm Việc thứ 2 kể từ ngày giao dịch cuối cùng của thời gian thực hiện đăng ký góp vốn, Đại Lý Phân Phối, Thành Viên Lập Quỹ phải gửi cho VSD thông báo xác nhận chấp thuận (theo mẫu của VSD) danh sách Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư thực hiện giao dịch đăng ký góp vốn lập quỹ chi tiết dưới dạng chứng từ điện tử qua cổng giao tiếp điện tử.
- (ii) Trường hợp phát hiện có sai sót do Thành Viên Lập Quỹ, Đại Lý Phân Phối nhập sai giao dịch đăng ký góp vốn của Nhà Đầu Tư:
- (AA) Thành Viên Lập Quỹ, Đại Lý Phân Phối gửi hồ sơ đề nghị sửa, hủy giao dịch lên VSD chậm nhất vào 9h00 Ngày Làm Việc thứ 2 kể từ ngày giao dịch cuối cùng trong thời gian thực hiện đăng ký góp vốn, hồ sơ gồm: Giấy đề nghị sửa/hủy lệnh của Thành Viên Lập Quỹ, Đại Lý Phân Phối (theo mẫu của VSD) và Bản sao có đóng dấu treo của Thành Viên Lập Quỹ, Đại Lý Phân Phối Giấy đề nghị đăng ký góp vốn của Nhà Đầu Tư.
- (BB) VSD sẽ xem xét và thực hiện sửa/hủy lệnh và gửi lại Thông báo xác nhận sửa/hủy lệnh (theo mẫu của VSD) dưới dạng chứng từ điện tử cho Thành Viên Lập Quỹ, Đại Lý Phân Phối chậm nhất vào 13h30 Ngày Làm Việc thứ 2 kể từ ngày giao dịch cuối cùng của thời gian IPO.
- (CC) Chậm nhất vào 16h00 Ngày Làm Việc thứ 2 kể từ ngày giao dịch cuối cùng trong thời gian IPO, Thành Viên Lập Quỹ, Đại Lý Phân Phối phải gửi cho VSD

Thông báo xác nhận Danh sách Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư đăng ký IPO chi tiết dưới dạng chứng từ điện tử.

11.3.4.4 Thông báo Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu chính thức

Chậm nhất vào 8h30 Ngày Làm Việc tiếp theo kể từ ngày giao dịch cuối cùng trong thời gian thực hiện IPO, Công Ty Quản Lý Quỹ gửi VSD thông báo về Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu góp vốn chính thức (theo mẫu của VSD).

11.3.4.5 Phong tỏa Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu góp vốn

- (a) Thời gian thực hiện góp vốn: Là khoảng thời gian theo thông báo của Công Ty Quản Lý Quỹ mà theo đó Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ, Đại Lý Phân Phối phải gửi cho VSD hồ sơ đề nghị phong tỏa danh mục Chứng Khoán Cơ Cấu góp vốn lập Quỹ của Thành Viên Lập Quỹ và của Nhà Đầu Tư và nộp tiền (nếu có) vào tài khoản phong tỏa của Quỹ mở tại Ngân Hàng Giám Sát tương ứng với số lượng Lô Chứng Chỉ Quỹ đã đăng ký đặt mua trong thời gian thực hiện đăng ký góp vốn.
- (b) Chứng Khoán Cơ Cấu của Nhà Đầu Tư và Thành Viên Lập Quỹ dùng để góp vốn lập Quỹ sẽ bị phong tỏa theo đúng danh mục chứng khoán, tỷ lệ, số lượng Chứng Khoán Cơ Cấu mà Công Ty Quản Lý Quỹ đã thông báo cho VSD và phù hợp với số Lô Chứng Chỉ Quỹ mà các Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ đã đăng ký góp vốn.
- (c) Thời gian phong tỏa: là từ thời điểm VSD xác nhận phong tỏa cho đến khi các chứng khoán này được chuyển sang tài khoản lưu ký của Quỹ trường hợp đợt phát hành thành công hoặc cho đến khi được giải tỏa theo thông báo của Công Ty Quản Lý Quỹ.
- (d) Chứng Khoán Cơ Cấu chỉ được giải tỏa trong trường hợp đợt phát hành không thành công hoặc trong trường hợp đặc biệt của Nhà Đầu Tư đã được Công Ty Quản Lý Quỹ chấp thuận.
- (e) Tại các Ngày Làm Việc trong thời gian góp vốn, Nhà Đầu Tư nộp cho Thành Viên Lập Quỹ, Đại Lý Phân Phối các tài liệu sau:
 - (i) Giấy đề nghị phong tỏa và chuyển quyền sở hữu Chứng Khoán Cơ Cấu góp vốn (theo mẫu của VSD) đính kèm bảng kê Chứng Khoán Cơ Cấu góp vốn (theo mẫu của VSD).
 - (ii) Văn bản xác nhận số dư của thành viên nơi Nhà Đầu Tư mở tài khoản có Chứng Khoán Cơ Cấu để góp vốn (theo mẫu của VSD).
 - (iii) Tài liệu xác nhận đã chuyển tiền góp vốn vào tài khoản phong tỏa Quỹ (nếu có) đối với các trường hợp được nộp tiền góp vốn thành lập quỹ.
- (f) Vào Ngày Làm Việc liên sau ngày kết thúc thời gian IPO
 - (i) Chậm nhất vào 11h00, Ngân Hàng Giám Sát gửi cho VSD danh sách Nhà Đầu Tư nộp tiền vào tài khoản của Quỹ (theo mẫu của VSD) dưới dạng chứng từ điện tử qua hệ thống của VSD.
 - (ii) Chậm nhất vào 16h30, Thành Viên Lập Quỹ, Đại Lý Phân Phối gửi VSD các hồ sơ sau:
 - Giấy đề nghị phong tỏa và chuyển quyền sở hữu Chứng Khoán Cơ Cấu góp vốn (theo mẫu của VSD) đính kèm bảng kê Chứng Khoán Cơ Cấu góp vốn (theo mẫu của VSD) do Nhà Đầu Tư lập (đối với Chứng Khoán Cơ Cấu góp vốn của Nhà Đầu Tư) và do Thành Viên Lập Quỹ lập (đối với Chứng Khoán Cơ Cấu góp vốn của Thành Viên Lập Quỹ).
 - Văn bản xác nhận số dư của Thành viên nơi Nhà Đầu Tư mở tài khoản có Chứng Khoán Cơ Cấu để góp vốn (theo mẫu của VSD).
 - Tài liệu xác nhận đã chuyển tiền góp vốn vào tài khoản phong tỏa của Quỹ (nếu có) đối với các trường hợp được nộp tiền góp vốn thành lập quỹ.

- Bảng kê tổng hợp Chứng Khoán Cơ Cấu đề nghị phong tỏa của các Nhà Đầu Tư đăng ký IPO qua Thành Viên Lập Quỹ, Đại Lý Phân Phối (theo mẫu của VSD) dưới dạng chứng từ điện tử qua hệ thống của VSD.
- (g) Vào 9h30 Ngày Làm Việc thứ 2 kể từ ngày cuối cùng trong thời gian IPO, VSD kiểm tra tiền và danh mục Chứng Khoán Cơ Cấu góp vốn với số lượng Lô Chứng Chỉ Quỹ đã đăng ký đặt mua để thực hiện giao dịch đăng ký IPO và xác định các giao dịch hợp lệ và không hợp lệ:
- (i) Các giao dịch có số lượng Chứng Khoán Cơ Cấu và tiền phù hợp với số Lô Chứng Chỉ Quỹ đã đăng ký đặt mua là giao dịch hợp lệ. Trong trường hợp này, VSD sẽ phong tỏa Chứng Khoán Cơ Cấu và thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ để hoàn tất các thủ tục IPO.
 - (ii) Trường hợp số lượng Chứng Khoán Cơ Cấu và tiền không đủ so với số lượng Lô Chứng Chỉ Quỹ đã đăng ký đặt mua nhưng lớn hơn 01 Lô Chứng Chỉ Quỹ (đối với Nhà Đầu Tư) và 10 Lô Chứng Chỉ Quỹ (đối với Thành Viên Lập Quỹ):
 - VSD điều chỉnh số lượng Lô Chứng Chỉ Quỹ đăng ký IPO của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ sao cho tròn Lô Chứng Chỉ Quỹ (lâm tròn xuống) tương ứng với số lượng Chứng Khoán Cơ Cấu góp vốn và tiền có trên thực tế và thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ và Thành Viên Lập Quỹ, Đại Lý Phân Phối có liên quan (theo mẫu của VSD) dưới dạng chứng từ điện tử qua hệ thống của VSD.
 - Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ chỉ mua được số lượng Lô Chứng Chỉ Quỹ tương ứng với số lượng Chứng Khoán Cơ Cấu và tiền góp vốn thực tế và VSD sẽ tổng hợp lại và coi đây là giao dịch hợp lệ.
 - (iii) Các giao dịch đăng ký IPO không đủ Chứng Khoán Cơ Cấu theo danh mục tương ứng với 01 Lô Chứng Chỉ Quỹ (đối với Nhà Đầu Tư) và 10 Lô Chứng Chỉ Quỹ (đối với Thành Viên Lập Quỹ) hoặc không nộp đủ tiền hoặc không có hồ sơ đề nghị phong tỏa (nếu có) sẽ được VSD tổng hợp và coi là giao dịch không hợp lệ và không được thực hiện.

11.3.4.6 Thông báo về kết quả IPO và phong tỏa Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu

Vào Ngày Làm Việc thứ 3 kể từ ngày cuối cùng trong thời gian góp vốn, VSD thực hiện:

- (a) Gửi cho Công Ty Quản Lý Quỹ xác nhận danh mục Chứng Khoán Cơ Cấu của Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư (theo mẫu của VSD) và các tài liệu dưới dạng chứng từ điện tử qua hệ thống của VSD:
 - (i) Bảng tổng hợp danh mục Chứng Khoán Cơ Cấu phong tỏa và tiền phong tỏa của từng Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư để tham gia IPO (theo mẫu của VSD).
 - (ii) Danh sách Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư có đủ Chứng Khoán Cơ Cấu và tiền góp vốn được nhận Chứng Chỉ Quỹ khi phân bổ (theo mẫu của VSD).
 - (iii) Danh sách Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư chuyển quyền sở hữu Chứng Khoán Cơ Cấu phong tỏa để góp vốn cho Quỹ (theo mẫu của VSD).
 - (iv) Danh sách Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư không đủ Chứng Khoán Cơ Cấu và tiền góp vốn chi tiết theo Thành Viên Lập Quỹ, Đại Lý Phân Phối (theo mẫu của VSD).
 - (v) Sổ đăng ký nhà đầu tư dự kiến (theo mẫu của VSD).
- (b) Gửi cho Thành Viên Lập Quỹ, Đại Lý Phân Phối danh sách Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ không đủ Chứng Khoán Cơ Cấu và tiền góp vốn chi tiết theo Thành Viên Lập Quỹ, Đại Lý Phân Phối (theo mẫu của VSD) dưới dạng chứng từ điện tử qua hệ thống của VSD và xác nhận phong tỏa Chứng Khoán Cơ Cấu (theo mẫu của VSD) để Thành Viên Lập Quỹ, Đại Lý Phân Phối thông báo lại cho Nhà Đầu Tư.

11.3.4.7 Trường hợp gia hạn thời gian phân phối Chứng Chỉ Quỹ

Trường hợp gia hạn thời gian phân phối Chứng Chỉ Quỹ và được UBCKNN chấp thuận, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ gửi văn bản cho VSD thông báo về điều chỉnh thời gian IPO (theo mẫu của VSD) kèm theo bản sao hợp lệ văn bản chấp thuận của UBCKNN trong vòng 03 Ngày Làm Việc kể từ ngày được UBCKNN chấp thuận gia hạn.

11.3.4.8 Giải tỏa Chứng Khoán Cơ Cấu góp vốn

- (a) VSD thực hiện giải tỏa Chứng Khoán Cơ Cấu trong trường hợp đợt IPO không thành công hoặc trong các trường hợp khác theo văn bản thông báo của Công Ty Quản Lý Quỹ gửi VSD và các Thành Viên Lập Quỹ, Đại Lý Phân Phối (theo mẫu của VSD) phù hợp với quy định tại Bản Cáo Bạch này và Điều Lệ của Quỹ.
- (b) Trường hợp đợt IPO không thành công, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ gửi thông báo giải tỏa Chứng Khoán Cơ Cấu cho VSD và VSD sẽ thực hiện giải tỏa Chứng Khoán Cơ Cấu ngay sau khi nhận được văn bản thông báo của Công Ty Quản Lý Quỹ.
- (c) Các trường hợp khác theo văn bản thông báo của Công Ty Quản Lý Quỹ gửi VSD và Thành Viên Lập Quỹ:
 - (i) Căn cứ vào văn bản thông báo của Công Ty Quản Lý Quỹ, Thành Viên Lập Quỹ, Đại Lý Phân Phối gửi Giấy đề nghị giải tỏa Chứng Khoán Cơ Cấu (theo mẫu của VSD) lên VSD.
 - (ii) Trong vòng 01 Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị giải tỏa, VSD thực hiện giải tỏa Chứng Khoán Cơ Cấu và gửi xác nhận về việc đã giải tỏa (theo mẫu của VSD).

11.3.4.9 Đăng ký, lưu ký Chứng Chỉ Quỹ, chuyển quyền sở hữu Chứng Khoán Cơ Cấu

- (a) Trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực, Công Ty Quản Lý Quỹ và VSD có trách nhiệm lập Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư và xác nhận quyền sở hữu của Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư đối với số Lô Chứng Chỉ Quỹ đã đăng ký mua.
- (b) Trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ có hiệu lực, Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát thực hiện đăng ký, lưu ký các Lô Chứng Chỉ Quỹ cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư tại VSD theo quy định của VSD về quy chế hoạt động giao dịch hoán đổi, đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng chỉ quỹ, giao dịch hoán đổi.

11.3.4.10 Niêm yết Chứng Chỉ Quỹ

Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ hoàn tất các thủ tục niêm yết Chứng Chỉ Quỹ tại HOSE theo quy chế về niêm yết quỹ hoán đổi danh mục theo quy định của HOSE.

11.3.4.11 Xử lý trường hợp phát hành Chứng Chỉ Quỹ không thành công

Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ chỉ thị Ngân Hàng Giám Sát hoàn trả các khoản tiền mà nhà đầu tư đã đóng góp khi xảy ra một trong các trường hợp dưới đây:

- (a) Tổng giá trị vốn huy động được thấp hơn 50.000.000.000 VND (Năm Mươi Tỷ Đồng Việt Nam) và số Lô Chứng Chỉ Quỹ chào bán ít hơn 10 lô; hoặc
- (b) Việc phân phối Lô Chứng Chỉ Quỹ không hoàn tất trong (hời hạn phân phối công bố trong Bản Cáo Bạch này và Công Ty Quản Lý Quỹ không có ý định đề nghị UBCKNN chấp thuận việc gia hạn thêm thời hạn phân phối Lô Chứng Chỉ Quỹ tối đa ba mươi (30) ngày theo quy định của Pháp Luật.

XII. QUY TRÌNH GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI ĐỊNH KỲ (GIAO DỊCH SƠ CẤP)

12.1 ĐỐI TƯỢNG THAM GIA GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI

12.1.1 Là các Thành Viên Lập Quỹ theo thông báo của Công Ty Quản Lý Quỹ.

12.1.2 Các Nhà Đầu Tư là cá nhân và pháp nhân đáp ứng điều kiện sau:

- (a) Sở hữu Chứng Khoán Cơ Cấu và đáp ứng yêu cầu về tỷ trọng, số lượng chứng khoán trong Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu theo thông báo của Công Ty Quản Lý Quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng Khoán Cơ Cấu lấy Lô Chứng Chỉ Quỹ.
- (b) Sở hữu tối thiểu 01 Lô Chứng Chỉ Quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng Chỉ Quỹ lấy Chứng Khoán Cơ Cấu.

12.2 CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI

12.2.1 Chứng khoán thực hiện giao dịch hoán đổi: Là các chứng khoán nằm trong Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu hoán đổi theo thông báo của Công Ty Quản Lý Quỹ và thuộc loại chứng khoán tự do chuyển nhượng và đang được lưu ký trên tài khoản lưu ký của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ.

12.2.2 Chứng khoán thực hiện giao dịch hoán đổi có thể lấy từ các nguồn sau:

12.2.2.1 Đối với Thành Viên Lập Quỹ:

- (a) Các Chứng Khoán Cơ Cấu/Chứng Chỉ Quỹ đang sẵn có trên tài khoản lưu ký của Thành Viên Lập Quỹ tại ngày giao dịch hoán đổi và chứng khoán chờ thanh toán từ các lệnh mua đã khớp trước Ngày Giao Dịch Hoán Đổi (T) theo quy định của VSD;
- (b) Các Chứng Khoán Cơ Cấu/Chứng Chỉ Quỹ di vay qua hệ thống vay và cho vay của VSD với mục đích thực hiện giao dịch hoán đổi đang nằm trên tài khoản phong tỏa tạm giữ chứng khoán của Thành Viên Lập Quỹ.

12.2.2.2 Đối với Nhà Đầu Tư: Các Chứng Khoán Cơ Cấu đang có sẵn trên tài khoản lưu ký của Nhà Đầu Tư tại Ngày Giao Dịch Hoán Đổi.

12.3 PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI

Nhà Đầu Tư đăng ký đặt Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi thông qua các Thành Viên Lập Quỹ hoặc Đại Lý Phân Phối nơi Nhà Đầu Tư mở tài khoản giao dịch trong thời gian giao dịch hoán đổi.

12.4 THỜI GIAN GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI

Từ 9h30 đến 14h40 các Ngày Giao Dịch Hoán Đổi. Trường hợp ngày chốt Giá Trị Tài Sản Ròng rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ, thời gian giao dịch từ 13h30 đến 14h40 của Ngày Giao Dịch Hoán Đổi. Đây là khoảng thời gian Nhà Đầu Tư gửi phiếu đặt Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi cho Thành Viên Lập Quỹ hoặc Đại Lý Phân Phối.

12.5 THỜI ĐIỂM ĐÓNG SỔ LỆNH

Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh là 14h40 Ngày Giao Dịch Hoán Đổi. Đây là thời điểm cuối cùng mà Thành Viên Lập Quỹ hoặc Đại Lý Phân Phối nhận phiếu đặt Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi của Nhà Đầu Tư.

12.6 TẦN SUẤT GIAO DỊCH CỦA QUỸ

Nhà Đầu Tư có thể thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng Chỉ Quỹ vào Ngày Giao Dịch Hoán Đổi. Ngày Giao Dịch Hoán Đổi được thực hiện hàng ngày vào Ngày Làm Việc. Trong trường hợp Ngày Giao Dịch Hoán Đổi không phải là Ngày Làm Việc, thì Ngày Giao Dịch Hoán Đổi sẽ là Ngày Làm Việc kế tiếp.

Việc thay đổi Ngày Giao Dịch Hoán Đổi sẽ được thông báo trước cho các Điểm Nhận Lệnh và được thông báo trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ và HOSE. Công Ty Quản Lý Quỹ có thể thay đổi tần suất giao dịch và/hoặc Ngày Giao Dịch Hoán Đổi khi thấy cần thiết, với điều kiện được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua phù hợp với quy định của Điều Lệ này và của Pháp Luật, đảm bảo tần suất giao dịch hoán đổi thực hiện tối thiểu không ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.

12.7 THỜI GIAN NHẬP CÁC LỆNH GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ VÀO HỆ THỐNG CỦA VSD

- (a) Thời gian VSD mở hệ thống để Thành Viên Lập Quỹ hoặc Đại Lý Phân Phối chuyển các Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi là từ 9h30 đến 14h40 Ngày Giao Dịch Hoán Đổi.
- (b) Thời điểm hết hạn nhập lệnh giao dịch vào hệ thống của VSD là 14h40 Ngày Giao Dịch Hoán Đổi. Đây là thời điểm cuối cùng VSD được nhận các lệnh giao dịch do Thành Viên Lập Quỹ hoặc Đại Lý Phân Phối chuyển vào hệ thống của VSD.

12.8 SỬA/HỦY LỆNH GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI

- (a) Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ chỉ được sửa/hủy các Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh.
- (b) Việc sửa/hủy các Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi của Nhà Đầu Tư được thực hiện tại các Thành Viên Lập Quỹ hoặc Đại Lý Phân Phối nơi Nhà Đầu Tư đặt lệnh. Nhà Đầu Tư phải nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị sửa/hủy lệnh cho Thành Viên Lập Quỹ hoặc Đại Lý Phân Phối.
- (c) Việc thực hiện sửa/hủy các Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi sau Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh chỉ được xem xét xử lý trong trường hợp do lỗi của Thành Viên Lập Quỹ hoặc Đại Lý Phân Phối nhập sai số lượng Lô Chứng Chỉ Quỹ mua, bán của Nhà Đầu Tư trong quá trình nhập Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi của Nhà Đầu Tư vào hệ thống của VSD.

12.9 PHƯƠNG TIỆN THANH TOÁN

Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu là phương tiện thanh toán chủ yếu trong Giao Dịch Hoán Đổi giữa Quỹ và Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư. Tuy nhiên, những trường hợp sau đây được hoán đổi bổ sung một phần bằng tiền:

- 12.9.1** Phát sinh chênh lệch giữa giá trị của Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu và giá trị tài sản ròng của các Lô Chứng Chỉ Quỹ.
- 12.9.2** Những mã chứng khoán nằm trong Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu mà Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư bị hạn chế đầu tư theo quy định của Pháp Luật, hoặc Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định của Pháp Luật có liên quan. Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư có trách nhiệm thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ các mã chứng khoán thuộc các trường hợp này trước 12h00 Ngày Làm Việc liền trước Ngày Giao Dịch Hoán Đổi để Công Ty Quản Lý Quỹ tính toán số tiền nộp thay thế (theo mẫu của Công Ty Quản Lý Quỹ).
- 12.9.3** Trường hợp chứng khoán trong Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu hoán đổi có sự kiện doanh nghiệp phát sinh như chia cổ tức bằng tiền, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm mà Quỹ không được ghi nhận do chưa thực hiện chuyển quyền sở hữu chứng khoán cho Quỹ trong khoảng thời gian thực hiện giao dịch hoán đổi, Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư sẽ thực hiện thanh toán bằng tiền cho Quỹ theo quy định chi tiết tại mục 12.11.3.3 của Bản Cáo Bạch này.
- 12.9.4** Trong trường hợp phát sinh chênh lệch giữa giá trị của Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu và giá trị tài sản ròng của các Lô Chứng Chỉ Quỹ quy định tại mục 12.9.1, hoặc các trường hợp khác quy định tại mục 12.9.2 và 12.9.3 của Bản Cáo Bạch này, Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư sẽ thanh toán bằng tiền cho các trường hợp này và đảm bảo khoản tiền được thanh toán vào tài khoản của Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát trước 11h00 của Ngày Làm Việc liền sau Ngày Giao Dịch Hoán Đổi (ngày T+1).
- 12.9.5** Trong trường hợp hoán đổi các Lô Chứng Chỉ Quỹ lấy Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu mà giá trị của các Lô Chứng Chỉ Quỹ được Công Ty Quản Lý Quỹ tiếp nhận từ Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư

nhiều hơn giá trị của Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu thì Công Ty Quản Lý Quỹ/Ngân Hàng Giám Sát sẽ hoàn trả phần chênh lệch này bằng tiền sau 3 Ngày Làm Việc kể từ Ngày Giao Dịch Hoán Đổi (ngày T+3).

12.10 THỜI ĐIỂM CHỐT KIỂM TRA TIỀN VÀ SỐ LƯỢNG CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI, GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI KHÔNG HỢP LỆ

12.10.1 Thời điểm VSD kiểm tra tiền và số lượng chứng khoán thực hiện giao dịch hoán đổi hợp lệ là 16h00 Ngày Làm Việc thứ nhất kể từ Ngày Giao Dịch Hoán Đổi (ngày T+1).

12.10.2 Các trường hợp giao dịch hoán đổi dưới đây được coi là không hợp lệ và sẽ không được thực hiện:

- (a) Nhà Đầu Tư gửi Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi cho Thành Viên Lập Quỹ/Đại Lý Phân Phối sau Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh hoặc Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi được chuyển tới VSD sau Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh.
- (b) Các lệnh mua Chứng Chỉ Quỹ không đủ Chứng Khoán Cơ Cấu theo danh mục để hoán đổi hoặc không nộp đủ tiền (nếu có) và các lệnh bán Chứng Chỉ Quỹ không đủ Chứng Chỉ Quỹ để bán tại thời điểm VSD kiểm tra số dư vào ngày T+1.
- (c) Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ không thanh toán tiền chênh lệch, các loại phí (nếu có) đúng thời hạn quy định.

12.11 QUY TRÌNH THỰC HIỆN GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU LẤY LỖ CHỨNG CHỈ QUỸ

12.11.1 Tại Ngày Giao Dịch Hoán Đổi (ngày T)

12.11.1.1 Trước giờ giao dịch

Chậm nhất vào 9h00, ngoại trừ trường hợp ngày chốt Giá Trị Tài Sản Ròng rơi vào ngày nghỉ, lễ thì chậm nhất là 13h00, Công Ty Quản Lý Quỹ công bố và gửi email (file pdf hoặc excel đã được ký chữ ký số) thông tin Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu để hoán đổi một Lô Chứng Chỉ Quỹ và chênh lệch giữa giá trị Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu hoán đổi và giá trị tài sản ròng của các Lô Chứng Chỉ Quỹ và phương án xử lý, các trường hợp được thanh toán thay thế bằng tiền (nếu có) cho Thành Viên Lập Quỹ/Đại Lý Phân Phối và VSD. Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu này được xác định trên cơ sở giá cuối ngày tại ngày giao dịch liền trước Ngày Giao Dịch Hoán Đổi và bao gồm các thông tin về mã Chứng Khoán Cơ Cấu, tỷ trọng và số lượng mã Chứng Khoán Cơ Cấu trong danh mục.

12.11.1.2 Trong giờ giao dịch

(a) Nhận Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi

(i) Trường hợp đặt lệnh trực tiếp tại Thành Viên Lập Quỹ

(AA) Nhà Đầu Tư gửi hồ sơ đặt lệnh tại Thành Viên Lập Quỹ bao gồm các tài liệu sau:

- Phiếu đặt Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi (theo mẫu của VSD).
- Bảng kê Chứng Khoán Cơ Cấu thực hiện giao dịch hoán đổi (theo mẫu của VSD).
- Văn bản xác nhận số dư và xác nhận phong tỏa (theo mẫu của VSD) của Thành viên lưu ký nơi Nhà Đầu Tư mở tài khoản lưu ký trong đó xác nhận Nhà Đầu Tư có đủ số lượng Chứng Khoán Cơ Cấu dùng để thực hiện giao dịch hoán đổi và đã được Thành viên lưu ký phong tỏa từ ngày Giao Dịch Hoán Đổi đến hết ngày thanh toán.

(BB) Thành Viên Lập Quỹ kiểm tra các thông tin của Nhà Đầu Tư trên hồ sơ, trường hợp đầy đủ, hợp lệ sẽ nhập Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi của Nhà Đầu Tư vào hệ thống của VSD qua công giao tiếp điện tử. Trường hợp chưa đầy đủ, Thành Viên Lập Quỹ yêu cầu Nhà Đầu Tư bổ sung, chỉnh sửa.

(ii) Trường hợp đặt lệnh qua Đại Lý Phân Phối

- (AA) Nhà Đầu Tư gửi hồ sơ đặt lệnh tại Đại Lý Phân Phối bao gồm các tài liệu liệt kê tại mục 12.11.1.2(a)(i)(AA) ở trên.
- (BB) Đại Lý Phân Phối kiểm tra thông tin Nhà Đầu Tư trên hồ sơ, trường hợp đầy đủ, hợp lệ thực hiện:
 - Ký, đóng dấu xác nhận trên Phiếu đề nghị đặt Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi của Nhà Đầu Tư.
 - Chuyển Phiếu đề nghị đặt Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi của Nhà Đầu Tư, Văn bản xác nhận số dư và xác nhận phong tỏa đến Thành Viên Lập Quỹ (fax hoặc theo phương thức cụ thể khác theo thỏa thuận bằng văn bản giữa Thành Viên Lập Quỹ và Đại Lý Phân Phối).
 - Nhập giao dịch vào hệ thống của VSD qua cổng giao tiếp điện tử.
- (iii) Thành Viên Lập Quỹ kiểm tra các thông tin của Nhà Đầu Tư trên Phiếu có xác nhận của Đại Lý Phân Phối và thực hiện giao dịch xác nhận Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi của Nhà Đầu Tư do Đại Lý Phân Phối nhập vào hệ thống của VSD qua cổng giao tiếp điện tử.
- (iv) Trường hợp Thành Viên Lập Quỹ, Đại Lý Phân Phối nhận lệnh giao dịch qua internet, điện thoại, fax thì phải tuân thủ các quy định pháp luật về giao dịch điện tử và chứng khoán, đồng thời phải báo đảm ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh; và Nhà Đầu Tư phải cung cấp cho Thành Viên Lập Quỹ (trực tiếp hoặc thông qua Đại Lý Phân Phối) phiếu lệnh gốc có chữ ký của đại diện có thẩm quyền để lưu trữ theo quy định của Pháp Luật về chứng khoán. Thời gian cung cấp phiếu lệnh gốc là ba (03) Ngày Làm Việc kể từ Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh.

(b) Sửa, hủy giao dịch hoán đổi

- (i) Trường hợp sửa, hủy Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi đối với Nhà Đầu Tư đặt lệnh trực tiếp tại Thành Viên Lập Quỹ:
 - Nhà Đầu Tư gửi Giấy đề nghị sửa, hủy giao dịch hoán đổi (theo mẫu của VSD) cho Thành Viên Lập Quỹ.
 - Thành Viên Lập Quỹ kiểm tra các thông tin đặt lệnh ban đầu của Nhà Đầu Tư và thông tin đề nghị sửa, hủy trên Giấy đề nghị sửa, hủy giao dịch hoán đổi và nhập giao dịch sửa, hủy giao dịch hoán đổi vào hệ thống của VSD qua cổng giao tiếp điện tử.
- (ii) Trường hợp sửa, hủy Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi đối với Nhà Đầu Tư đặt lệnh qua Đại Lý Phân Phối:
 - Nhà Đầu Tư gửi Giấy đề nghị sửa, hủy giao dịch hoán đổi (theo mẫu của VSD) cho Đại Lý Phân Phối.
 - Đại Lý Phân Phối kiểm tra thông tin đặt lệnh của Nhà Đầu Tư, xác nhận trên Giấy và chuyển Giấy đề nghị sửa, hủy Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi của Nhà Đầu Tư đến Thành Viên Lập Quỹ (fax hoặc theo phương thức cụ thể khác theo thỏa thuận bằng văn bản giữa Thành Viên Lập Quỹ và Đại Lý Phân Phối) đồng thời nhập giao dịch sửa, hủy giao dịch hoán đổi vào hệ thống của VSD qua cổng giao tiếp điện tử.
- (iii) Thành Viên Lập Quỹ kiểm tra các thông tin đặt lệnh ban đầu của Nhà Đầu Tư, thông tin đề nghị sửa, hủy trên giấy có xác nhận của Đại Lý Phân Phối và thực hiện giao dịch xác nhận giao dịch sửa, hủy giao dịch hoán đổi do Đại Lý Phân Phối nhập vào hệ thống của VSD qua cổng giao tiếp điện tử.

12.11.1.3 Sau giờ giao dịch

- (a) Chậm nhất vào 15h30, VSD gửi cho Thành Viên Lập Quỹ danh sách Nhà Đầu Tư đặt Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi chi tiết theo Thành Viên Lập Quỹ, Đại Lý Phân Phối có liên quan dưới dạng chứng từ điện tử qua cổng giao tiếp điện tử để Thành Viên Lập Quỹ kiểm tra đối chiếu và báo cáo kết quả giao dịch dự kiến cho Công Ty Quản Lý Quỹ dưới dạng chứng từ điện tử qua cổng giao tiếp điện tử. (Đại Lý Phân Phối ở đây là các Đại Lý Phân Phối thực hiện chuyển lệnh cho

- Thành Viên Lập Quỹ).
- (b) Thành Viên Lập Quỹ thông báo cho Đại Lý Phân Phối và thực hiện kiểm tra xác nhận với Nhà Đầu Tư đặt lệnh trực tiếp tại Thành Viên Lập Quỹ.
 - (c) Căn cứ trên thông báo của Thành Viên Lập Quỹ, Đại Lý Phân Phối thực hiện kiểm tra và xác nhận với Nhà Đầu Tư đặt lệnh tại Đại Lý Phân Phối.

12.11.2 Tại Ngày Làm Việc liền sau Ngày Giao Dịch Hoán Đổi (ngày T+1)

12.11.2.1 Xác nhận giao dịch hoán đổi

- (a) Chậm nhất vào 9h00, Đại Lý Phân Phối phải hoàn tất việc đối chiếu lệnh với Nhà Đầu Tư và thực hiện:
 - (i) Xác nhận danh sách trên hệ thống của VSD dưới dạng chứng từ điện tử qua cổng giao tiếp định từ và thông báo cho Thành Viên Lập Quỹ trường hợp danh sách chính xác.
 - (ii) Gửi cho Thành Viên Lập Quỹ Giấy đề nghị sửa lỗi/hủy giao dịch (theo mẫu của VSD) (fax trước, bản gốc gửi sau) trường hợp phát sinh sai lệch do sai sót của Đại Lý Phân Phối trong việc nhập lệnh.
- (b) Chậm nhất vào 10h00, Thành Viên Lập Quỹ phải hoàn tất việc đối chiếu lệnh với Nhà Đầu Tư đặt lệnh giao dịch tại Thành Viên Lập Quỹ và các Nhà Đầu Tư đặt lệnh qua các Đại Lý Phân Phối và thực hiện:
 - (i) Xác nhận danh sách trên hệ thống của VSD dưới dạng chứng từ điện tử qua cổng giao tiếp điện tử trường hợp danh sách chính xác.
 - (ii) Trường hợp phát sinh sai lệch do sai sót trong việc nhập lệnh: Gửi cho VSD hồ sơ sửa lỗi sau giao dịch gồm các tài liệu sau:
 - Giấy đề nghị sửa lỗi/hủy giao dịch (theo mẫu của VSD).
 - Bản sao phiếu lệnh của Nhà Đầu Tư có đóng dấu treo của Thành Viên Lập Quỹ.
 - Các tài liệu khác (nếu có).(Thành Viên Lập Quỹ thực hiện fax trước, bản gốc gửi sau ngay trong ngày).
- (c) Căn cứ vào hồ sơ đề nghị sửa lỗi, VSD sẽ xem xét, thực hiện sửa, hủy lệnh và gửi lại thông báo xác nhận sửa, hủy lệnh (theo mẫu của VSD) dưới dạng chứng từ điện tử qua cổng giao tiếp điện tử cho Thành Viên Lập Quỹ, Đại Lý Phân Phối chậm nhất vào 11h00.
- (d) Chậm nhất vào 14h30, các Đại Lý Phân Phối, Thành Viên Lập Quỹ có lệnh bị sửa, hủy phải hoàn tất việc gửi cho VSD xác nhận danh sách Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư đặt Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi chi tiết sau khi đã được VSD chỉnh sửa dưới dạng chứng từ điện tử qua cổng giao tiếp điện tử.

12.11.2.2 Gửi thông tin thanh toán tiền

- (a) Chậm nhất vào 11h00, khoản tiền bổ sung của giao dịch hoán đổi do Nhà Đầu Tư chuyển khoản vào tài khoản của Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát phải được ghi nhận trên tài khoản của Quỹ. Chậm nhất vào 15h00, Ngân Hàng Giám Sát nhập (thông tin danh sách Nhà Đầu Tư nộp tiền vào tài khoản của Quỹ (theo mẫu của VSD) dưới dạng chứng từ điện tử qua cổng giao tiếp điện tử của VSD. Trường hợp không kết nối, Ngân Hàng Giám Sát phải gửi Danh sách Nhà Đầu Tư nộp tiền vào tài khoản của Quỹ (theo mẫu của VSD) (fax trước, bản gốc gửi sau) và gửi file theo định dạng do VSD quy định đã được ký số vào địa chỉ email quy@tf@vsd.vn
- (b) Chậm nhất vào 15h05, VSD sẽ gửi thông tin về các Nhà Đầu Tư nộp tiền chi tiết theo Thành Viên Lập Quỹ (theo mẫu của VSD) cho các Thành Viên Lập Quỹ có liên quan dưới dạng chứng từ điện tử qua cổng giao tiếp điện tử của VSD.
- (c) Thành Viên Lập Quỹ thông báo cho Đại Lý Phân Phối và thực hiện kiểm tra xác nhận trường hợp thông tin Nhà Đầu Tư không hợp lệ.
- (d) Chậm nhất vào 15h15, Đại Lý Phân Phối gửi cho Thành Viên Lập Quỹ Thông báo xác nhận các

trường hợp nộp tiền đã xác minh dưới dạng chứng từ điện tử qua cổng giao tiếp điện tử, trường hợp cần xác minh lại thông tin nộp tiền của nhà đầu tư do thông tin nộp tiền chưa chính xác.

- (c) Chậm nhất vào 15h45, Thành Viên Lập Quỹ gửi cho VSD thông báo xác nhận các trường hợp nộp tiền đã xác minh dưới dạng chứng từ điện tử qua cổng giao tiếp điện tử, trường hợp cần xác minh lại thông tin nộp tiền của nhà đầu tư đặt lệnh tại Thành Viên Lập Quỹ, do thông tin nộp tiền chưa chính xác.

12.11.2.3 Kiểm tra tiền và chứng khoán thực hiện giao dịch hoán đổi, thông báo về số lượng chứng chỉ quỹ phát hành, thu hồi, số lượng Chứng Khoán Cơ Cấu chuyển quyền sở hữu, xác nhận hoàn tất giao dịch, chuyển quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ

Vào 16h00, VSD thực hiện kiểm tra Chứng Khoán Cơ Cấu/Chứng Chỉ Quỹ và tiền thanh toán để thực hiện giao dịch hoán đổi của Nhà Đầu Tư đặt Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi đồng thời thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ các danh sách dưới dạng chứng từ điện tử như sau:

- (a) Danh sách Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư đặt Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi có đủ Chứng Khoán Cơ Cấu/Chứng Chỉ Quỹ (và tiền) và không đủ Chứng Khoán Cơ Cấu/Chứng Chỉ Quỹ (và tiền) thực hiện hoán đổi.
- (b) Thông báo về số lượng Chứng Chỉ Quỹ được phát hành thêm và mua lại chi tiết đến Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư (theo mẫu của VSD).
- (c) Thông báo về số lượng Chứng Khoán Cơ Cấu chuyển quyền sở hữu từ Quỹ sang Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư và ngược lại (theo mẫu của VSD).
- (d) Thông báo về Danh sách Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư thực hiện giao dịch hoán đổi được hoàn trả Chứng Khoán Cơ Cấu nhưng sẽ bị giữ lại phần vượt quá (nếu có) (theo mẫu của VSD).
- (e) Thông báo về số tiền Quỹ được nhận do Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư thanh toán do thực hiện giao dịch hoán đổi (theo mẫu của VSD).

Trong vòng tối đa ba (03) Ngày Làm Việc kể từ ngày giao dịch hoán đổi, VSD, Ngân Hàng Giám Sát phải hoàn tất việc chuyển Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu từ tài khoản lưu ký của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ vào tài khoản lưu ký của Quỹ hoặc ngược lại, đồng thời đăng ký, lưu ký Chứng Chỉ Quỹ vào tài khoản của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ; tiếp nhận hoặc hoàn trả các khoản thanh toán bằng tiền theo quy định tại Mục 12.9; Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư.

12.11.2.4 Đăng ký, lưu ký Chứng Chỉ Quỹ phát hành thêm, hủy đăng ký Chứng Chỉ Quỹ bị thu hồi và chuyển quyền sở hữu Chứng Khoán Cơ Cấu hoán đổi

- (a) Đăng ký, hủy đăng ký Chứng Chỉ Quỹ và chuyển quyền sở hữu Chứng Khoán Cơ Cấu

Chậm nhất vào 16h30, VSD thực hiện:

- (i) Gửi văn bản thông báo việc điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký Chứng Chỉ Quỹ do thực hiện giao dịch hoán đổi cho Công Ty Quản Lý Quỹ, Sở Giao Dịch Chứng Khoán và thành viên (theo mẫu của VSD). Văn bản thông báo của VSD được coi như Giấy chứng nhận đăng ký Chứng Chỉ Quỹ điều chỉnh đối với trường hợp thay đổi (tăng/giảm) số lượng Chứng Chỉ Quỹ lưu hành theo kết quả giao dịch hoán đổi.
- (ii) Hạch toán tăng hoặc giảm Chứng Chỉ Quỹ phát hành thêm hoặc bị thu hồi và gửi xác nhận hạch toán cho thành viên có liên quan (theo mẫu của VSD).
- (iii) Chuyển quyền sở hữu Chứng Khoán Cơ Cấu từ tài khoản lưu ký của Quỹ sang tài khoản của Nhà Đầu Tư và ngược lại và gửi xác nhận chuyển khoản cho thành viên có liên quan (theo mẫu của VSD).

Ngày hiệu lực đăng ký bổ sung Chứng Chỉ Quỹ tại VSD đồng thời là ngày hiệu lực chuyển quyền sở hữu Chứng Khoán Cơ Cấu từ Quỹ sang Nhà Đầu Tư hoặc ngược lại.

- (b) Lưu ký Chứng Chỉ Quỹ đăng ký bổ sung

- (i) Chứng Chỉ Quỹ được phát hành theo kết quả thực hiện góp vốn lập Quỹ lần đầu và theo kết quả giao dịch hoán đổi được VSD tự động hạch toán vào tài khoản lưu ký chứng khoán của Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư ngay sau khi cấp hoặc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký Chứng Chỉ Quỹ.
- (ii) Ngay sau khi thực hiện ký gửi Chứng Chỉ Quỹ phát hành, VSD gửi xác nhận hạch toán cho thành viên lưu ký nơi Nhà Đầu Tư mở tài khoản.
- (iii) Ngày hiệu lực ký gửi Chứng Chỉ Quỹ đăng ký hoặc đăng ký bổ sung tại VSD đồng thời là ngày hiệu lực đăng ký/đăng ký bổ sung Chứng Chỉ Quỹ.

12.11.3 Xử lý trường hợp Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư phải thanh toán bổ sung bằng tiền cho giao dịch hoán đổi

Trường hợp Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư phải thanh toán một phần giá trị giao dịch hoán đổi bằng tiền do các chứng khoán nằm trong danh mục Chứng Khoán Cơ Cấu mà Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư bị hạn chế đầu tư theo quy định Pháp Luật, hoặc Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định của pháp luật thì xử lý như sau:

12.11.3.1 Nếu Quỹ hoàn thành việc mua đủ số lượng các mã chứng khoán này trong thời hạn bảy (07) Ngày Làm Việc kể từ ngày T+1, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thực hiện tính toán số tiền thực tế mà Quỹ đã chi trả để mua số lượng chứng khoán này (bao gồm phí môi giới chứng khoán và phí giao dịch chứng khoán). Trường hợp số tiền thực tế mà Quỹ chi trả thấp hơn số tiền mà Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư đã nộp bổ sung thì Quỹ sẽ hoàn trả phần chênh lệch thừa cho Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư trong thời hạn ba (03) Ngày Làm Việc kể từ thời điểm Công Ty Quản Lý Quỹ thông báo hoàn trả số tiền chênh lệch thừa này. Trường hợp số tiền thực tế mà Quỹ chi trả (bao gồm phí môi giới chứng khoán và phí giao dịch chứng khoán) nhiều hơn số tiền mà Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư đã nộp bổ sung thì Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư sẽ hoàn trả phần chênh lệch thiếu này cho Quỹ trong thời hạn ba (03) Ngày Làm Việc kể từ thời điểm Công Ty Quản Lý Quỹ thông báo hoàn trả số tiền chênh lệch thiếu này. Các khoản chênh lệch thừa/thiếu này sẽ được Quỹ hạch toán theo quy định định kế toán hiện hành.

12.11.3.2 Nếu Quỹ không hoàn thành được việc mua đủ số lượng các mã chứng khoán này trong thời hạn bảy (07) Ngày Làm Việc kể từ ngày T+1 thì Quỹ sẽ quyết toán với Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư trên cơ sở số tiền thực tế đã chi trả (bao gồm phí môi giới chứng khoán và phí giao dịch chứng khoán) tương ứng với số lượng thực tế của các mã chứng khoán mà Quỹ đã mua được. Số lượng còn lại của các mã chứng khoán mà Quỹ chưa mua đủ được trong thời hạn bảy (07) Ngày Làm Việc kể từ ngày T+1 sẽ được Quỹ quyết toán với Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư dựa trên giá đóng cửa của mã chứng khoán tương ứng đó trên HOSE vào Ngày Làm Việc thứ bảy để sau đó Quỹ tự mua đủ số lượng các mã chứng khoán còn thiếu này.

12.11.3.3 Trong thời hạn bảy (07) Ngày Làm Việc kể từ ngày T+1 mà phát sinh sự kiện doanh nghiệp và chốt danh sách thực hiện quyền mà Quỹ chưa được ghi nhận sở hữu chứng khoán thì Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ tính toán và thông báo cho Thành Viên Lập Quỹ số tiền cần nộp bổ sung tại cuối ngày làm việc thứ 7 kể từ ngày T+1. Thành Viên Lập Quỹ có trách nhiệm hoàn trả Quỹ số tiền tương ứng trong thời hạn 3 Ngày Làm Việc kể khi nhận được thông báo của Công Ty Quản Lý Quỹ. Số tiền nộp bổ sung sẽ được tính toán dựa trên báo cáo chốt danh sách thực hiện quyền của VSD và sẽ được hạch toán vào thu nhập từ hoạt động đầu tư của Quỹ, cụ thể như sau:

- (a) Đối với cổ tức trả bằng tiền: số tiền cần nộp bổ sung bằng số lượng Chứng Khoán Cơ Cấu phát sinh cổ tức bằng tiền nhân với tỷ lệ trả cổ tức.
- (b) Đối với cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng: số tiền cần nộp bổ sung bằng số lượng cổ phiếu hoán đổi được thưởng cổ tức bằng cổ phiếu nhân với giá đóng cửa của các mã cổ phiếu này tại ngày liền trước ngày Chứng Khoán Cơ Cấu được chuyển quyền sở hữu sang tài khoản của Quỹ.
- (c) Đối với sự kiện chốt quyền mua cổ phiếu mà giá đóng cửa tại ngày liền trước ngày chuyển quyền sở hữu của Chứng Khoán Cơ Cấu sang tài khoản của Quỹ lớn hơn giá mua: số tiền cần nộp bổ sung trên mỗi cổ phiếu bằng số lượng cổ phiếu được mua từ quyền mua phát sinh của cổ phiếu hoán đổi nhân với hiệu số giữa giá đóng cửa tại ngày liền trước ngày Chứng Khoán Cơ Cấu được chuyển quyền sở hữu sang tài khoản của Quỹ và giá mua.
- (d) Đối với sự kiện chốt quyền mua khác: số tiền nộp bổ sung bằng tiền trên mỗi cổ phiếu sẽ được

Công Ty Quản Lý Quỹ thông báo sau nếu có.

12.11.3.4 Trường hợp giá trị Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu nhiều hơn giá trị tài sản ròng của các Lô Chứng Chỉ Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ chỉ thị Ngân Hàng Giám Sát hoàn trả bằng tiền phần chênh lệch này cho Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư vào Ngày Làm Việc thứ 3 kể từ Ngày Giao Dịch Hoán Đổi (ngày T+3).

12.12 QUY TRÌNH THỰC HIỆN GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ LẤY CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU

12.12.1 Nhà Đầu Tư gửi cho Thành Viên Lập Quỹ/Đại Lý Phân Phối hồ sơ đặt Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi Chứng Chỉ Quỹ lấy Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh. Hồ sơ đặt Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi bao gồm:

(a) Trường hợp đặt lệnh trực tiếp tại Thành Viên Lập Quỹ: Nhà Đầu Tư gửi hồ sơ đặt lệnh tại Thành Viên Lập Quỹ bao gồm các tài liệu sau:

- Phiếu đặt Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi (theo mẫu của VSD).
- Bảng kê Chứng Chỉ Quỹ thực hiện giao dịch hoán đổi (theo mẫu của VSD).
- Văn bản xác nhận số dư và xác nhận phong tỏa (theo mẫu của VSD) của Thành viên lưu ký nơi Nhà Đầu Tư mở tài khoản lưu ký trong đó xác nhận Nhà Đầu Tư có đủ số lượng Chứng Chỉ Quỹ dùng để thực hiện giao dịch hoán đổi và đã được Thành viên lưu ký phong tỏa từ Ngày Giao Dịch Hoán Đổi đến hết ngày thanh toán.

Thành Viên Lập Quỹ kiểm tra các thông tin của Nhà Đầu Tư trên hồ sơ, trường hợp đầy đủ, hợp lệ sẽ nhập Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi của Nhà Đầu Tư vào hệ thống của VSD qua cổng giao tiếp điện tử. Trường hợp chưa đầy đủ, Thành Viên Lập Quỹ yêu cầu Nhà Đầu Tư bổ sung, chỉnh sửa.

(b) Trường hợp đặt lệnh qua Đại Lý Phân Phối: Nhà Đầu Tư gửi hồ sơ đặt lệnh tại Đại Lý Phân Phối bao gồm các tài liệu như được liệt kê tại mục 12.12.1(a) ở trên.

Đại Lý Phân Phối kiểm tra thông tin Nhà Đầu Tư trên hồ sơ, trường hợp đầy đủ, hợp lệ thực hiện:

- Ký, đóng dấu xác nhận trên Phiếu đề nghị đặt Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi của Nhà Đầu Tư.
- Chuyển Phiếu đề nghị đặt Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi của Nhà Đầu Tư, văn bản xác nhận số dư và xác nhận phong tỏa đến Thành Viên Lập Quỹ, chứng từ xác nhận việc chuyển tiền (fax hoặc theo phương thức cụ thể khác theo thỏa thuận bằng văn bản giữa Thành Viên Lập Quỹ và Đại Lý Phân Phối).
- Nhập giao dịch vào hệ thống của VSD qua cổng giao tiếp điện tử.

Thành Viên Lập Quỹ kiểm tra các thông tin của Nhà Đầu Tư trên Phiếu có xác nhận của Đại Lý Phân Phối và thực hiện giao dịch xác nhận Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi của Nhà Đầu Tư do Đại Lý Phân Phối nhập vào hệ thống của VSD qua cổng giao tiếp điện tử.

12.12.2 Thành Viên Lập Quỹ/Đại Lý Phân Phối thực hiện việc sửa, hủy giao dịch hoán đổi theo quy trình quy định tại mục 12.11.1.2(b), mục 12.8 và xác nhận giao dịch hoán đổi theo quy định tại mục 12.11.2.1 của Bản Cáo Bạch này.

12.12.3 Trong trường hợp giá trị của các Lô Chứng Chỉ Quỹ mà Quỹ tiếp nhận từ Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư nhiều hơn giá trị Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ chỉ thị Ngân Hàng Giám Sát hoàn trả bằng tiền phần chênh lệch này cho Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư vào Ngày Làm Việc thứ 3 kể từ Ngày Giao Dịch Hoán Đổi (ngày T+3).

12.12.4 VSD thực hiện kiểm tra tiền thanh toán (nếu áp dụng), Chứng Chỉ Quỹ/Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu thực hiện giao dịch hoán đổi, thông báo về số lượng Chứng Khoán Cơ Cấu chuyển quyền sở hữu và đăng ký chuyển quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ hoán đổi theo quy định tại mục 12.11.2.3, của Bản Cáo Bạch này.

12.12.5 Trường hợp Thành Viên Lập Quỹ hoán đổi các Lô Chứng Chỉ Quỹ lấy Chứng Khoán Cơ Cấu, Thành Viên Lập Quỹ phải đảm bảo duy trì đủ số lượng các Lô Chứng Chỉ Quỹ tối thiểu theo quy định tại hợp đồng thành viên lập quỹ ký kết giữa Thành Viên Lập Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ sau khi thực hiện giao dịch hoán đổi.

12.13 XỬ LÝ CÁC TRƯỜNG HỢP VƯỢT TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

12.13.1 Trường hợp Quỹ tiếp nhận các Lô Chứng Chỉ Quỹ của Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư và hoàn trả Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu cho Nhà Đầu Tư mà xảy ra các trường hợp sau:

- (a) Tỷ lệ sở hữu đối với Chứng Khoán Cơ Cấu của Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư vượt quá tỷ lệ tối đa được phép sở hữu của Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư theo quy định của Pháp Luật tính tại Ngày Giao Dịch Hoán Đổi;
- (b) Tỷ lệ sở hữu đối với Chứng Khoán Cơ Cấu của Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư vượt quá 25% số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức phát hành bao gồm cả cổ phiếu hiện có trên tài khoản lưu ký của Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư mà Nhà Đầu Tư chưa thực hiện chào mua công khai theo quy định của Pháp Luật liên quan; hoặc
- (c) Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư sở hữu chính cổ phiếu mà mình phát hành (cổ phiếu quỹ) mà Nhà Đầu Tư chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định của Pháp Luật liên quan;

thì VSD có trách nhiệm thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ và yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Thành Viên Lập Quỹ và Nhà Đầu Tư thực hiện như sau:

- (i) Đối với Nhà Đầu Tư nước ngoài: Công Ty Quản Lý Quỹ phải bán số chứng khoán cơ cấu vượt tỷ lệ sở hữu tối đa và thanh toán bằng tiền cho Nhà Đầu Tư này.
- (ii) Đối với các Nhà Đầu Tư thuộc trường hợp (b) và (c) ở trên, Công Ty Quản Lý Quỹ phải bán số chứng khoán vượt trội so với tỷ lệ phải chào mua công khai hoặc bán toàn bộ phần chứng khoán phát hành bởi chính Nhà Đầu Tư đó và thanh toán bằng tiền cho Nhà Đầu Tư này.

Thời điểm VSD kiểm tra số lượng Chứng Khoán Cơ Cấu hoàn trả lại cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư để tính toán số lượng chứng khoán sở hữu vượt quá/sở hữu chính cổ phiếu mà mình phát hành là vào 16h00 Ngày Làm Việc thứ nhất kể từ Ngày Giao Dịch Hoán Đổi (ngày T+1).

Việc thanh toán tiền cho các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư này phụ thuộc vào tiến độ bán thanh lý phần chứng khoán vượt quá tỷ lệ sở hữu tối đa hoặc tỷ lệ sở hữu phải chào mua công khai, giao dịch ký quỹ theo quy định. Khoản thanh toán cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư là giá trị giao dịch, sau khi khấu trừ thuế, chi phí giao dịch theo quy định của Pháp Luật liên quan.

12.13.2 Trường hợp các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư bị hạn chế sở hữu vì các lý do khác theo quy định của Pháp Luật hoặc quy định tại điều lệ của Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư đó, Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư có trách nhiệm bán số Chứng Khoán Cơ Cấu vượt hạn chế sở hữu trong ngày giao dịch kế tiếp sau ngày thanh toán. Trong thời gian chưa điều chỉnh tỷ lệ sở hữu về các hạn mức theo quy định của Pháp Luật, Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư không được thực hiện quyền biểu quyết trong đại hội cổ đông của các tổ chức phát hành đối với số Chứng Khoán Cơ Cấu vượt hạn chế sở hữu theo quy định của Pháp Luật.

12.13.3 Trong thời gian Công Ty Quản Lý Quỹ chưa thực hiện bán thanh công các Chứng Khoán Cơ Cấu vượt quá tỷ lệ sở hữu nêu trên mà phát sinh ngày chốt danh sách nhận cổ tức hoặc quyền mua của các Chứng Khoán Cơ Cấu này thì Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thực hiện như sau:

- (a) Đối với cổ tức bằng tiền: Nhà Đầu Tư/Thành Viên Lập Quỹ sẽ được thanh toán bằng tiền sau khi Quỹ nhận được khoản tiền cổ tức này.

- (b) Đối với cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng: Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thanh toán bằng tiền cho Nhà Đầu Tư/Thành Viên Lập Quỹ sau khi nhận số lượng cổ phiếu đó và thực hiện bán cổ phiếu thành công.
- (c) Đối với quyền mua thì Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ sử dụng khoản tiền từ việc bán số chứng khoán đó (nếu đã bán thành công trước đó) để thực hiện quyền mua với điều kiện giá thực hiện nhỏ hơn giá thị trường tại ngày đăng ký thực hiện quyền, sau khi cổ phiếu thực hiện bằng quyền mua về tài khoản của Quỹ thì Quỹ sẽ thực hiện bán số cổ phiếu này và thanh toán tiền cho Nhà Đầu Tư/Thành Viên Lập Quỹ.

12.13.4 Các khoản thanh toán liên quan đến việc hưởng cổ tức hoặc quyền mua nêu trên sẽ được thực hiện sau ba Ngày Làm Việc kể từ ngày Quỹ nhận tiền hoặc bán thành công các cổ phiếu phát sinh từ cổ tức hoặc từ việc thực hiện quyền này.

12.13.5 Việc phân bổ số tiền hoàn lại cho Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- (a) Tính toán theo nguyên tắc ưu tiên về thời gian (FIFO): Lệnh đặt trước sẽ được phân bổ hoàn lại tiền trước.
- (b) Tỷ lệ phân bổ sẽ phụ thuộc vào khả năng thanh toán của Quỹ cũng như số tiền thu được từ việc bán chứng khoán thông qua giao dịch khớp lệnh.
- (c) Trường hợp Quỹ có các lệnh bán cùng mã chứng khoán của danh mục trong ngày thì lệnh bán hộ cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư sẽ được thực hiện trước lệnh bán cho Quỹ để hoàn tiền lại cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư.

Khoản thanh toán cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư là giá trị giao dịch sau khi khấu trừ thuế, chi phí giao dịch theo quy định của pháp luật liên quan. Ngay khi phát sinh số lượng chứng khoán cần bán hộ, thì số chứng khoán này sẽ được hạch toán theo dõi riêng. Ngân hàng giám sát sẽ thực hiện việc thanh toán cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư theo kết quả tính toán và phân bổ của Công Ty Quản Lý Quỹ.

12.14 TẠM NGỪNG NHẬN, THỰC HIỆN CÁC LỆNH GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI

12.14.1 Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền tạm ngừng nhận, thực hiện các Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi lấy các Lỗ Chứng Chi Quỹ từ Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư trong các trường hợp sau:

- (a) HOSE thay đổi cơ cấu danh mục Chỉ Số Tham Chiếu;
- (b) Tổ chức phát hành chứng khoán chiếm tỷ trọng 0,1% trong danh mục đầu tư của Quỹ bị phá sản, giải thể, chứng khoán chiếm tỷ trọng 0,1% trong danh mục đầu tư của Quỹ bị tạm ngừng giao dịch, hủy niêm yết;
- (c) Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu, Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ không thể xác định được tại ngày giao dịch liền trước Ngày Giao Dịch Hoán Đổi do HOSE quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- (d) Cơ cấu lại danh mục đầu tư nhằm giảm mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu;
- (e) Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát, VSD không thể thực hiện được việc hoán đổi danh mục do xảy ra sự kiện Bất Khả Kháng;
- (f) HOSE ngừng cung cấp, công bố Chỉ Số Tham Chiếu mà chưa có chỉ số tham chiếu thay thế;
- (g) Công Ty Quản Lý Quỹ đang trong giai đoạn chuyển đổi Chỉ Số Tham Chiếu sang một chỉ số tham chiếu khác theo chấp thuận của UBCKNN;
- (h) Các trường hợp khác phù hợp với quy định của Pháp Luật và Điều Lệ của Quỹ.

12.14.2 Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra các sự kiện nêu trên, Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo với UBCKNN đồng thời công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của HOSE. Công Ty Quản Lý Quỹ, Thành Viên Lập Quỹ, Đại Lý Phân Phối sẽ phải nối lại việc tiếp nhận và thực hiện hoán đổi danh mục cho Nhà Đầu Tư ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.

12.14.3 Thời hạn tạm ngừng giao dịch hoán đổi thực hiện theo quy định tại Điều Lệ của Quỹ nhưng không được kéo dài quá ba mươi (30) ngày kể từ Ngày Giao Dịch Hoán Đổi gần nhất. Trường hợp tạm ngừng giao dịch hoán đổi do nguyên nhân quy định tại điểm (a), (b) và (c) của mục 12.14.1, thời hạn tạm ngừng nhận, thực hiện Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi tối đa là ba Ngày Làm Việc trước và sau khi kết thúc các sự kiện đó.

12.14.4 Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm ngừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ mà các nguyên nhân dẫn tới tình trạng tạm ngừng hoạt động chưa được khắc phục, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường hoặc lấy ý kiến Đại Hội Nhà Đầu Tư bằng văn bản về việc giải thể Quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm ngừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ. Trong thời hạn triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm ngừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ chấm dứt, Công Ty Quản Lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư.

12.15 THÀNH VIÊN LẬP QUỸ/ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI MUA DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU CHO NHÀ ĐẦU TƯ

Nhà Đầu Tư được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản khác cho Thành Viên Lập Quỹ/Đại Lý Phân Phối để Thành Viên Lập Quỹ/Đại Lý Phân Phối thực hiện việc mua đủ Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu cho Nhà Đầu Tư trước khi đặt Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi lấy Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư. Cơ chế thanh toán, lý lệ ký quỹ, việc bổ sung ký quỹ của Nhà Đầu Tư đối với Thành Viên Lập Quỹ, Đại Lý Phân Phối trong thời gian các tổ chức này thực hiện việc mua Chứng Khoán Cơ Cấu để hoán đổi thực hiện theo quy định của Thành Viên Lập Quỹ, Đại Lý Phân Phối phù hợp với quy chế giao dịch của VSD và HOSE.

12.16 THỰC HIỆN GIAO DỊCH CHUYỂN NHƯỢNG PHI THƯƠNG MẠI

Các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (tặng cho, thừa kế) Chứng Chỉ Quỹ sẽ được thực hiện tương tự như việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán niêm yết ngoài hệ thống giao dịch của HOSE được quy định tại Quy chế hoạt động đăng ký chứng khoán do HOSE ban hành.

12.17 YÊU CẦU ĐỐI VỚI HỒ SƠ ĐĂNG KÝ VÀ TUÂN THỦ

12.17.1 Nhận Biết Khách Hàng (KYC) Và Các Quy Định Về Phòng Chống Rửa Tiền (AML)

- (a) Đề nghị đăng ký góp vốn lập quỹ được soạn thảo để đáp ứng các yêu cầu áp dụng cho các công ty quản lý quỹ nhằm tuân thủ các quy định về nhận biết khách hàng (“**KYC**”) và các quy định về phòng chống rửa tiền (“**AML**”). Vì vậy toàn bộ các giấy tờ và khai báo trong đề nghị đăng ký góp vốn lập quỹ cần được hoàn tất đầy đủ và trung thực. Ngoài ra, khi Nhà Đầu Tư đăng ký mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Thành Viên Lập Quỹ hoặc Đại Lý Phân Phối để thực hiện giao dịch Hoán Đổi Danh Mục, Nhà Đầu Tư có thể phải tuân thủ các quy định về KYC và AML theo yêu cầu của Thành Viên Lập Quỹ/Đại Lý Phân Phối.
- (b) Theo quy định của Pháp Luật, tất cả Nhà Đầu Tư bắt buộc phải cung cấp giấy tờ và các thông tin bổ sung theo quy định về KYC và AML. Nhà Đầu Tư và các bên liên quan của Nhà Đầu Tư (nếu có yêu cầu) có thể phải cung cấp các thông tin và khai báo bổ sung nhằm tuân thủ các quy định của nước ngoài về KYC và AML. Các đề nghị đăng ký góp vốn lập quỹ hoặc mở tài khoản giao dịch Chứng Chỉ Quỹ không có đủ hồ sơ hoặc thông tin theo yêu cầu có thể bị từ chối.
- (c) Nhà Đầu Tư phải đảm bảo rằng số tiền đầu tư phải từ nguồn hợp pháp và không có nguồn gốc từ các hành vi vi phạm Pháp Luật cũng như không vi phạm các điều khoản của Pháp Luật áp dụng về thuế thu nhập, quy định về AML, quy định về chống tham nhũng và chống hối lộ và/hoặc các quy định khác ban hành bởi nhà nước Việt Nam hay nhà nước sở tại của Nhà Đầu Tư ở các thời điểm khác nhau.
- (d) Nhà Đầu Tư cư trú ngoài lãnh thổ Việt Nam có nhu cầu mua/bán Chứng Chỉ Quỹ phải đảm bảo tuân thủ các quy định và về pháp luật áp dụng tại nước sở tại của mình. Nhà Đầu Tư chịu trách nhiệm tuân thủ các quy định về thuế, ngoại hối hay các quy định khác áp dụng đối với giao dịch mua và bán Chứng Chỉ Quỹ. Theo quy định hiện tại của Việt Nam, Nhà Đầu Tư nước ngoài cần

mở một tài khoản vốn đầu tư gián tiếp (Indirect Investment Capital Account, gọi tắt là “IICA”) bằng tiền Đồng Việt Nam tại một ngân hàng được phép hoạt động và cung cấp dịch vụ tài khoản IICA ở Việt Nam. Tất cả các giao dịch đầu tư, nhận cổ tức, mua/bán ngoại tệ để chuyển tiền đầu tư ra nước ngoài và các hoạt động liên quan khác đều phải được thực hiện qua tài khoản IICA này. Nhà Đầu Tư cần tham khảo các ý kiến tư vấn về luật và thuế để có thông tin phù hợp đối với các giao dịch của mình.

- (e) Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thực hiện, yêu cầu Thành Viên Lập Quỹ, Đại Lý Phân Phối, tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan xây dựng, thiết lập hệ thống và tổ chức thực hiện quy trình tổng hợp thông tin, nhận diện khách hàng theo các quy định của pháp luật về phòng chống rửa tiền và các quy định của pháp luật về môi giới, giao dịch chứng khoán.
- (f) Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền từ chối giao dịch và/hoặc chấm dứt quan hệ kinh tế với nhà đầu tư tiềm năng, nhà đầu tư hiện hữu và/hoặc các bên thứ ba nếu vi phạm các quy định về phòng chống rửa tiền và/hoặc những quy định khác của Pháp Luật hiện hành.

12.17.2 Đạo Luật Tuân Thủ Thuế Đối Với Tài Khoản Ở Nước Ngoài Của Hoa Kỳ (“FATCA”)

- (a) FATCA đã được Quốc hội Hoa Kỳ thông qua vào tháng 3 năm 2010, có hiệu lực vào ngày 07 tháng 7 năm 2014. Đạo luật ra đời nhằm đảm bảo người nộp thuế Hoa Kỳ tuân thủ hệ thống luật thuế Hoa Kỳ và do đó thiết lập các yêu cầu về KYC tại các công ty cung cấp dịch vụ tài chính để xác minh khách hàng của mình. Chính phủ Việt Nam đã ký kết thỏa thuận liên chính phủ với Mỹ vào tháng 7 năm 2016 để cho phép các công ty cung cấp dịch vụ tài chính Việt Nam, bao gồm các ngân hàng, các công ty bảo hiểm, các công ty quản lý quỹ và các công ty chứng khoán, cung cấp báo cáo theo yêu cầu của Sở Thuế Vụ Hoa Kỳ tới cơ quan có trách nhiệm của Việt Nam là Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam.
- (b) VCFM, đã đăng ký với Sở Thuế Vụ Hoa Kỳ để trở thành tổ chức tài chính nước ngoài tham gia FATCA từ ngày 14 tháng 01 năm 2016.
- (c) Phù hợp với pháp luật Việt Nam, việc tuân thủ theo quy định của FATCA đòi hỏi Công Ty Quản Lý Quỹ phải cung cấp thông tin tới Sở Thuế Vụ Hoa Kỳ về các tài khoản được nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp bởi các Nhà Đầu Tư mà là người trả thuế Hoa Kỳ tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và các Nhà Đầu Tư mà là người trả thuế Hoa Kỳ kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2014.
- (d) Quỹ không đầu tư vào tài sản tạo ra thu nhập có nguồn gốc từ Hoa Kỳ và do đó Quỹ sẽ không bị ảnh hưởng bởi nghĩa vụ đóng thuế thu nhập theo FATCA cho các khoản thanh toán cho Nhà Đầu Tư. Tuy nhiên, ngoài nghĩa vụ báo cáo về tài khoản của người đóng thuế Hoa Kỳ, việc tuân thủ FATCA khiến cho Công Ty Quản Lý Quỹ, trong quá trình thu thập thông tin về Nhà Đầu Tư, sẽ phải yêu cầu Nhà Đầu Tư cung cấp thêm các thông tin để chứng minh tình trạng thuế của họ ngoài các thông tin đã cung cấp trong đề nghị đăng ký góp vốn lập quỹ. Các Thành Viên Lập Quỹ/Đại Lý Phân Phối sẽ chịu trách nhiệm thông báo và yêu cầu Nhà Đầu Tư cung cấp thêm tài liệu bổ sung để thực hiện nghĩa vụ nêu trên.
- (e) Việc tuân thủ FATCA có thể làm cho quy trình KYC kéo dài và do vậy có thể dẫn tới việc chậm trễ thời gian xử lý đề nghị đăng ký góp vốn lập quỹ hoặc mở tài khoản giao dịch Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư.

XIII. NIÊM YẾT, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ TRÊN HOSE (GIAO DỊCH THỨ CẤP) VÀ HỦY NIÊM YẾT

- 13.1 Trong thời hạn (tối đa ba mươi (30) ngày kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực, công ty quản lý quỹ sẽ hoàn tất các thủ tục niêm yết Chứng Chỉ Quỹ tại HOSE. Hồ sơ niêm yết Chứng Chỉ Quỹ thực hiện theo hướng dẫn của HOSE.
- 13.2 Nhà Đầu Tư thực hiện mua/bán Chứng Chỉ Quỹ đã niêm yết trên HOSE theo quy chế giao dịch chứng khoán của HOSE, và đảm bảo các nguyên tắc sau:

- (a) Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ đặt lệnh giao dịch Chứng Chỉ Quỹ trên các tài khoản giao dịch chứng khoán của mình. Hoạt động giao dịch và thanh toán giao dịch thực hiện theo quy định về giao dịch chứng khoán của HOSE và VSD.
- (b) Đơn vị giao dịch thực hiện theo quy định của HOSE.
- (c) Chứng Chỉ Quỹ có thể được sử dụng trong hoạt động cho vay mua ký quỹ và các hoạt động khác phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán.
- (d) Thành Viên Lập Quỹ chỉ được bán Chứng Chỉ Quỹ (bán Chứng Khoán Cơ Cấu) trên hệ thống của HOSE khi bảo đảm có đủ Chứng Chỉ Quỹ (Chứng Khoán Cơ Cấu) để bán vào ngày thanh toán theo quy định của VSD. Số Chứng Chỉ Quỹ (Chứng Khoán Cơ Cấu) này bao gồm:
 - (i) số Chứng Chỉ Quỹ (số Chứng Khoán Cơ Cấu) đã có sẵn trên tài khoản của Thành Viên Lập Quỹ tại ngày thực hiện giao dịch;
 - (ii) số Chứng Chỉ Quỹ (số Chứng Khoán Cơ Cấu) nhận được trước hoặc vào ngày thanh toán từ giao dịch hoán đổi trên cơ sở Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu (số Chứng Chỉ Quỹ) có được trong các giao dịch mua trên thị trường; hoặc
 - (iii) giao dịch vay trên hệ thống của VSD đã thực hiện thành công trước đó.

13.3 Chứng Chỉ Quỹ bị hủy niêm yết trong các trường hợp sau:

- (a) Mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu (tracking error-TE) liên tục trong ba (03) tháng gần nhất vượt quá mức sai lệch tối đa theo quy định của HOSE (hiện tại là 10%), trong đó mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu của tuần hiện tại (t) được xác định theo công thức sau:

$$TE_t = \sqrt{n} \sqrt{\frac{1}{n-1} \sum_{i=-n}^{-1} (R_i - \bar{R})^2}$$

Trong đó: R_i là mức chênh lệch giữa biến động giá trị tài sản ròng của quỹ và biến động của chỉ số tham chiếu của tuần thứ i trở về trước, kể từ tuần hiện tại (t), được xác định theo công thức sau:

$$R_i = \ln \left[\frac{NAV_i}{NAV_{i-1}} \right] - \ln \left[\frac{Chỉ số tham chiếu_i}{Chỉ số tham chiếu_{i-1}} \right]$$

$$\bar{R} = \frac{1}{n} \sum_{i=-n}^{-1} R_i$$

$$n = 26$$

Trường hợp thời gian hoạt động của quỹ chưa tới sáu (06) tháng, n là số tuần, kể từ tuần giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực.

- (b) Không thể xác định được chỉ số tham chiếu vì các nguyên nhân bất khả kháng đã được quy định rõ tại bộ nguyên tắc về xác định chỉ số.
- (c) Quỹ giải thể theo quy định tại Điều 63 của Điều Lệ.
- (d) Số lượng Thành Viên Lập Quỹ không còn đủ hai thành viên trong thời hạn sáu (06) tháng liên tiếp.
- (e) Tổ chức kiểm toán không chấp nhận thực hiện kiểm toán hoặc có ý kiến không chấp nhận hoặc từ chối cho ý kiến đối với báo cáo năm tài chính gần nhất của Quỹ.
- (f) Công Ty Quản Lý Quỹ vi phạm chậm nộp báo cáo tài chính năm của Quỹ trong ba (03) năm liên tiếp.
- (g) UBCKNN, HOSE phát hiện Công Ty Quản Lý Quỹ giả mạo hồ sơ hoặc hồ sơ chứa đựng thông tin sai lệch nghiêm trọng ảnh hưởng đến quyết định của Nhà Đầu Tư.

- (h) Công Ty Quản Lý Quỹ tiếp tục vi phạm quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng chỉ quỹ ETF sau khi đã bị kiểm soát.
- (i) Công Ty Quản Lý Quỹ thay đổi sở giao dịch chứng khoán niêm yết chứng chỉ quỹ ETF.
- (j) Trong trường hợp HOSE xét thấy cần thiết để bảo vệ quyền lợi các Nhà Đầu Tư sau khi được sự chấp thuận của UBCKNN.

13.4 Trường hợp mức sai lệch của Quỹ vượt quá 80% mức sai lệch tối đa theo quy định của HOSE, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm báo cáo UBCKNN, HOSE, đồng thời công bố thông tin theo quy định trong vòng 24h, ngay sau khi phát sinh sự việc. Trong vòng ba (03) tháng, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư của Quỹ, bảo đảm mức sai lệch không vượt quá 80% mức sai lệch tối đa.

XIV. NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH GIÁ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

14.1 XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

14.1.1 Công Ty Quản Lý Quỹ chịu trách nhiệm xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ và Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Lô Chứng Chỉ Quỹ trên cơ sở giá thị trường hoặc giá hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ.

14.1.2 Công Ty Quản Lý Quỹ có thể ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan để xác định Giá Trị Tài Sản Ròng, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ và Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Lô Chứng Chỉ Quỹ theo quy định tại Điều Lệ. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định các Giá Trị Tài Sản Ròng liên quan là phù hợp các quy định của Pháp Luật và Giá Trị Tài Sản Ròng được tính chính xác.

14.1.3 Giá Trị Tài Sản Ròng của mỗi Lô Chứng Chỉ Quỹ bằng Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ chia cho tổng số Lô Chứng Chỉ Quỹ đang lưu hành tại thời điểm cuối Ngày Giao Dịch Hoán Đổi gần nhất trước Ngày Định Giá căn cứ vào báo cáo của Thành Viên Lập Quỹ/Đại Lý Chuyển Nhượng.

14.1.4 Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ là tổng giá thị trường hoặc giá hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày Định Giá.

14.1.5 Giá Trị Tài Sản Ròng tại mỗi Ngày Giao Dịch Hoán Đổi của Quỹ sẽ được tính làm tròn xuống đến hai (02) số thập phân sau dấu phẩy.

Ví dụ sau đây minh họa cách tính NAV của Quỹ tại một Ngày Định Giá T cụ thể theo các giả định được đưa ra:

Khoản mục	Giá trị (VND)
Tài sản	
Thị giá của tất cả chứng khoán tại ngày T-1 (1)	100.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày T-1 (2)	20.000.000.000
Tài sản khác tại ngày T-1 (3)	5.000.000.000
Tổng tài sản tại ngày T-1 [(4) = (1) + (2) + (3)]	125.000.000.000
Tổng nợ phải trả (đã bao gồm tất cả chi phí, kể cả Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ) tại ngày T-1 (5)	(10.000.000.000)
NAV của Quỹ tại Ngày Định Giá T [(6) = (4) - (5)]	115.000.000.000
Số lượng Chứng Chỉ Quỹ đang lưu hành tại thời điểm cuối Ngày Giao Dịch gần nhất (7)	10.000.000
NAV/Chứng Chỉ Quỹ [(8) = (6)/(7)]	11.500

14.1.6 Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Lô Chứng Chỉ Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ phải được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân Hàng Giám Sát đã được Công Ty

Quản Lý Quỹ chấp thuận. Trường hợp Giá Trị Tài Sản Ròng bị định giá sai, Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm thông báo và yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ điều chỉnh kịp thời trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi lỗi được phát hiện.

- 14.1.7** Sau khi được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận, Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Lô Chứng Chỉ Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ được công bố hàng ngày trên các trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, HOSF, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, Thành Viên Lập Quỹ/Đại Lý Phân Phối theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

14.2 NGÀY ĐỊNH GIÁ

Ngày Định Giá là ngày xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, bao gồm: (i) tất cả các Ngày Giao Dịch Hoán Đổi; và (ii) những ngày mà Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ được xác định cho mục đích báo cáo (tuần, tháng, quý, năm) theo quy định của Pháp Luật hoặc các mục đích khác do Công Ty Quản Lý Quỹ xác định. Trong trường hợp Ngày Định Giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì Ngày Định Giá là Ngày Làm Việc kế tiếp liền ngay sau đó.

14.3 NGUYÊN TẮC, PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN RÒNG

14.3.1 Nguyên Tắc Xác Định Giá Trị Tài Sản Ròng:

Công Ty Quản Lý Quỹ phải đảm bảo:

- (a) Giá trị tài sản được định giá một cách chính xác, phù hợp với các quy định trong “Sổ tay định giá” do Công Ty Quản Lý Quỹ xây dựng phù hợp với quy định của pháp luật và được Ban Diện Quỹ phê duyệt và cũng được ghi rõ tại mục 14.3.2 của Bản Cáo Bạch này.
- (b) Việc định giá phải phản ánh chính xác, kịp thời và đầy đủ các giao dịch đầu tư.
- (c) Các khoản mục định giá (bao gồm cổ phiếu, tiền mặt và các khoản đầu tư khác) phải thường xuyên được đối chiếu với chứng từ gốc. Các khoản không thống nhất phải được xử lý kịp thời.
- (d) Cổ tức, quyền mua cổ phiếu và cổ phiếu thưởng phải được hạch toán vào tài sản của quỹ (trừ trường hợp phải hạch toán theo nguyên tắc thận trọng).
- (e) Những khoản chi phí, lãi và cổ tức phải được hạch toán lũy kế đến thời điểm định giá theo một tỷ lệ lãi suất cố định.
- (f) Các khoản mục thuế, phí, lệ phí cần được xem xét và điều chỉnh kịp thời theo quy định của pháp luật.
- (g) Xác lập các mức dao động cho phép hợp lý đối với những biến động của các yếu tố quan trọng khi định giá.
- (h) Thường xuyên rà soát, kiểm tra quy trình định giá danh mục đầu tư. Kết quả kiểm tra phải được lưu giữ.
- (i) Việc đối chiếu các chứng từ về tài sản của quỹ với Ngân hàng giám sát cần được thực hiện định kỳ tối thiểu mỗi tháng một lần.

Ngân Hàng Giám Sát phải đảm bảo:

- (a) Thường xuyên kiểm tra, giám sát để đảm bảo rằng Công Ty Quản Lý Quỹ có nguyên tắc, quy trình, phương pháp xác định và hệ thống giám sát việc xác định giá chứng khoán hoặc Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ được thực hiện theo các quy định của pháp luật và tại Điều Lệ của Quỹ.

- Việc kiểm tra, giám sát thường xuyên phải được duy trì đối với bên thứ ba được Công Ty Quản Lý Quỹ uỷ quyền thực hiện các hoạt động này.
- (b) Việc rà soát các nguyên tắc, quy trình, phương pháp xác định giá và hệ thống giám sát việc xác định giá phải được thực hiện ngay sau khi hợp đồng giám sát ký với Công Ty Quản Lý Quỹ có hiệu lực.
 - (c) Việc rà soát phải được thực hiện thường xuyên hơn khi Ngân Hàng Giám Sát biết hoặc nghi ngờ rằng nguyên tắc, quy trình, phương pháp xác định giá và hệ thống giám sát việc xác định giá của Công Ty Quản Lý Quỹ không đáp ứng yêu cầu.
 - (d) Ngân Hàng Giám Sát phải đảm bảo rằng mọi vấn đề phát hiện từ những lần kiểm tra, giám sát đều được theo dõi và có biện pháp giải quyết thích hợp.

Công Ty Quản Lý Quỹ phải thông báo cho Ngân Hàng Giám Sát mỗi khi phát hiện các trường hợp định giá không chính xác. Ngân Hàng Giám Sát phải nộp báo cáo tháng, quý, năm gửi UBCKNN tổng kết về các trường hợp định giá không chính xác trong kỳ.

14.3.2 Phương Pháp Định Giá Tài Sản Ròng

Phương pháp xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Lô Chứng Chỉ Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ sẽ được ghi rõ trong sổ tay định giá và tuân thủ quy định của Pháp Luật và thông lệ quốc tế tốt nhất. Sổ tay định giá phải được Ngân Hàng Giám Sát chấp thuận. Những thay đổi trong sổ tay định giá phải được Ngân Hàng Giám Sát và Ban Đại Diện Quỹ đồng ý.

Phương pháp xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ được xây dựng dựa trên sổ tay định giá với các chi tiết như sau (bên cạnh các chi tiết khác):

STT	Loại Tài Sản	Nguyên Tắc Định Giá Giao Dịch Trên Thị Trường
Tiền Và Các Khoản Tương Đương Tiền, Công Cụ Thị Trường Tiền Tệ		
1	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày Định Giá.
2	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước Ngày Định Giá.
3	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày Định Giá.
4	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá.
5	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Theo thứ tự ưu tiên từ (i) đến (ii): (i) Được xác định theo giá thị trường, là giá yết trên hệ thống giao dịch của sở giao dịch chứng khoán; (ii) Trong trường hợp không có giá thị trường, thì giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lợi suất nội suy tuyến tính từ lãi suất trúng thầu gần nhất trước Ngày Định Giá hoặc một lãi suất khác do Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận và thời gian nắm giữ công cụ đó.
Trái Phiếu		

6	Trái phiếu niêm yết	Được xác định theo giá yết cuối ngày của giao dịch thông thường trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá cộng lãi lũy kế. Trong trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước Ngày Định Giá, giá trái phiếu là giá được xác định theo một trong các phương pháp sau đây, được thực hiện theo thứ tự ưu tiên từ (i) đến (iii): (i) Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc (ii) Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc (iii) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
Cổ Phiếu		
7	Cổ phiếu niêm yết trên HOSE hoặc HNX	Được xác định theo giá thị trường, là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của sở giao dịch chứng khoán liên quan) tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá. Trong trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước Ngày Định Giá, giá cổ phiếu là giá được xác định theo một trong các phương pháp sau đây, được thực hiện theo thứ tự ưu tiên từ (i) đến (iii): (i) Giá trị sổ sách; hoặc (ii) Giá mua; hoặc (iii) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
8	Cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	Được xác định theo giá thị trường, là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của sở giao dịch chứng khoán liên quan) tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá. Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước Ngày Định Giá, giá cổ phiếu là giá được xác định theo một trong các phương pháp sau đây, được thực hiện theo thứ tự ưu tiên từ (i) đến (iii): (i) Giá trị sổ sách; hoặc (ii) Giá mua; hoặc (iii) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
9	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá sau: (i) Tám mươi phần trăm (80%) giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày Định Giá; hoặc (ii) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.

10	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Sử dụng một trong các phương pháp sau để xác định giá, theo thứ tự ưu tiên từ (i) đến (iii): (i) Giá trị sổ sách; hoặc (ii) Mệnh giá; hoặc (iii) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
Chứng Khoán Phái Sinh		
11	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa tại ngày giao dịch trước gần nhất trước Ngày Định Giá
12	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng hai (02) tuần trở lên trước ngày định giá	Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận được nêu chi tiết trong sổ tay định giá.
Các Tài Sản Khác		
13	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận được nêu chi tiết trong sổ tay định giá.

Ghi chú:

- (i) Các phương pháp định giá được liệt kê cho mỗi loại tài sản sẽ được áp dụng theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới.
- (ii) Hướng dẫn chi tiết các phương pháp chiết khấu dòng tiền, phương pháp nội suy tuyến tính được quy định tại sổ tay định giá.
- (iii) Lãi lũy kế là khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước Ngày Định Giá.
- (iv) Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- (v) Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá trái phiếu (Reuters/Bloomberg/VBMA) để tham khảo.

14.3.2.1 Giá Trị Cam Kết Từ Các Hợp Đồng Phái Sinh

- (a) Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi thành tiền mà Quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.
- (b) Khi tính giá trị cam kết, Công Ty Quản Lý Quỹ được áp dụng các nguyên tắc xác định giá trị như sau:
 - (i) Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở. Ví dụ: vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;

- (ii) Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán. Ví dụ: vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
- (iii) Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

STT	Loại Tài Sản	Giá Trị Cam Kết
1	Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ¹ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × Khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng × giá thị trường hiện tại của cổ phiếu × hệ số delta ²
2	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ³ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × mệnh giá × giá thị trường hiện tại của trái phiếu × hệ số delta.
3	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị tính trên một điểm chỉ số × mức chỉ số hiện tại.
4	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) × giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao.
5	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn, thống nhất cùng Ngân Hàng Giám Sát và được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.

Ghi chú:

- (i) Nếu Quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).
- (ii) Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát xác định sau khi đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
- (iii) Nếu Quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

XV. GIÁ DỊCH VỤ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ VÀ CÁC LOẠI GIÁ DỊCH VỤ

15.1 GIÁ DỊCH VỤ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

Giá dịch vụ và chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch phát hành, mua lại, chuyển nhượng Chứng Chỉ Quỹ do Nhà Đầu Tư trực tiếp chi trả và không được tính vào chi phí của Quỹ. Phù hợp với các quy định của Pháp Luật và Điều Lệ của Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ được quyền thay đổi biểu giá dịch vụ này.

15.2 GIÁ DỊCH VỤ PHÁT HÀNH VÀ GIÁ PHÁT HÀNH

Giá Dịch Vụ Phát Hành được áp dụng khi Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư mua các Lô Chứng Chỉ Quỹ trong đợt phát hành lần đầu hoặc khi thực hiện giao dịch hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy các Lô Chứng Chỉ Quỹ. Giá Dịch Vụ Phát Hành được tính được tính (trên tỷ lệ phần trăm của giá trị giao dịch). Hiện nay Giá Dịch Vụ Phát Hành là không phần trăm (0%) trên giá trị giao dịch áp dụng cho cả Thành Viên Lập Quỹ và Nhà Đầu Tư.

Công Ty Quản Lý Quỹ có thể thay đổi Giá Dịch Vụ Phát Hành vào bất kỳ thời điểm nào nhưng phải đảm bảo không được vượt quá không phẩy năm phần trăm (0,5%) trên giá trị giao dịch (áp dụng đối với Thành

Viên Lập Quỹ) và một phần trăm (1%) trên giá trị giao dịch (áp dụng đối với Nhà Đầu Tư). Mọi thay đổi về mức Giá Dịch Vụ Phát Hành sẽ được cập nhật trong Bản Cáo Bạch cập nhật gần nhất.

Việc tăng Giá Dịch Vụ Phát Hành chỉ được thực hiện khi mức Giá Dịch Vụ Phát Hành sau khi tăng không vượt quá mức quy định tại Mục 15.2 này. Giá Dịch Vụ Phát Hành sau khi tăng chỉ được áp dụng sau chín mươi (90) ngày kể từ ngày Bản Cáo Bạch, Điều Lệ của Quỹ đã được sửa đổi, bổ sung quy định về mức giá dịch vụ mới và Công Ty Quản Lý Quỹ công bố về mức Giá Dịch Vụ Phát Hành mới trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.

Giá Phát Hành là mức giá mà Công Ty Quản Lý Quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy một Lô Chứng Chỉ Quỹ (bao gồm Chứng Chỉ Quỹ phát hành lần đầu ra công chúng). Giá Phát Hành bằng Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Lô Chứng Chỉ Quỹ tính tại cuối Ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch hoán đổi cộng Giá Dịch Vụ Phát Hành áp dụng cho giao dịch hoán đổi.

15.3 GIÁ DỊCH VỤ MUA LẠI VÀ GIÁ MUA LẠI

Giá Dịch Vụ Mua Lại được áp dụng khi Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư hoán đổi các Lô Chứng Chỉ Quỹ lấy Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu. Giá Dịch Vụ Mua Lại được tính bằng tỷ lệ phần trăm trên giá trị của Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi. Hiện nay Giá Dịch Vụ Mua Lại là không phần trăm (0%) trên giá trị giao dịch áp dụng đối với Thành Viên Lập Quỹ và không phải một phần trăm (0,1%) trên giá trị giao dịch áp dụng đối với Nhà Đầu Tư. Giá Dịch Vụ Mua Lại sẽ được trừ vào số tiền chênh lệch giữa giá trị của Lô Chứng Chỉ Quỹ và giá trị Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu, trong trường hợp Giá Dịch Vụ Mua Lại lớn hơn phần tiền chênh lệch, Nhà Đầu Tư phải chuyển khoản phần tiền còn thiếu này vào tài khoản của Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát chậm nhất vào 11h00 của Ngày Làm Việc liền sau Ngày Giao Dịch Hoán Đổi (ngày T+1).

Công Ty Quản Lý Quỹ có thể thay đổi Giá Dịch Vụ Mua Lại vào bất kỳ thời điểm nào. Ngoài ra, Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền thay đổi cơ cấu phí để có thể thêm vào các hạn chế bán, áp dụng giá bán khác hoặc phí chống pha loãng. Tuy nhiên, Công Ty Quản Lý Quỹ phải đảm bảo Giá Dịch Vụ Mua Lại không được vượt quá không phải năm phần trăm (0,5%) trên giá trị giao dịch (áp dụng đối với Thành Viên Lập Quỹ) và một phần trăm (1%) trên giá trị giao dịch (áp dụng đối với Nhà Đầu Tư). Mọi thay đổi về mức Giá Dịch Vụ Mua Lại sẽ được cập nhật trong Bản Cáo Bạch cập nhật gần nhất.

Việc tăng Giá Dịch Vụ Mua Lại chỉ được thực hiện khi mức Giá Dịch Vụ Mua Lại sau khi tăng không vượt quá mức quy định tại Mục 15.3 này. Giá Dịch Vụ Mua Lại sau khi tăng chỉ được áp dụng sau chín mươi (90) ngày kể từ ngày Bản Cáo Bạch, Điều Lệ của Quỹ đã được sửa đổi, bổ sung quy định về mức giá dịch vụ mới và Công Ty Quản Lý Quỹ công bố các mức Giá Dịch Vụ Mua Lại mới trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.

Giá Mua Lại là mức giá mà Công Ty Quản Lý Quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc hoán đổi một Lô Chứng Chỉ Quỹ lấy Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu. Giá Mua Lại bằng Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Lô Chứng Chỉ Quỹ tính tại cuối ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ Giá Dịch Vụ Mua Lại áp dụng cho giao dịch hoán đổi.

15.4 CÁC LOẠI GIÁ DỊCH VỤ DO QUỸ TRẢ

Chỉ có các loại giá dịch vụ, phí và các chi phí liên quan trực tiếp hoặc đóng góp vào các hoạt động và điều hành của Quỹ mới được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ.

Xin lưu ý các giá dịch vụ, phí dưới đây là các mức giá dịch vụ, phí đang được áp dụng tại ngày của Bản Cáo Bạch này và các loại giá dịch vụ, phí này có thể sẽ thay đổi trong tương lai.

15.5 GIÁ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ

Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ được tính bằng không phẩy sáu mươi bảy phần trăm (0,67%) một năm trên Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ tại Ngày Định Giá liên quan và được Quỹ thanh toán hàng tháng cho Công Ty Quản Lý Quỹ. Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ thu hàng tháng là tổng Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá trong tháng.

Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ của kỳ định giá = 0,67% x NAV tại ngày Ngày Định Giá x số ngày thực tế trong kỳ / 365 hoặc 366 (nếu là năm nhuận)

15.6 THUỒNG HOẠT ĐỘNG

Quỹ không áp dụng chính sách thưởng hoạt động.

15.7 GIÁ DỊCH VỤ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Giá Dịch Vụ Ngân Hàng Giám Sát là không phẩy không hai phần trăm (0,02%) một (01) năm trên NAV với mức tối thiểu là năm triệu (5.000.000) đồng một (01) tháng. Giá Dịch Vụ Ngân Hàng Giám Sát được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Ngân Hàng Giám Sát. Giá dịch vụ trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

15.8 GIÁ DỊCH VỤ LƯU KÝ

Giá Dịch Vụ Lưu Ký là không phẩy không sáu phần trăm (0,06%) một (01) năm trên NAV với mức tối thiểu là hai mươi triệu (20.000.000) đồng một (01) tháng. Giá Dịch Vụ Lưu Ký được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Ngân Hàng Giám Sát. Giá dịch vụ trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

15.9 GIÁ DỊCH VỤ QUẢN TRỊ QUỸ

Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ là không phẩy không ba phần trăm (0,03%) một (01) năm trên NAV với mức tối thiểu là mười lăm triệu (15.000.000) đồng một (01) tháng. Giá Dịch Vụ Quản Trị quỹ được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Giá dịch vụ trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

15.10 GIÁ DỊCH VỤ ĐẠI LÝ CHUYỂN NHƯỢNG

Giá Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Đại Lý Chuyển Nhượng. Chi tiết các phí khác liên quan đến dịch vụ Đại Lý Chuyển Nhượng như sau:

Loại dịch vụ	Mức giá dịch vụ (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)
- Giá dịch vụ cố định hàng tháng	5.000.000 VNĐ/ tháng
- Giá dịch vụ giao dịch mua/ bán (khi phát sinh)	Miễn phí
- Giá dịch vụ thiết lập, duy trì thông tin dữ liệu về nhà đầu tư, thành viên lập quỹ, đại lý phân phối	Miễn phí
- Giá dịch vụ kết nối: Khởi tạo kết nối lần đầu và duy trì kết nối hàng tháng	Miễn phí
- Giá dịch vụ phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư (nếu có)	Miễn phí

- Giá dịch cung cấp thông tin giao dịch hàng ngày và kết quả giao dịch tại các ngày giao dịch	Miễn phí
---	----------

Trong mọi trường hợp, tổng Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ, Giá Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng, Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ, Giá Dịch Vụ Tính Toán iNAV phải đảm bảo tuân thủ mức tối đa 2%/năm tính trên tổng Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ theo quy định của Pháp Luật.

15.11 GIÁ DỊCH VỤ QUẢN LÝ VÀ VẬN HÀNH CHỈ SỐ THAM CHIẾU

Giá dịch vụ quản lý và vận hành Chỉ Số Tham Chiếu là 0,02% một năm tính trên tổng NAV hàng ngày của Quỹ, tối thiểu là năm mươi triệu (50.000.000) đồng/năm. Giá dịch vụ quản lý và vận hành Chỉ Số Tham Chiếu được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán mỗi 6 (sáu) tháng một lần cho HOSE. Giá dịch vụ trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

15.12 GIÁ DỊCH VỤ TÍNH TOÁN GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG THAM CHIẾU (iNAV) TRÊN MỘT CHỨNG CHỈ QUỸ

Giá dịch vụ tính toán Giá Trị Tài Sản Ròng tham chiếu (iNAV) trên một chứng chỉ quỹ là 0,02% một năm tính trên tổng NAV hàng ngày của Quỹ, tối thiểu là năm mươi triệu (50.000.000) đồng/năm. Giá dịch vụ tính toán iNAV được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán mỗi 6 (sáu) tháng một lần cho HOSE. Giá dịch vụ trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

15.13 GIÁ DỊCH VỤ KIỂM TOÁN

Giá dịch vụ kiểm toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với công ty kiểm toán và sẽ được xác định hàng năm vào cuối năm tài chính của Quỹ. Giá dịch vụ kiểm toán nằm trong ngân sách hoạt động của Quỹ và được Đại Hội Nhà Đầu Tư phê duyệt hàng năm.

15.14 THÙ LAO CHO BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các chi phí của Ban Đại Diện Quỹ sẽ được tính vào chi phí của Quỹ. Chi phí cũng có thể bao gồm các chi phí bảo hiểm trách nhiệm phát sinh đối với Ban Đại Diện Quỹ liên quan đến việc thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ đối với Quỹ. Thù lao của một thành viên độc lập của Ban Đại Diện Quỹ sẽ nằm trong mức ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Đại Diện Quỹ đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua.

Các thành viên Ban Đại Diện Quỹ là nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ (nếu có) sẽ không nhận thù lao.

Hàng quý căn cứ trên biên bản họp của Ban đại diện Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc tổ chức ủy quyền cung cấp dịch vụ quản trị quỹ sẽ làm lệnh chuyển tiền thù lao cho thành viên Ban Đại Diện Quỹ sau khi khấu trừ thuế thu nhập cá nhân không thường xuyên của thành viên Ban Đại Diện Quỹ theo quy định của pháp luật liên quan để nộp vào ngân sách nhà nước. Ngân Hàng Giám Sát sẽ giám sát đảm bảo việc thanh toán là phù hợp với quy định của Pháp Luật và Điều Lệ của Quỹ.

15.15 CHI PHÍ KHÁC

Các chi phí khác mà Quỹ có thể phải chi trả bao gồm:

- (a) Phí môi giới cho các giao dịch của Quỹ;
- (b) Chi phí in ấn, vi dụ in các tài liệu cho Nhà Đầu Tư hoặc Ban Đại Diện Quỹ theo quy định Pháp Luật và Điều Lệ và các tài liệu khác;
- (c) Phí định giá độc lập cho các khoản đầu tư cụ thể của Quỹ (chỉ khi cần thiết), ví dụ như định giá các khoản chứng khoán chưa niêm yết;

- (d) Chi phí phát sinh cho bất kỳ Đại Hội Nhà Đầu Tư hay cuộc họp nào của Ban Đại Diện Quỹ và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ;
- (e) Chi phí pháp lý liên quan đến việc thành lập, hoạt động và các giao dịch của Quỹ và các loại phí/chi phí khác mà Pháp Luật cho phép;
- (f) Thuế và các loại phí bắt buộc theo quy định của Pháp Luật hoặc theo yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng cho Quỹ; và
- (g) Các chi phí khác được Pháp Luật hoặc Điều Lệ cho phép.

15.16 CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG

Tỷ lệ chi phí hoạt động thực tế của Quỹ, tốc độ vòng quay danh mục cùng với các chỉ tiêu hoạt động khác của Quỹ được báo cáo và công bố thông tin hàng tháng, hàng quý, bán niên và cuối năm tại trang điện tử chính thức của Công Ty Quản Lý Quỹ, wm.vinacapital.com, theo quy định của Pháp Luật.

XVI. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN VÀ CHÍNH SÁCH THUẾ

16.1 PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

16.1.1 Việc phân chia lợi nhuận của Quỹ cho Nhà Đầu Tư sẽ do Công ty Quản Lý Quỹ đề xuất trên cơ sở các báo cáo tài chính đã kiểm toán xác nhận có đủ lợi nhuận để phân phối và được Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (nếu được ủy quyền). Lợi nhuận của Quỹ sẽ không được phân phối nếu sau khi phân phối:

- (a) Quỹ không còn đủ khả năng tài chính để thực hiện các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Quỹ theo quy định của Pháp Luật; hoặc
- (b) Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ giảm xuống dưới mức tối thiểu theo quy định của Điều Lệ hoặc của Pháp Luật.

16.1.2 Lịch trình và kế hoạch phân chia lợi nhuận phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.

16.1.3 Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Chứng Chỉ Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận bằng Chứng Chỉ Quỹ phải được sự chấp thuận trước của Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại Diện Quỹ (nếu Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ quyết định phù hợp với quy định tại Điều Lệ của Quỹ) và phải đảm bảo Quỹ có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính ký gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

16.1.4 Nguồn để phân chia lợi nhuận Quỹ phải đáp ứng ba điều kiện sau:

- (a) Lợi nhuận lũy kế cho đến cuối năm tài chính mà Công Ty Quản Lý Quỹ đề xuất phân chia lợi nhuận phải dương sau khi trừ đi các chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động của Quỹ;
- (b) Nguồn chia là từ lợi nhuận đã thực hiện của Quỹ trong quá trình hoạt động; và
- (c) Sau khi trừ số lợi nhuận dự kiến sẽ phân chia cho Nhà Đầu Tư, số lợi nhuận lũy kế còn lại cho đến cuối năm tài chính mà Công Ty Quản Lý Quỹ đề xuất phân chia lợi nhuận vẫn phải lớn hơn hoặc bằng không (không được âm).

16.1.5 Công Ty Quản Lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của Pháp Luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà Đầu Tư.

16.1.6 Sau khi phân chia lợi nhuận, Công Ty Quản Lý Quỹ phải gửi cho Nhà Đầu Tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận Quỹ, bao gồm các nội dung sau:

- (a) Hình thức phân chia lợi nhuận (bằng tiền hoặc bằng Chứng Chỉ Quỹ);
- (b) Tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận;
- (c) Giá trị lợi nhuận được phân chia, số lượng Chứng Chỉ Quỹ phát hành để phân chia (trong trường hợp chia lợi nhuận bằng Chứng Chỉ Quỹ);
- (d) Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ trước khi phân chia lợi nhuận và sau khi phân chia

- lợi nhuận; và
(e) Các ảnh hưởng tác động tới Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ.

- 16.1.7 Thông tin về hoạt động phân chia lợi nhuận của Quỹ hoặc phân chia tài sản của Quỹ đã thực hiện phải được cập nhật tại các Bản Cáo Bạch sửa đổi, bổ sung sau đó.
- 16.1.8 Trường hợp Nhà Đầu Tư đã chuyển nhượng số Chứng Chỉ Quỹ của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách Nhà Đầu Tư và thời điểm chỉ trả thì người chuyển nhượng là người nhận lợi nhuận.
- 16.1.9 Vì quyền lợi của Nhà Đầu Tư, Ban Đại Diện Quỹ có thể quyết định không phân chia lợi nhuận của Quỹ cho Nhà Đầu Tư. Ban Đại Diện Quỹ sẽ chịu trách nhiệm giải trình trước Đại Hội Nhà Đầu Tư về quyết định liên quan đến chính sách lợi nhuận của Quỹ.

16.2 CHÍNH SÁCH THUẾ

- 16.2.1 Thông tin cung cấp tại Bản Cáo Bạch này chỉ cho mục đích chung và được dựa trên các quy định của Pháp Luật và thực tiễn hiện đang áp dụng tại Việt Nam. Các thông tin này không thể được coi là tư vấn liên quan đến các vấn đề về thuế hoặc Pháp Luật đối với việc đầu tư của Nhà Đầu Tư vào Quỹ. Nhà Đầu Tư cần hiểu rằng các quy định về thuế có liên quan và việc diễn giải các quy định này có thể thay đổi. Không có sự đảm bảo rằng quy định về thuế hiện hành tại thời điểm đầu tư vào Quỹ sẽ không thay đổi hoặc tồn tại vô thời hạn.
- 16.2.2 Do các quy định về thuế được áp dụng khác nhau cho từng cá nhân, pháp nhân cụ thể, Nhà Đầu Tư cụ thể, nên tham khảo ý kiến tư vấn của các nhà tư vấn thuế chuyên nghiệp của mình đối với các nghĩa vụ thuế cụ thể và những vấn đề về tài chính liên quan đến việc đầu tư vào Quỹ.
- 16.2.3 Bản tóm tắt sau đây phác thảo các vấn đề liên quan về thuế áp dụng đối với Nhà Đầu Tư dựa trên Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007, Luật số 26/2012/QH13 ngày 22 tháng 11 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 06 năm 2008, Luật số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các quy định Pháp Luật có liên quan, đặc biệt là, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 08 năm 2014, Thông tư 72/2006/TT-BTC ngày 10 tháng 08 năm 2006, Thông tư 100/2004/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2004, Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2015, Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014 và các quy định liên quan khác.

Nhà Đầu Tư	Thuế thu nhập trên thu nhập phát sinh từ		
	Cổ tức	Bán Chứng Chỉ Quỹ	Quà tặng/ Thừa kế
Cá nhân cư trú là người Việt Nam	5% ^(*)	0,1% giá trị giao dịch ^(*)	10% trên giá trị quà tặng/thừa kế là Chứng Chỉ Quỹ cao hơn 10 triệu VND
Cá nhân cư trú là người nước ngoài	5% ^(*)	0,1% giá trị giao dịch ^(*)	10% trên giá trị quà tặng/thừa kế là Chứng Chỉ Quỹ cao hơn 10 triệu VND
Tổ chức trong nước (được thành lập tại Việt Nam)	20%, ngoại trừ trường hợp cổ tức được phân phối đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ^(*)	Lợi nhuận từ việc bán Chứng Chỉ Quỹ được gộp vào thu nhập chịu thuế và được quyết toán hàng năm với mức thuế suất 20%	Lợi nhuận từ quà tặng/thừa kế là Chứng Chỉ Quỹ sẽ được gộp vào thu nhập chịu thuế và được quyết toán hàng năm với mức thuế suất 20%
Tổ chức nước ngoài (được thành lập ngoài lãnh thổ Việt Nam)	20%, ngoại trừ trường hợp cổ tức được phân phối đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ^(*)	0,1% giá trị giao dịch ^(*)	0,1% giá trị giao dịch ^(***)

(*) Khấu trừ tại nguồn

(**) Không có quy định cụ thể về việc đánh thuế đối với tổ chức nước ngoài nhận quà tặng/thừa kế dưới hình thức chứng khoán. Tuy nhiên, việc nhận quà tặng/thừa kế sẽ dẫn đến giao dịch chuyển nhượng Chứng Chỉ Quỹ từ bên cho/để thừa kế cho bên nhận. Theo quy định tại Thông Tư 103/2014/TT-BTC, mức thuế đánh trên giao dịch chuyển nhượng chứng khoán là 0,1% giá trị chuyển nhượng và số thuế này sẽ được khấu trừ tại nguồn. Tuy nhiên, Nhà Đầu Tư cần tham khảo ý kiến tư vấn của các nhà tư vấn thuế chuyên nghiệp để xác định mức thuế thu nhập doanh nghiệp đánh trên quà tặng/tài sản được thừa kế dưới hình thức chứng khoán đối với người nhận quà tặng/tài sản được thừa kế là tổ chức nước ngoài và thực hiện nghĩa vụ về thuế theo quy định của Pháp Luật.

16.2.4 Bảng thuế suất nêu tại Mục 16.2.3 bên trên chỉ mang tính minh họa về thuế trên cơ sở các quy định của Pháp Luật hiện hành và chỉ cho mục đích tham khảo. Nhà Đầu Tư phải tự tìm hiểu về mức thuế áp dụng đối với trường hợp cụ thể của mình. Việc khấu trừ thuế tại nguồn áp dụng đối với giao dịch Chứng Chỉ Quỹ sẽ được thực hiện phù hợp với Pháp Luật đang có hiệu lực áp dụng tại thời điểm thực hiện giao dịch, và do đó, có thể khác biệt so với mức thuế thể hiện trên bảng nêu trên. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ không có nghĩa vụ thông báo hoặc giải thích về sự khác biệt giữa mức thuế thực tế khấu trừ tại nguồn với mức thuế thể hiện trên bảng nêu trên. Nhà Đầu Tư phải tự tìm hiểu hoặc hỏi ý kiến chuyên gia tư vấn thuế về trường hợp cụ thể của mình.

XVII. KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

17.1 Công ty kiểm toán của Quỹ sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn và đề xuất để Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải được thành lập và hoạt động phù hợp với quy định của Pháp Luật, thuộc danh sách các công ty kiểm toán được UBCKNN chấp thuận và không được là Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát. Hàng năm, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đề xuất với Đại Hội Nhà Đầu tư hoặc Ban Đại Diện Quỹ (nếu được Đại Hội Nhà Đầu Tư ủy quyền) ít

nhất hai (02) công ty kiểm toán để kiểm toán cho Quỹ.

- 17.2 Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan đến kế toán theo quy định của Pháp Luật và các cơ quan có thẩm quyền. Đồng tiền sử dụng trong kế toán và giao dịch của Quỹ là Đồng Việt Nam.
- 17.3 Năm tài chính của Quỹ được xác định là năm dương lịch kết thúc ngày 31 tháng 12. Nếu Quỹ hoạt động dưới 3 tháng trong năm đầu tiên, năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.
- 17.4 Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính thường kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ.
- 17.5 Các báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính hàng năm sẽ được soát xét bán niên và kiểm toán độc lập hàng năm bởi công ty kiểm toán được lựa chọn. Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quỹ phải được gửi đến từng thành viên Ban Đại Diện Quỹ và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ để các Nhà Đầu Tư có thể tham khảo.
- 17.6 Công Ty Quản Lý Quỹ phải tuân thủ các quy định của UBCKNN về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Quỹ.

XVIII. GIẢI QUYẾT XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

- 18.1 Công Ty Quản Lý Quỹ có nghĩa vụ, theo Điều Lệ, Pháp Luật và theo thông lệ quốc tế tốt nhất, tại mọi thời điểm hoạt động vì lợi ích của của Quỹ và Nhà Đầu Tư, và quản lý một cách công bằng, minh bạch và liêm chính đối với tất cả các quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý bằng cách:
- (a) tách bạch các chiến lược đầu tư và mục tiêu của mỗi quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý;
 - (b) tách bạch giữa tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ với tài sản của các quỹ và tài sản của các nhà đầu tư ủy thác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý; và
 - (c) tách bạch tài sản giữa các quỹ được quản lý bởi Công Ty Quản Lý Quỹ.
- 18.2 Tất cả các giao dịch chứng khoán của các thành viên Ban Điều Hành, Chủ tịch và các thành viên của Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, người giám sát tuân thủ, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ phải được báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và sau khi giao dịch theo đúng quy định của Pháp Luật và quy chế quản trị nội bộ của Công Ty Quản Lý Quỹ.
- 18.3 Bộ phận kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro của Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ chịu trách nhiệm theo dõi và giám sát các xung đột lợi ích thực tế hoặc có khả năng xảy ra. Trong trường hợp xung đột lợi ích phát sinh, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thông báo và thảo luận với Ban Đại Diện Quỹ để thống nhất phương án khắc phục nhằm giảm thiểu hoặc quản lý các xung đột đó.
- 18.4 Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ được phép giao dịch Chứng Chỉ Quỹ theo phương thức giống như các Nhà Đầu Tư khác theo quy định tại Điều Lệ của Quỹ và Bản Cáo Bạch này.

XIX. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NHÀ ĐẦU TƯ

19.1 BÁO CÁO CHO NHÀ ĐẦU TƯ

Hàng tháng, quý, năm Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ gửi thông kê giao dịch, sao kê tài khoản giao dịch, báo cáo giá trị NAV và các thay đổi NAV của Quỹ và các báo cáo khác theo quy định Pháp Luật cho Nhà Đầu Tư.

19.2 BÁO CÁO QUỸ

Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ công bố hoặc cung cấp cho Nhà Đầu Tư các thông tin sau:

- (a) Điều Lệ, Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, báo cáo tài chính bán niên đã soát xét, báo cáo tài

- chính năm đã kiểm toán;
- (b) Báo cáo tổng kết về hoạt động quản lý quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ, theo niên độ bán niên và cả năm theo mẫu do UBCKNN quy định;
 - (c) Báo cáo thống kê về phí giao dịch của hoạt động đầu tư của Quỹ hàng năm và bán niên; và
 - (d) Báo cáo về hoạt động đầu tư của Quỹ theo niên độ hàng tháng, bán niên và cả năm theo mẫu do UBCKNN quy định.

19.3. BÁO CÁO BẤT THƯỜNG

Các báo cáo bất thường sẽ được cung cấp cho Nhà Đầu Tư trong trường hợp có những diễn biến hoặc hoạt động bất thường của Quỹ phát sinh, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các báo cáo về việc phân phối lợi nhuận, báo cáo trước khi hợp nhất hoặc sát nhập Quỹ hay sau các quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ.

19.4. HÌNH THỨC GỬI BÁO CÁO

Các báo cáo sẽ được cung cấp miễn phí cho Nhà Đầu Tư thông qua trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, hoặc gửi đến địa chỉ thư điện tử đã đăng ký của Nhà Đầu Tư. Các báo cáo sẽ được cung cấp tới các Thành Viên Lập Quỹ/Đại Lý Phân Phối nếu có yêu cầu. Công bố thông tin sẽ được thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính bán niên; và trong vòng chín mươi (90) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Nhà Đầu Tư có quyền yêu cầu từ chối nhận các báo cáo này.

XX. ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC VÀ GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ VinaCapital

Lầu 17, Tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84-28) 3821 9930

Fax: (84-28) 3821 9931

Email: irwm@vinacapital.com

Website: wm.vinacapital.com

XXI. CAM KẾT

Công Ty Quản Lý Quỹ cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong Bản Cáo Bạch này.

XXII. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

Phụ Lục 1: Các Mẫu Biểu (liên quan đến giao dịch góp vốn thành lập quỹ và hoán đổi Chứng Chỉ Quỹ)

Phụ Lục 2: Danh Sách Thành Viên Lập Quỹ, Đại Lý Phân Phối Và Điểm Nhận Lệnh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 07 năm 2020

**ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Thị Kim

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM ĐẠI
DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ
VINACAPITAL**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



BROOK COLIN TAYLOR

PHỤ LỤC 1: CÁC MẪU BIỂU

PHỤ LỤC 2 – DANH SÁCH THÀNH VIÊN LẬP QUỸ, ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI VÀ ĐIỂM NHẬN LỆNH

THÀNH VIÊN LẬP QUỸ

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Bảo Việt

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 01/GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 26/11/1999

Địa chỉ: Tầng 2 và 3, Tòa nhà số 72 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3928 8080 Fax: (84-24) 3928 9888

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán VNDirect

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 22/UBCK-GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 16/11/2006

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 26/GCNTVLK do Trung tâm lưu ký chứng khoán cấp ngày 05/12/2006

Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3941 0622 Fax: (84-24) 3972 4600

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Ngân Hàng Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 111/GP-UBCK do UBCKNN cấp lần đầu ngày 31/12/2010

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 78/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 31/12/2010

Địa chỉ: Tầng 10-11, Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3935 2722 Fax: (84-24) 2220 0669

ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Bảo Việt

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 01/GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 26/11/1999

Địa chỉ: Tầng 2 và 3, Tòa nhà số 72 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3928 8080 Fax: (84-24) 3928 9888

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán VNDirect

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 22/UBCK-GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 16/11/2006

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 26/GCNTVLK do Trung tâm lưu ký chứng khoán cấp ngày 05/12/2006

Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3941 0622 Fax: (84-24) 3972 4600

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Ngân Hàng Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 111/GP-UBCK do UBCKNN cấp lần đầu ngày 31/12/2010

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 78/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 31/12/2010

Địa chỉ: Tầng 10-11, Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3935 2722 Fax: (84-24) 2220 0669

Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ cập nhật đến Nhà Đầu Tư khi Quỹ chỉ định thêm các Đại Lý Phân Phối mới.

ĐIỂM NHẬN LỆNH CỦA THÀNH VIÊN LẬP QUỸ, ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

Tại Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Bảo Việt:

- a. Trụ sở công ty – Phòng khách hàng tổ chức - Tầng 2 và 3, tòa nhà số 72 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
Điện thoại: (84-24) 3928.8888 Fax: (84-24) 3928.9888
- b. Phòng Giao dịch 11 Nguyễn Công Trứ, Số 11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
Điện thoại: (84-28) 3821 8564 Fax: (84-28) 3914 1435

Tại Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán VNDirect:

- a. Hội sở: Số 1, Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: (84-24) 3972 4568 Fax: (84-24) 3972 4600
- b. Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh: Tòa nhà THE 90th PASTEUR, Số 90 Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-28) 7300 0688 Fax: (84-28) 3914 6924

Tại Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Ngân Hàng Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam:

Hội sở: Tầng 10-11, Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (84-24) 3935 2722 Fax: (84-24) 2220 0669

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Ngân Hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam không đăng ký thêm địa điểm phòng giao dịch.



